THIỀN

OSHO

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

THEKINGBOOKS

Lê Xuân Khoa *dịch*

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

THIỀN

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

4 Tống Duy Tân - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (024) 3825 2916

Fax: (024) 3928 9143

Email: nxbhanoi@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

TỔNG GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP: VŨ VĂN VIỆT

Biên tập viên nhà xuất bản:

Hoàng Thị Tâm

Biên tập Thaihabooks: Anh Tú

Sửa bản in: Thanh Huyền

Thiết kế bìa: Bùi Mai

Trình bày: Đàm Oanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

Trụ sở chính: 119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238

Chi nhánh TP HCM: 88/28 Đào Duy Anh, Phường 9, Q. Phú Nhuận

Tel: (028) 22532641

Website: www.thaihabooks.com /nhasachthaiha.vn

In 1500 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Công ty CP In Bản Việt

Địa chỉ: Thôn Hậu Ái, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Số đăng ký KHXB: 288-2022/CXBIPH/21-15/HN.

Quyết định xuất bản số: 1234/QĐ-HN, cấp ngày 26/4/2022.

In xong, nộp lưu chiểu năm 2022.

LỜI NGỎ

Thế kỷ XX đã chứng kiến những tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ làm nền tảng thúc đẩy sự phát triển của nhân loại trên nhiều phương diện. Đây cũng là thời kỳ mà các quan hệ quốc tế đã phát triển như một "thế giới phẳng" mà ở đó, không một quốc gia nào dù lớn hay nhỏ, dù thuộc hệ thống kinh tế xã hội nào có thể tồn tại và phát triển khi tách rời hệ thống.

Cùng với sự phát triển trên phương diện vật chất, nhân loại cũng chứng kiến sự nở rộ của hệ các tư tưởng, giá trị mang tính hiện sinh, hướng đến phát triển con người mới, xã hội mới trên cơ sở khai thác những giá trị cốt lõi, bản chất tự thân bên trong mỗi con người. Đại diện cho dòng tư tưởng này có thể kể đến như: Osho, Gurdjieff, J. Krishnamurti... Trong đó, Osho – nhà triết học, bậc thầy tâm linh người Ấn Độ là nhân vật có nhiều tư tưởng gây nên những tranh luận, ý kiến khác nhau tại nhiều quốc gia trên thế giới. Trong suốt cuộc đời mình, ông đã đến nhiều quốc gia, thuyết giảng nhiều vấn đề lớn. Trong các bài thuyết giảng của mình, ông đặt ra vấn đề phát triển tâm thức của từng người ngay trong thực tế cuộc sống đời thường là trọng tâm; hướng đến sống có ý thức trong mọi suy nghĩ, hành động, tư tưởng, tình cảm của mình mà không bị lệ thuộc, ràng buộc bởi những nguyên tắc, định kiến xã hội... Ở Osho, chúng ta nhận thấy tư tưởng của ông có phần cực đoan khi quá đề cao cái tôi tự thân, mà phê phán các nguyên tắc, lễ giáo, phong tục – vốn vẫn là một trong những yếu tố góp phần ổn định trật tự xã hội từ bao đời nay. Tuy nhiên, hiện nay con người đang có tầm mức trí tuệ ngày càng hiện đại, lại quá tập trung vào những vấn đề cuộc sống vật chất mà gần như lãng quên việc phải tìm hiểu tâm thức bên trong của mình, thì việc mỗi người quay lại "thức tỉnh thân tâm" để có cái nhìn toàn diện, thấu hiểu quy luật phát triển và hành động theo quy luật đó mà không bị chi phối bởi những ham muốn, những thúc giục của thói ích kỉ cá nhân là điều rất cần thiết. Và để đạt được điều đó, theo Osho không còn con đường nào hơn là mỗi người phải tự quan sát, tỉnh táo chứng kiến và suy ngẫm tất cả mọi việc từ nhiều phía để có

cách ứng xử phù hợp.

Tuy nhiên, những bài thuyết giảng của Osho trong một thời gian dài đã hứng chịu nhiều chỉ trích, lên án, thậm chí bản thân ông bị ngăn cấm, trục xuất, bởi lẽ những tư tưởng của ông không phải ai cũng có thể hiểu và đồng tình, chấp nhận trong một sớm một chiều. Vì vậy, sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi vẫn còn đâu đó những đánh giá, chê bai, công kích Osho dưới những góc nhìn khác nhau. Song ở đây, chúng tôi mong rằng khi tiếp cận với tư tưởng của ông, mỗi chúng ta cần có một cái nhìn khách quan trên tinh thần học thuật vô tư, trong sáng, có sự phân tích, suy ngẫm, tự đúc rút và chắt lọc cho mình những ý nghĩa giá trị phù hợp với bản thân, văn hóa, xã hội nơi mình đang sống.

Trên tinh thần đó, Công ty Cổ phần sách Thái Hà phối hợp với Nhà xuất bản Hà Nội gửi đến độc giả một số ấn phẩm của Osho có tựa đề: Đạo, Thiền, Tantra, Đức Phật, Upanishad, Đàn ông, Phụ nữ, Ươm mầm... Các ấn phẩm là tập hợp những bài thuyết giảng, đối thoại của Osho được tập hợp, sắp xếp dịch theo các chủ đề khác nhau. Chúng tôi hy vọng, thông qua những ấn phẩm này, độc giả hiểu hơn về Osho, về tư tưởng của ông và tìm thấy cho mình những suy ngẫm và cách ứng xử phù hợp, để nâng cao giá trị bản thân và góp phần làm nên những điều tốt đẹp cho xã hội mình đang sống.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

CÔNG TY CP SÁCH THÁI HÀ

GIỚI THIỆU

Thiền là một bước phát triển phi thường. Hiếm khi một khả năng như vậy trở thành hiện thực bởi vì có nhiều rủi ro trong đó. Trước đây từng có nhiều lần tồn tại khả năng ấy – một biến cố tâm linh nào đó lẽ ra đã có thể phát triển và trở thành giống như Thiền, nhưng nó không bao giờ thành hiện thực. Chỉ duy nhất một lần trong toàn thể lịch sử ý thức loài người có một thứ như Thiền bước vào đời sống. Nó rất hiếm có.

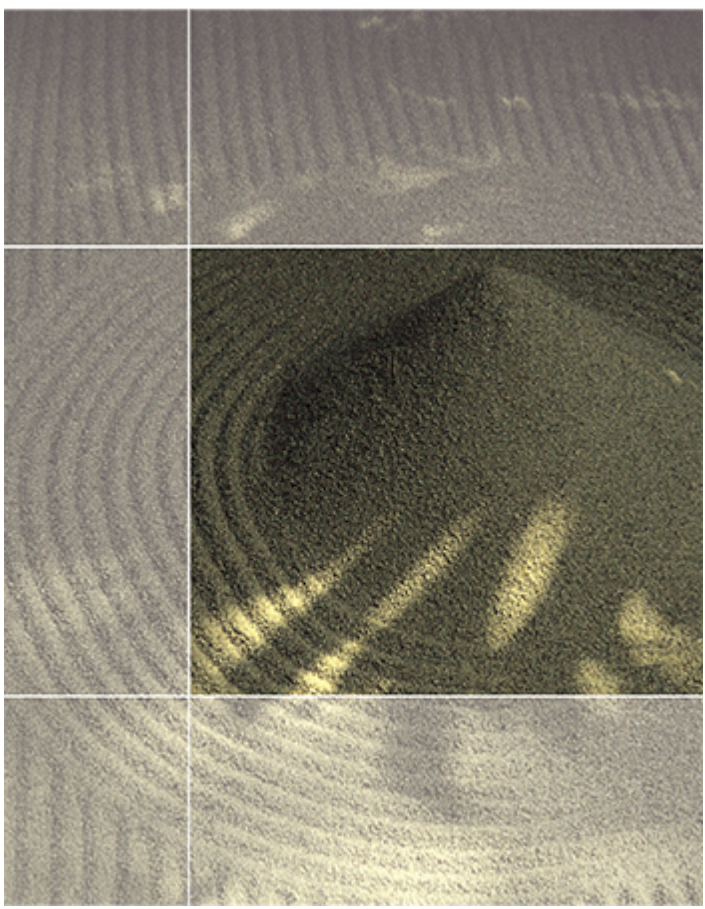

Trước hết, tôi muốn bạn hiểu Thiền là gì. Hãy cố gắng chậm rãi lắng nghe tôi kể về sự phát triển của Thiền – nó đã xảy đến ra sao.

Thiền được sinh ra ở Ấn Độ, lớn lên ở Trung Hoa và nở hoa ở Nhật Bản. Toàn bộ chuyện này thật hiếm có. Tại sao nó được sinh ra ở Ấn Độ nhưng không thể lớn lên ở Ấn Độ mà phải tìm một mảnh đất khác? Nó trở thành một cái cây vĩ đại ở Trung Hoa nhưng không ra hoa được ở đó; một lần nữa nó phải tìm một miền khí hậu mới, một miền khí hậu khác. Và ở Nhật Bản, nó nở hoa như một cây anh đào có hàng ngàn bông. Việc này không phải ngẫu nhiên, không phải tình cờ, mà có một lịch sử sâu xa bên trong. Tôi muốn tiết lộ nó cho bạn.

Ấn Độ là một đất nước hướng nội. Nhật Bản thì hướng ngoại. Và Trung Hoa ở ngay giữa hai cực ấy. Ấn Độ và Nhật Bản là những đối lập tuyệt đối. Vậy thì làm thế nào hạt giống được sinh ra ở Ấn Độ lại nở hoa ở Nhật Bản? Họ đối lập, họ không có sự tương đồng, họ trái ngược nhau. Tại sao Trung Hoa lại bước vào ngay ở giữa, để cho nó đất sống?

Hạt giống là sự hướng nội. Hãy cố gắng hiểu hiện tượng hạt giống, hiểu hạt giống là gì. Hạt giống là một hiện tượng hướng nội, hướng tâm – năng lượng di chuyển vào trong. Đó là lí do tại sao nó là một hạt giống. Nó được bao bọc và đóng kín, tách rời hoàn toàn khỏi thế giới bên ngoài. Trên thực tế, hạt giống là thứ cô đơn nhất, biệt lập nhất trên thế giới. Nó không có gốc rễ trong đất, không có cành lá trên bầu trời; nó không có kết nối nào với mặt đất, không có kết nối nào với bầu trời. Nó không có mối quan hệ. Hạt giống là một hòn đảo thực sự, biệt lập, hướng vào trong. Nó không liên kết. Nó có vỏ cứng bao quanh, không cửa sổ, không cửa ra vào. Nó không thể đi ra và không gì có thể đi vào.

Hạt giống là thứ tự nhiên đối với Ấn Độ. Tinh thần Ấn Độ có thể sản sinh ra những hạt giống có tiềm năng to lớn, nhưng không thể cho chúng đất sống. Ấn Độ là ý thức hướng nội. Ấn Độ nói cái bên ngoài không tồn tại, và ngay cả nếu nó có vẻ như tồn tại thì nó được làm từ cùng chất liệu với những giấc mơ. Toàn bộ tinh thần Ấn Độ đã luôn cố gắng khám phá ra cách trốn thoát khỏi cái bên ngoài, cách di chuyển vào sào huyệt bên trong của trái tim, cách định tâm trong chính mình. Và cách để nhận ra rằng toàn bộ thế giới tồn tại bên ngoài ý thức chỉ là một giấc mơ – cùng lắm là một giấc mơ đẹp, còn tệ nhất là cơn ác mộng. Cho dù nó đẹp đẽ hay xấu

xí, trong thực tại nó là một giấc mơ, và người ta không nên phiền lòng nhiều về nó. Người ta nên thức tỉnh và quên đi toàn thể giấc mơ của thế giới bên ngoài.

Toàn thể nỗ lực của Đức Phật, Mahavira, Tilopa, Gorakhnath, Kabir[1] – toàn thể nỗ lực của họ xuyên suốt nhiều thế kỉ – là tìm ra cách thoát khỏi bánh xe sinh tử: làm sao để nhốt bản thân mình lại; làm sao để hoàn toàn cắt lìa bản thân mình khỏi tất cả các mối quan hệ; làm sao để bỏ sự liên kết, để tách rời; làm sao để di chuyển vào trong và quên đi cái bên ngoài. Đó là lí do tại sao Thiền được sinh ra ở Ấn Độ.

---

[1] Tên của những bậc thầy tâm linh. (Các chú thích trong sách đều của người dịch và Ban biên tập tiếng Việt)

Thiền có cùng nghĩa với *dhyan*. *Dhyan* là toàn bộ nỗ lực của ý thức Ấn Độ, và có nghĩa là đơn độc, ở sâu bên trong bản thể đến mức thậm chí không có một ý nghĩ nào tồn tại. Trên thực tế, không có cách dịch trực tiếp từ này sang tiếng Anh. Không phải là "contemplation". "Contemplation" nghĩa là suy nghĩ, ngẫm nghĩ. Ngay cả "meditation" cũng không phải bởi vì "meditation" bao hàm một đối tượng để thiền.

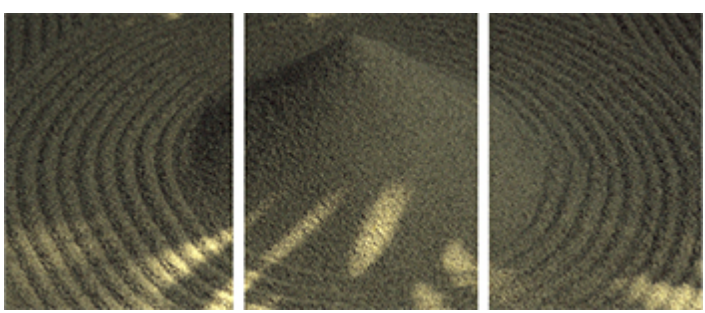

Nó nghĩa là có gì đó ở đấy. Bạn có thể thiền về Chúa Jesus hoặc bạn có thể thiền về cây thánh giá. Nhưng *dhyan* nghĩa là đơn độc đến mức không có gì để hành thiền. Không đối tượng, chỉ một mình chủ thể tồn tại – ý thức không gợn một bóng mây, một bầu trời thanh khiết.

Khi từ này tới Trung Hoa, nó trở thành *ch'an*. Khi *ch'an* tới Nhật Bản, nó trở thành *Zen*. Nó đến từ cùng một gốc từ Sanskrit là *dhyan*.

Ấn Độ có thể cho ra đời *dhyan*. Trong nhiều thiên niên kỉ, toàn bộ ý thức Ấn Độ đã du hành trên con đường của *dhyan* – làm thế nào

để vứt bỏ tất cả suy nghĩ và làm thế nào để bắt rễ trong ý thức thuần khiết. Nhờ Đức Phật, hạt giống bước vào trong hiện hữu. Trước khi Đức Phật xuất hiện, nhiều lần hạt giống đã bước vào trong hiện hữu nhưng không thể tìm ra đất trồng phù hợp nên nó đã biến mất.

Tương lai của nhân loại sẽ đến gần hơn cách tiếp cận của Thiền, bởi vì sự gặp gỡ giữa phương Đông và phương Tây chỉ có thể xảy ra thông qua một thứ giống như Thiền, cái trần tục mà lại thoát tục.

Nếu trao một hạt giống cho ý thức Ấn Độ, nó sẽ tiêu tan, bởi vì ý thức Ấn Độ sẽ càng ngày càng di chuyển vào trong, và hạt giống sẽ càng ngày càng trở nên nhỏ bé, cho đến khi nó trở thành vô hình.

Một lực hướng tâm làm cho mọi thứ cứ nhỏ dần, nhỏ dần – thành nguyên tử – tới khi chúng đột nhiên biến mất. Trước khi Đức Phật xuất hiện, nhiều lần hạt giống của *dhyan* đã được sinh ra – và trở thành một *dhyani* tức là trở thành một thiền nhân vĩ đại. Trên thực tế, Đức Phật là một trong những người cuối cùng của một chuỗi dài. Bản thân ông nhớ được 24 vị Phật trước ông. Thời đó, Kỳ Na giáo[1] đã có 24*tirthankara*[2] và tất cả bọn họ đều là những thiền nhân. Họ chẳng làm gì khác, họ chỉ thiền, thiền và thiền, cho đến khi họ tới một điểm mà chỉ họ hiện hữu còn mọi thứ khác tan biến, bốc hơi.

---

[1] Một tôn giáo ở Ấn Độ, có từ thời Đức Phật, do Mahavira sáng lập ra.

[2] Tên gọi những bậc thầy tâm linh của Kỳ Na giáo.

Hạt giống được sinh ra cùng Parshwanath, Mahavira, Neminath[1] và những người khác, nhưng khi đó, nó vẫn ở cùng ý thức Ấn Độ. Ý thức Ấn Độ có thể cho ra đời một hạt giống, nhưng không thể trở thành mảnh đất thích hợp cho nó. Nó tiếp tục làm việc theo cùng một chiều hướng và hạt giống cứ trở nên ngày càng nhỏ bé hơn, thành phân tử, nguyên tử – rồi tan biến. Đó là điều xảy đến với bộ *Upanishad*, đó là điều xảy đến với bộ *Veda*[2], đó là điều xảy đến với Mahavira và tất cả những người khác.

---

[1] Tên của các tirthankara.

[2] Tên những bộ kinh điển quan trọng bậc nhất của Hindu giáo. Về kinh Upanishad, xin đọc thêm cuốn Upanishad của Osho, cùng bộ với cuốn sách này.

Với Đức Phật, điều đó cũng suýt nữa xảy ra. Bồ Đề Đạt Ma đã cứu ông. Nếu hạt giống bị bỏ lại cùng với ý thức Ấn Độ, nó sẽ bị phân rã. Nó sẽ không bao giờ nảy mầm, bởi vì để nảy mầm cần một loại đất khác – một loại đất cân bằng. Hướng nội là sự mất cân bằng sâu sắc, nó là sự cực đoan.

Tương truyền chính Đức Phật đã nói: "Tôn giáo của ta sẽ không tồn tại quá 500 năm, rồi nó sẽ biến mất." Ông đã nhận ra rằng mọi chuyện luôn luôn xảy ra theo cách đó. Ý thức Ấn Độ không ngừng nghiền nó thành những mảnh nhỏ hơn và nhỏ hơn nữa, cho tới khi nó nhỏ đến mức vô hình. Nó hoàn toàn không còn là một phần của thế giới này, nó tan biến vào bầu trời.

Bồ Đề Đạt Ma đã bỏ trốn đến Trung Hoa cùng với hạt giống. Ông đã làm một trong những điều vĩ đại nhất trong lịch sử ý thức: Ông đã tìm thấy mảnh đất phù hợp cho hạt giống mà Đức Phật trao cho thế giới.

Thực nghiệm của Bồ Đề Đạt Ma thật vĩ đại. Ông quan sát khắp thế giới một cách sâu sắc để tìm nơi hạt giống này có thể mọc lên.

Trung Hoa là một đất nước cân bằng, không giống như Ấn Độ, không giống như Nhật Bản. Con đường ở đó là trung dung. Tư tưởng của Khổng Tử là luôn ở giữa: không hướng nội cũng không hướng ngoại, không nghĩ quá nhiều về thế giới này lẫn thế giới kia – chỉ giữ nguyên ở giữa. Trung Hoa không cho ra đời một tôn giáo, mà chỉ cho ra đời một hệ thống đạo đức. Chẳng có tôn giáo nào được sinh ra ở đây, ý thức Trung Hoa không thể cho ra đời một tôn giáo. Nó không thể tạo ra hạt giống. Tất cả những tôn giáo tồn tại ở Trung Hoa đều là nhập khẩu, tất cả chúng đều tới từ bên ngoài. Phật giáo, Hindu giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo, tất cả đều đến từ bên ngoài. Trung Hoa là một mảnh đất tốt nhưng không thể khởi nguồn ra tôn giáo nào, bởi vì để khởi nguồn ra một tôn giáo, người ta phải di chuyển vào thế giới bên trong. Để cho ra đời một tôn giáo, người ta phải giống như thân thể phụ nữ, giống như bụng mẹ.

Hạt giống là người keo kiệt, chỉ biết đến mình, còn bông hoa là người ăn tiêu hoang phí.

Ấn Độ thì hướng nội, một đất nước nữ tính; nó giống như bụng mẹ, rất dễ thụ cảm. Nhưng nếu đứa trẻ cứ ở trong bụng mẹ mãi mãi đến thiên thu vạn kiếp thì bụng mẹ sẽ trở thành phần mộ. Đứa trẻ phải di chuyển ra ngoài bụng mẹ, nếu không người mẹ sẽ

giết chết đứa trẻ bên trong. Nó phải trốn thoát, phải tìm thấy thế giới bên ngoài, một thế giới lớn lao hơn. Bụng mẹ có thể dễ chịu – quả thực là thế! Các nhà khoa học nói rằng chúng ta vẫn chưa thể tạo ra cái gì dễ chịu hơn bụng mẹ. Bụng mẹ là một cõi trời. Nhưng ngay cả thế thì đứa trẻ cũng phải rời khỏi cõi trời đó và bước ra bên ngoài người mẹ.

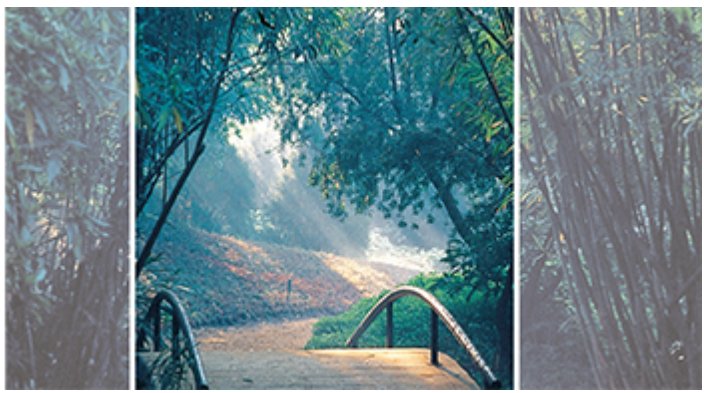

Nếu vượt quá một khoảng thời gian nhất định thì người mẹ có thể trở nên rất nguy hiểm. Lúc đó bụng mẹ có thể giết đứa con, bởi vì nó sẽ trở thành sự giam cầm. Nó là tốt trong một khoảng thời gian, khi hạt giống đang lớn, nhưng rồi hạt giống phải được cấy vào thế giới bên ngoài.

Bồ Đề Đạt Ma nhìn xung quanh, quan sát toàn bộ thế giới, và thấy rằng Trung Hoa có đất trồng tốt nhất; nó là khu đất ở giữa, không phải thái cực nào. Khí hậu ở đó không cực đoan cho nên cây có thể phát triển dễ dàng. Và Trung Hoa có những con người cân bằng. Cân bằng là mảnh đất phù hợp cho sự lớn lên; quá lạnh là dở, quá nóng là dở. Ở một khí hậu cân bằng không quá nóng cũng không quá lạnh thì cây có thể lớn.

Bồ Đề Đạt Ma đã trốn thoát cùng hạt giống, trốn thoát cùng tất cả những gì Ấn Độ đã tạo ra. Không ai nhận thức được điều ông đang làm, nhưng đó là một thực nghiệm vĩ đại. Và ông đã chứng minh là mình đúng. Ở Trung Hoa, cái cây lớn lên – lớn lên tới một tầm vóc mênh mông.

Nhưng mặc dù cái cây trở nên ngày một sum suê, không có bông hoa nào mọc lên. Hoa không đến, bởi vì hoa cần một đất nước hướng ngoại. Giống như hạt giống là hướng nội, hoa là hướng ngoại. Hạt giống di chuyển vào trong, hoa di chuyển ra ngoài. Hoa giống như ý thức nam tính. Nó mở ra với thế giới bên ngoài và tỏa hương thơm ra thế giới bên ngoài. Thế rồi trên đôi cánh của gió,

hương thơm sẽ đi đến tận chân trời góc bể. Bông hoa tỏa năng lượng chứa đựng trong hạt giống đi khắp muôn phương. Nó là cánh cửa. Hoa muốn trở thành những cánh bướm và trốn thoát khỏi cái cây. Trên thực tế, đó là điều chúng đang làm theo một cách rất tinh tế. Chúng đang giải phóng tinh chất của cây, ý nghĩa, tầm quan trọng của cây ra thế giới. Chúng là những người chia sẻ vĩ đại. Hạt giống là người keo kiệt, chỉ biết đến mình, còn bông hoa là người ăn tiêu hoang phí.

Giờ cần đến Nhật Bản. Nhật Bản là đất nước hướng ngoại. Phong cách sống và ý thức của nó hướng ngoại. Nhìn xem... ở Ấn Độ, không ai phiền lòng quá nhiều về thế giới bên ngoài – về quần áo, nhà cửa, cách sống của một người. Chẳng ai bận tâm. Đó là lí do tại sao Ấn Độ vẫn quá nghèo. Nếu bạn không lo lắng về thế giới bên ngoài, làm sao bạn có thể trở nên giàu có được? Nếu bạn không quan tâm đến việc cải thiện thế giới bên ngoài, bạn sẽ mãi nghèo. Và người Ấn Độ thì luôn nghiêm túc, luôn sẵn sàng đào thoát khỏi cuộc đời. Những vị Phật của họ luôn nói về việc làm thế nào để hoàn toàn rời bỏ hiện hữu – không chỉ xã hội, mà là hoàn toàn rời bỏ cả hiện hữu! Hiện hữu quá tẻ nhạt. Theo quan điểm của người Ấn Độ, cuộc sống chỉ là một màu xám – không có gì thú vị, mọi thứ đều tẻ nhạt và là gánh nặng. Con người, bằng cách nào đó, phải mang theo nó vì nghiệp của quá khứ. Ngay cả khi một người Ấn Độ rơi vào tình yêu, anh ta cũng nói nó là do nghiệp quá khứ; con người phải trải qua nó. Thậm chí tình yêu cũng giống như gánh nặng mà con người phải mang.

Ấn Độ dường như nghiêng về cái chết hơn sự sống. Một người hướng nội phải nghiêng về cái chết. Đó là lí do tại sao Ấn Độ đã phát triển tất cả các kĩ thuật để chết một cách hoàn hảo, hoàn hảo đến mức bạn không sinh ra lần nữa. Cái chết là mục tiêu chứ không phải sự sống. Cuộc sống là dành cho người khờ dại, cái chết là cho những ai thông thái. Cho dù Đức Phật hay Mahavira đẹp đẽ nhường nào, bạn sẽ vẫn thấy họ khép kín; chung quanh họ tồn tại một hào quang vĩ đại của sự lãnh đạm. Cho dù điều gì xảy ra, họ cũng hoàn toàn chẳng bận tâm. Cho dù nó xảy ra theo cách này hay cách kia thì cũng không có gì khác biệt, cho dù thế giới tiếp tục sống hay chết thì cũng chẳng có gì khác biệt. Trong sự lãnh đạm vô cùng này, không thể nở hoa; trong trạng thái giam cầm bên trong này, việc nở hoa là bất khả thi.

Nhật Bản lại hoàn toàn khác. Với ý thức Nhật Bản thì gần như cái bên trong không tồn tại; chỉ cái bên ngoài là có ý nghĩa. Hãy nhìn vào y phục của người Nhật. Chúng chứa đầy màu sắc của hoa và cầu vồng, như thể cái bên ngoài vô cùng ý nghĩa. Hãy nhìn một

người Ấn khi anh ta đang ăn, và rồi nhìn người Nhật. Hãy nhìn một người Ấn khi anh ta dùng trà, và rồi nhìn người Nhật. Một người Nhật tạo ra lễ hội từ những điều đơn giản nhất. Dùng trà, anh ta biến nó thành một lễ hội. Nó trở thành nghệ thuật. Cái bên ngoài vô cùng quan trọng: Trang phục vô cùng quan trọng, các mối quan hệ vô cùng quan trọng.

Bạn không thể tìm đâu trên thế giới có nhiều người thoải mái hơn người Nhật – luôn luôn mỉm cười và trông thật hạnh phúc. Còn người Ấn thì sẽ trông hời hợt, họ nghiêm túc. Người Ấn hướng nội còn người Nhật hướng ngoại: Họ trái ngược nhau.

Một người Nhật luôn luôn dịch chuyển trong xã hội. Toàn thể văn hóa Nhật Bản quan tâm đến việc làm sao tạo ra một xã hội tươi đẹp, làm sao tạo ra những mối quan hệ tốt đẹp – trong mọi thứ, trong mọi thời khắc – làm sao trao cho chúng ý nghĩa. Nhà của họ vô cùng đẹp đẽ. Ngay cả nhà của một người nghèo cũng có vẻ đẹp riêng: Nó có thẩm mĩ, nó có sự độc đáo riêng.

Nó có thể không quá giàu có, nhưng nó vẫn giàu có theo một ý nghĩa nào đó, nhờ vẻ đẹp, sự sắp xếp, sự chú tâm được mang vào mọi chi tiết nhỏ bé, li ti. Cửa sổ nên ở chỗ nào, loại rèm nào nên được dùng, ánh trăng nên được mời vào ô cửa sổ như thế nào, và từ đâu. Những thứ rất nhỏ, nhưng mọi chi tiết đều quan trọng.

Đối với người Ấn Độ, chẳng có gì quan trọng. Nếu bạn đi đến một đền thờ Ấn Độ, nó không có cửa sổ nào, chẳng có gì, mất vệ sinh, không có sự quan tâm đến không khí, thông gió – không gì hết. Đến đền đài còn xấu xí, và mọi thứ đều thế – bẩn thỉu, bụi bặm, không ai quan tâm. Ngay đằng trước ngôi đền bạn sẽ thấy lũ bò đang ngồi, lũ chó đang cắn nhau, con người đang cầu nguyện. Không ai quan tâm. Cái bên ngoài không có ý nghĩa gì cả, họ hoàn toàn không bận tâm đến cái bên ngoài.

Nhật Bản lại rất bận tâm đến cái bên ngoài – như ở một thái cực khác. Nhật Bản là đất nước phù hợp. Toàn bộ cây Thiền đã được cấy vào trong Nhật Bản và nó trổ bông hàng ngàn sắc màu. Nó nở hoa.

Phần một
SINH RA TRONG TIẾNG CƯỜI

Thiền là sự nở hoa tối thượng của ý thức. Nó bắt đầu bằng việc Đức Phật trao một bông hoa sen cho Ma Ha Ca Diếp.

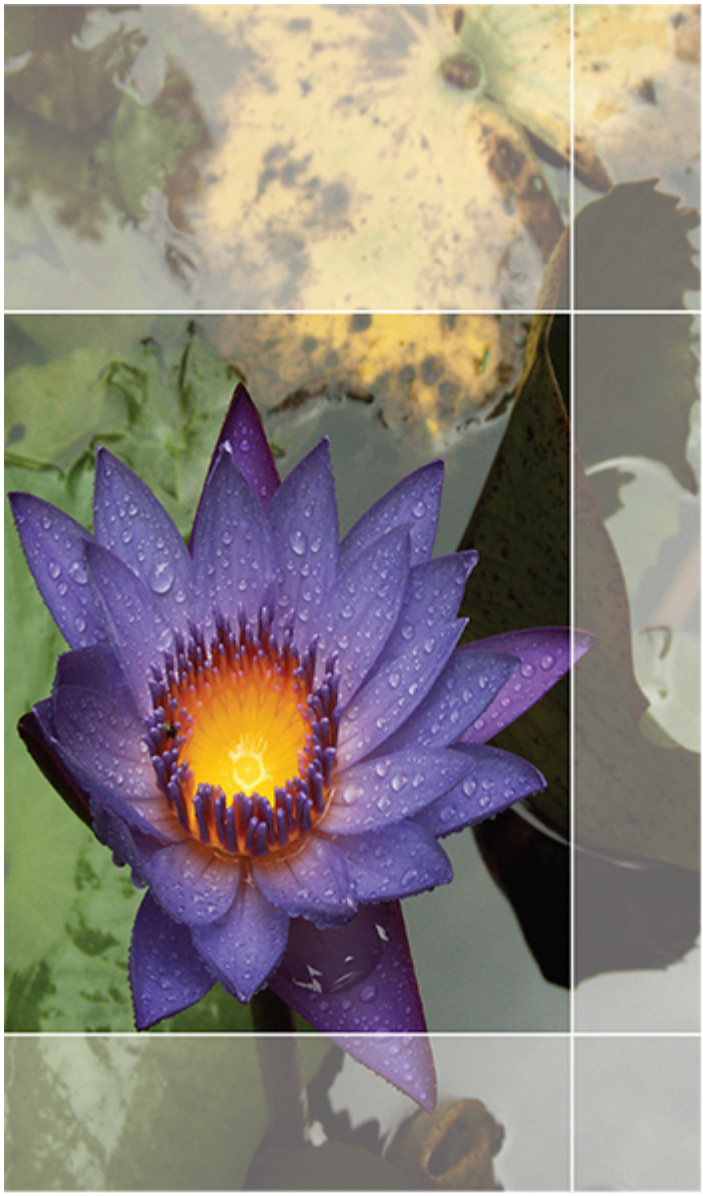

HẠT GIỐNG THIỀN

Một người vừa mới hái một bông hoa và, không nói một lời, cầm nó lên giữa những người đang ngồi thành vòng tròn chung quanh anh ta. Từng người nhìn vào bông hoa rồi giải thích ý nghĩa, tầm quan trọng, tất cả những gì nó tượng trưng. Tuy nhiên, người cuối cùng nhìn bông hoa mà không nói gì, chỉ mỉm cười. Người ở trung tâm cũng bèn mỉm cười và không nói một lời, trao cho anh ta bông hoa. Đây là khởi nguyên của Thiền.

Một hôm Đức Phật có bài thuyết giảng, và từ nhiều dặm xung quanh, hàng ngàn đệ tử đến tham dự. Khi Đức Phật xuất hiện, ông cầm trên tay một bông hoa. Thời gian trôi đi nhưng Đức Phật không nói gì, chỉ nhìn vào bông hoa. Đám đông trở nên bồn chồn, nhưng Ma Ha Ca Diếp, người không kiềm chế được bản thân lâu hơn, bật lên tiếng cười. Đức Phật ra hiệu cho ông lại gần, trao cho ông bông hoa và nói với đám đông: "Tất cả những gì có thể trao bằng lời, ta đã trao cho các vị; nhưng với bông hoa này, ta trao cho Ma Ha Ca Diếp chìa khóa của mọi giáo huấn."

Chìa khóa của mọi giáo huấn, không chỉ đối với Đức Phật mà đối với tất cả các bậc thầy – Chúa Jesus, Mahavira, Lão Tử – không thể trao thông qua giao tiếp bằng lời. Không thể trao chìa khóa thông qua tâm trí, không thể nói gì về nó. Bạn càng nói nhiều, càng khó trao, bởi vì bạn và một vị Phật sống trong những chiều khác biệt –

không những khác biệt mà còn hoàn toàn đối lập – cho nên bất cứ điều gì một vị Phật nói cũng sẽ bị hiểu nhầm.

Tôi từng nghe rằng, một đêm nọ, ba người phụ nữ bị điếc nhẹ gặp nhau trên đường. Trời lộng gió, cho nên một người nói: “Gió (windy) nhỉ?”

Người khác nói: “Thứ Tư (Wednesday) hả? Không, hôm nay là thứ Năm (Thursday).”

Và người thứ ba nói: “Khát (Thirsty) à? Tôi cũng thế, vậy chúng ta hãy ra quán làm một tách trà đi.”

Đây là điều xảy ra khi một vị Phật nói gì đó với bạn. Ông ấy nói: "Gió nhỉ?" Bạn nói: "Thứ Tư à? Không, là thứ Năm."

Tai nghe của thân thể thì có, nhưng tai nghe của tâm linh thì

không. Một vị Phật chỉ có thể nói với một vị Phật khác – đây là vấn đề – và với vị Phật khác thì không cần nói. Một vị Phật phải nói với những người chưa chứng ngộ. Với họ tồn tại nhu cầu nói và giao tiếp, nhưng rồi giao tiếp là bất khả thi.

Hai người vô minh có thể nói chuyện. Họ nói nhiều, họ không làm gì ngoại trừ nói. Hai người chứng ngộ không thể nói chuyện – nó sẽ là ngớ ngẩn.

Hai người vô minh nói chuyện thì vô nghĩa bởi vì không có gì để truyền đạt. Họ không biết có thể nói gì, nên nói gì, nhưng họ cứ nói. Họ nói luôn miệng. Họ không kiểm soát nổi; nó chỉ là một sự thanh tẩy điên khùng, một sự giải tỏa.

Hai người chứng ngộ không thể nói chuyện bởi vì họ biết như nhau. Chẳng có gì cần nói. Chỉ một người chứng ngộ và một người chưa chứng ngộ mới có thể giao tiếp có ý nghĩa, bởi vì một người biết còn người kia vẫn chưa biết. Tôi nói là giao tiếp có ý nghĩa. Tôi không nói là có thể truyền tải chân lí. Nhưng có thể truyền đạt vài gợi ý, vài biểu thị, vài dấu hiệu, để người kia sẵn sàng thực hiện cú nhảy. Không thể truyền tải chân lí nhưng có thể trao cơn khát. Không giáo huấn nào đáng nêu danh có thể đưa ra chìa khóa thông qua lời nói.

Đức Phật đã nói – khó tìm ra người nào khác từng nói nhiều như vậy. Các học giả đã nghiên cứu toàn bộ kinh sách tồn tại dưới cái tên Đức Phật, và nó dường như là một thành tựu bất khả thi bởi vì sau khi chứng ngộ, ông chỉ sống 40 năm và liên tục đi từ làng này qua làng khác.

Ông đi qua toàn bộ bang Bihar ở Ấn Độ, nơi được đặt tên là Bihar vì Đức Phật đã bước đi ở đó. Bihar nghĩa là những con đường Phật bước đi. Toàn bộ bang được gọi là Bihar bởi vì đây là ranh giới những nơi Đức Phật đã bước qua – bihar của ông, cuộc lãng du của

ông.

Ông liên tục bước đi, chỉ nghỉ ngơi vào mùa mưa. Ông lãng phí quá nhiều thời gian vào việc bước đi, và rồi ông cũng còn phải ngủ. Cho nên các học giả, sau khi tính toán, đã nói: "Điều này dường như là bất khả thi. Ông phải ngủ, bước đi, làm những việc thường ngày khác – nhưng lại có quá nhiều kinh sách, làm sao ông có thể nói nhiều đến thế? Trừ phi ông đã nói không ngừng suốt 40 năm, không một khắc nào ngơi nghỉ, chỉ thế mới có thể nhiều như vậy." Ông hẳn đã nói rất nhiều – gần như liên tục – tuy nhiên ông vẫn nói rằng không thể truyền tải chìa khóa bằng lời.

Câu chuyện này là một trong những câu chuyện ý nghĩa nhất, bởi vì đây là sự ra đời của truyền thống Thiền. Đức Phật là cội nguồn, và Ma Ha Ca Diếp là người đầu tiên, bậc thầy nguyên thủy của Thiền. Đức Phật là cội nguồn, Ma Ha Ca Diếp là bậc thầy đầu tiên,

và câu chuyện này là cội nguồn mà từ đó toàn thể truyền thống – một trong những truyền thống đẹp đẽ và sống động nhất tồn tại trên Trái Đất, truyền thống Thiền – bắt đầu.

Hãy cố gắng hiểu câu chuyện này. Một buổi sáng, Đức Phật tới và như thường lệ, đám đông tụ tập lại; nhiều người chờ đợi để lắng nghe. Nhưng có một điều bất thường – Đức Phật cầm trên tay một bông hoa. Trước đây chưa bao giờ ông đem theo thứ gì trên tay. Người ta nghĩ rằng ai đó hẳn đã tặng nó cho ông. Đức Phật đến, ông ngồi xuống dưới gốc cây. Đám đông cứ chờ đợi mãi mà ông không nói. Ông thậm chí không nhìn vào họ, ông chỉ nhìn vào bông hoa. Nhiều phút trôi qua, rồi nhiều giờ trôi qua, mọi người trở nên rất bồn chồn.

Người ta kể rằng Ma Ha Ca Diếp không thể kiềm chế được bản thân. Ông cười phá lên. Đức Phật gọi ông, trao cho ông bông hoa và nói với đám đông tụ tập: "Những gì có thể nói bằng lời ta đã nói cho các vị, và điều không thể nói bằng lời ta trao cho Ma Ha Ca

Diếp. Không thể truyền đạt chìa khóa qua lời nói. Ta giao lại chìa khóa cho Ma Ha Ca Diếp."

Các Thiền sư gọi đây là "sự chuyển giao chìa khóa không cần kinh sách" – vượt khỏi kinh sách, vượt khỏi ngôn từ, vượt khỏi tâm trí. Ông trao bông hoa cho Ma Ha Ca Diếp, và không ai có thể hiểu điều gì đã xảy ra. Cả Ma Ha Ca Diếp lẫn Đức Phật không bao giờ bình giải lại nó. Toàn bộ câu chuyện đã khép lại. Từ đó trở đi, ở Trung Quốc, Tây Tạng, Thái Lan, Myanmar, Nhật Bản, Sri Lanka – khắp mọi nơi – trong 25 thế kỉ vừa qua, các Phật tử đã hỏi: " Ma Ha Ca Diếp đã được trao cho cái gì? Chìa khóa là gì?"

Toàn bộ câu chuyện dường như rất bí truyền. Đức Phật vốn thường không giấu kín, đây là lần duy nhất... Đức Phật là một người rất duy lí. Ông nói đầy lí trí, ông không phải kẻ mê cuồng điên loạn, ông biện luận đầy lí trí, và logic của ông thì hoàn hảo – bạn không thể tìm ra được lỗ hổng nào trong đó. Đây là lần duy nhất ông hành xử phi logic, lần duy nhất ông làm gì đó thần bí. Ông hoàn toàn không phải người thần bí. Bạn không thể tìm được bậc thầy nào khác ít thần bí hơn ông.

Chúa Jesus rất thần bí. Lão Tử vô cùng thần bí. Đức Phật thì dễ hiểu và trong sáng; chẳng có gì thần bí bao quanh ông, không có màn khói nào. Ngọn lửa của ông cháy sáng rực rỡ, hoàn toàn trong trẻo và không có khói. Đây là điều duy nhất có vẻ thần bí; cho nên, nhiều kinh sách Phật giáo không bao giờ thuật lại giai thoại này, họ bỏ nó đi. Cứ như thể ai đó đã sáng tác ra nó. Nó chẳng phù hợp chút nào với cuộc đời và giáo huấn của Đức Phật.

Nhưng đây là khởi nguyên của Thiền. Ma Ha Ca Diếp trở thành người đầu tiên giữ chìa khóa. Sau đó sáu người giữ chìa đã sống kế tiếp nhau ở Ấn Độ, cho đến Bồ Đề Đạt Ma, người giữ chìa thứ sáu[1].

---

[1] *Theo nhiều nguồn thông tin và tư liệu thì Bồ Đề Đạt Ma được xem là Tổ thứ*

Đối với tôi, nếu tất cả kinh sách của Đức Phật biến mất thì cũng chẳng có gì mất mát. Chỉ có giai thoại này không nên biến mất. Đây là giai thoại quý báu nhất, tuy nhiên các học giả đã bỏ nó ra khỏi tiểu sử của Đức Phật.

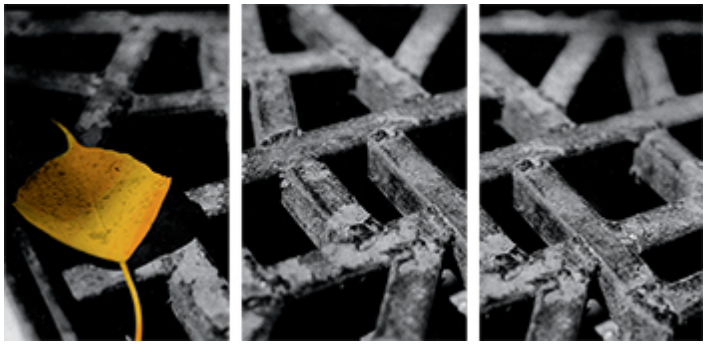

Họ nói: "Chuyện này không thích đáng, nó không phù hợp với Đức Phật." Nhưng tôi nói cho bạn nghe, hầu hết những gì Đức Phật làm chỉ là việc bình thường, ai cũng có thể làm, những điều này là phi thường, điều này là ngoại lệ. Chỉ một vị Phật mới có thể làm được.

Chuyện gì đã xảy ra vào sáng hôm đó? Chúng ta hãy thâm nhập vào trong nó. Đức Phật tới, ngồi xuống và bắt đầu nhìn vào bông hoa. Ông ấy đang làm gì? Khi Đức Phật nhìn vào cái gì đó, ý thức của ông được chuyển giao. Và bông hoa là một trong những thứ dễ thụ cảm nhất trên thế giới. Cho nên người Hindu và Phật tử mới đem hoa đến đặt dưới chân bậc thầy của họ hoặc đặt trong đền chùa, bởi vì một bông hoa có thể đem theo thứ gì đó của ý thức bạn.

Một bông hoa thì dễ thụ cảm và nếu bạn quan tâm đến những nghiên cứu mới ở phương Tây, bạn sẽ hiểu. Giờ đây người ta nói thực vật còn nhạy cảm hơn con người. Hoa lại là trái tim của thực vật, toàn bộ bản thể bước vào trong nó. Người ta đang thực hiện nhiều nghiên cứu về sự nhạy cảm của thực vật ở Nga, Hoa Kì, Anh, và đã khám phá ra một điều kì diệu.

Một nhà khoa học đang nghiên cứu về thực vật – chúng cảm thấy ra sao, liệu chúng có cảm thấy gì hay không, liệu chúng có cảm xúc hay không. Ông ngồi cạnh một cái cây được gắn điện cực để phát hiện ra mọi chuyển động của bản thể bên trong nó, bất cứ cảm giác nào, bất cứ cảm xúc nào. Ông nghĩ: “Nếu ta cắt cái cây

này, nếu ta phá bỏ một cành hoặc cắt nó khỏi mặt đất, điều gì sẽ xảy ra?" Đột nhiên, kim vẽ biểu đồ vọt lên. Ông ấy chưa làm gì cả, ông ấy mới chỉ có ý nghĩ: "Nếu ta cắt cái cây này..." Cái cây sợ chết và kim tăng đột ngột ghi nhận rằng cái cây đang run sợ. Ngay cả nhà khoa học cũng trở nên hoảng hốt bởi vì ông ấy chưa làm gì cả – chỉ một ý nghĩ và cái cây đã nhận được nó. Thực vật có thần giao cách cảm.

Không chỉ có vậy, nếu bạn nghĩ đến việc cắt một cái cây, tất cả những cây xung quanh khu vực đó sẽ trở nên lo lắng, xúc động. Ngoài ra, nếu ai đó đã từng cắt một cái cây bước vào vườn, tất cả cây cối trở nên lo lắng bởi vì người này không tốt và chúng mang theo kí ức. Mỗi khi người này đi vào vườn, toàn thể khu vườn cảm thấy rằng một con người nguy hiểm sắp đến. Giờ đây một vài nhà khoa học nghĩ rằng thực vật có thể được sử dụng để liên lạc bằng thần giao cách cảm, bởi vì chúng nhạy cảm hơn trí óc con người.

Ở phương Đông, chúng ta luôn luôn biết rằng bông hoa là thứ dễ thụ cảm nhất. Khi Đức Phật nhìn vào bông hoa và không ngừng nhìn vào nó, ông đã chuyển giao một điều gì đó của mình sang bông hoa. Đức Phật bước vào bông hoa. Phẩm chất bản thể của ông – sự tỉnh giác, sự nhận biết, bình an, cực lạc, điệu vũ bên trong – chạm vào bông hoa. Với cái nhìn của Đức Phật vào bông hoa – vô cùng thoải mái, như ở nhà, không chút dục vọng – bông hoa hẳn phải nhảy múa trong bản thể bên trong của nó. Đức Phật nhìn để chuyển giao điều gì đó cho bông hoa. Chỉ bông hoa và ông hiện hữu – suốt một hồi lâu, cả thế giới mất đi. Chỉ Đức Phật và bông hoa ở đó. Bông hoa bước vào bản thể của Đức Phật, và Đức Phật bước vào bản thể của bông hoa.

Rồi bông hoa được trao cho Ma Ha Ca Diếp. Giờ đây nó không chỉ là một bông hoa. Nó mang theo Phật tính, nó mang theo phẩm chất bên trong của bản thể Đức Phật. Và tại sao lại cho Ma Ha Ca Diếp? Có những học giả lớn khác. Lịch sử ghi nhận mười đại đệ tử của Đức Phật. Ma Ha Ca Diếp chỉ là một, và ông ấy được nằm trong mười người kia chỉ bởi vì câu chuyện này; nếu không, ông sẽ

không bao giờ được tính.

Chúng ta không biết nhiều điều về Ma Ha Ca Diếp. Những học giả lớn như Xá Lợi Phất có mặt ở đó – bạn không thể tìm đâu ra một trí tuệ sáng chói hơn. Mục Kiền Liên cũng ở đó; một học giả lớn, ông ấy thuộc làu tất cả bộ *Veda*, và không có gì từng được viết ra mà ông không biết. Bản thân ông là một nhà luận lí học, có hàng ngàn đệ tử. Và còn những người khác. A Nan Đà ở đó, người anh em họ không ngừng đi cùng với Đức Phật suốt 40 năm. Nhưng không, một người chưa từng được biết đến trước đây – Ma Ha Ca Diếp – đột nhiên trở nên rất quan trọng. Toàn thể cấu trúc thay đổi. Mỗi khi Đức Phật thuyết pháp, Xá Lợi Phất là người quan trọng bởi vì ông ấy hiểu được lời hơn bất cứ ai khác, và khi Đức Phật biện luận, Mục Kiền Liên là người quan trọng. Không ai nghĩ nhiều về Ma Ha Ca Diếp. Ông ấy ở trong đám đông, là một phần của đám đông.

Nhưng khi Đức Phật trở nên im lặng, toàn thể cấu trúc thay đổi. Giờ đây Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất không còn quan trọng. Họ rơi ra khỏi hiện hữu như thể họ không có ở đó. Họ trở thành một phần của đám đông. Một người mới, Ma Ha Ca Diếp, trở nên quan trọng nhất. Một chiều hướng mới mở ra. Mọi người đều bồn chồn, nghĩ: "Tại sao Đức Phật không nói gì? Tại sao ngài lại giữ im lặng? Chuyện gì đang xảy ra vậy? Bao giờ nó sẽ kết thúc?" Họ trở nên không thoải mái, bồn chồn.

Nhưng Ma Ha Ca Diếp không thấy bất tiện hay bồn chồn. Thay vào đó, lần đầu tiên, ông thấy thoải mái với Đức Phật, lần đầu tiên ông thấy như đang ở nhà với Đức Phật. Khi Đức Phật thuyết giảng, ông ấy có thể cảm thấy bồn chồn. Ông ấy có lẽ đã nghĩ: "Sao vô nghĩa thế này? Sao cứ nói mãi? Chẳng có gì được truyền tải, chẳng có gì được thấu hiểu; sao cứ tiếp tục đập đầu vào tường? Người ta bị điếc. Họ không thể hiểu được..." Ông ấy hẳn đã bồn chồn khi Đức Phật nói, và giờ đây lần đầu tiên ông ấy thấy như đang ở nhà. Ông ấy có thể hiểu được im lặng là gì.

Hàng ngàn người ở đó và ai cũng bồn chồn. Ông ấy không thể kiềm chế được bản thân khi nhìn vào sự ngu xuẩn của đám đông. Họ thoải mái khi Đức Phật nói, giờ đây họ bồn chồn khi Đức Phật im lặng. Khi điều gì đó có thể chuyển trao thì họ lại không mở, khi chẳng có gì có thể được chuyển trao thì họ lại đợi chờ. Thông qua im lặng, Đức Phật có thể trao một điều bất diệt, nhưng họ không hiểu được. Cho nên ông ấy không thể kìm nén được bản thân mà cười phá lên – ông cười vào tình huống ấy, cười vào sự ngớ ngẩn ấy.

Ma Ha Ca Diếp cười vào sự xuẩn ngốc của mọi người. Họ đang bồn chồn và nghĩ: "Khi nào thì Đức Phật mới đứng dậy và bỏ sự im lặng này đi để chúng ta có thể về nhà?" Ông ấy cười. Tiếng cười bắt đầu với Ma Ha Ca Diếp và tiếp diễn mãi trong truyền thống Thiền. Không có truyền thống nào khác có thể cười. Tiếng cười có vẻ rất phi tôn giáo, rất trần tục. Thậm chí khó có thể tưởng tượng ra Moses[1] cười nồng nhiệt, hoặc Jesus cười ầm ĩ. Không, tiếng cười đã bị chối bỏ. Sự buồn bã, bằng cách nào đó, đã trở thành tôn giáo.

---

[1] *Người sáng lập ra Do Thái giáo.*

Một trong những nhà tư tưởng nổi tiếng người Đức, bá tước Keyserling, đã viết rằng sức khỏe là phi tôn giáo. Bệnh tật có tính tôn giáo nào đó bởi vì người bị bệnh thì buồn rầu, không có dục vọng – không phải vì anh ta không còn dục vọng mà vì anh ta yếu ớt. Người khỏe mạnh sẽ cười, tận hưởng và vui vẻ – người đó không thể buồn rầu. Cho nên những người theo tôn giáo luôn tìm cách làm cho bạn ốm yếu: nhịn ăn, đè nén bản thân, tra tấn chính mình. Bạn sẽ trở nên buồn thảm, bạn sẽ tự vẫn, tự đóng đinh câu rút. Làm sao bạn cười được? Tiếng cười xuất phát từ sức khỏe. Nó là một năng lượng chan chứa. Đó là lí do tại sao trẻ em có thể cười và tiếng cười của chúng vô cùng trọn vẹn. Toàn bộ thân thể tham gia vào đó – khi chúng cười, bạn có thể thấy ngón chân chúng cười. Toàn bộ thân thể – mọi tế bào, mọi thớ thịt – đều đang cười và rung động. Chúng tràn đầy sức khỏe, tràn đầy sức sống; mọi thứ đang tuôn chảy.

Một đứa trẻ buồn bã là một đứa trẻ bệnh tật còn một người già đang cười thì vẫn trẻ trung. Ngay cả cái chết cũng không thể làm ông ấy già cỗi, không gì có thể làm ông ấy già cỗi. Năng lượng của ông ấy tuôn chảy và chan chứa, ông ấy luôn luôn tràn ngập. Tiếng cười là sự tràn ngập năng lượng.

Trong các Thiền viện, họ cứ cười và cười không ngừng. Chỉ trong Thiền tiếng cười mới trở thành sự cầu nguyện, bởi vì Ma Ha Ca Diếp đã khởi xướng nó. 25 thế kỉ trước, vào một buổi sáng giống như thế này, Ma Ha Ca Diếp đã bắt đầu một xu hướng mới, hoàn toàn mới, hoàn toàn xa lạ đối với tâm trí tôn giáo trước đó – ông ấy cười. Ông cười vào sự xuẩn ngốc, sự ngớ ngẩn. Và Đức Phật không chê trách ông; ngược lại, Đức Phật gọi ông lại gần, trao cho ông bông hoa và nói với đám đông.

Và khi đám đông nghe tiếng cười, họ hẳn đã nghĩ: "Người này điên rồi. Người này bất kính với Đức Phật. Sao ông ấy có thể cười trước

một vị Phật? Khi một vị Phật đang ngồi im lặng, sao ông ấy có thể cười? Người này không thể hiện sự tôn trọng."

Tâm trí sẽ nói rằng đây là bất kính. Tâm trí có luật lệ của nó, nhưng trái tim không biết những luật lệ đó; trái tim cũng có luật lệ riêng mà tâm trí chưa bao giờ nghe. Trái tim có thể cười mà vẫn tôn trọng. Tâm trí không thể cười, nó chỉ có thể buồn rầu rồi tôn trọng. Nhưng kiểu tôn trọng gì mà lại không thể cười? Một xu hướng mới đã bước vào cùng tiếng cười của Ma Ha Ca Diếp, và trải qua nhiều thế kỉ, tiếng cười vẫn tiếp tục.

Chỉ các Thiền sư và môn đệ Thiền mới cười. Khắp nơi trên thế giới, các tôn giáo đã trở nên bệnh tật bởi vì sầu não đã trở nên nổi bật. Đền thờ và nhà thờ trông như bãi tha ma, chúng trông không giống như một lễ hội, chúng không tạo ra cảm giác hân hoan. Nếu bạn bước vào nhà thờ, bạn thấy gì ở đó? Không phải sự sống mà là cái chết – hình ảnh Jesus bị đóng đinh trên cây thập giá làm trọn vẹn nỗi buồn ở đó. Bạn có thể cười, có thể nhảy múa, có thể ca hát trong nhà thờ không? Vâng, có ca hát, nhưng nó buồn bã và mặt mọi người thuỗn dài. Không lấy làm lạ khi chẳng ai muốn đến nhà thờ – nó chỉ là nghĩa vụ xã hội phải hoàn thành. Không lấy làm lạ khi chẳng ai bị nhà thờ thu hút – nó chỉ là hình thức. Tôn giáo đã trở thành một việc làm trong ngày Chủ Nhật. Trong một giờ, bạn phải chịu đựng việc buồn rầu.

Ma Ha Ca Diếp cười trước mặt Đức Phật và kể từ đó, các Thiền tăng cùng Thiền sư đã làm những điều mà những tâm trí được coi là có tôn giáo thậm chí không thể tưởng tượng nổi. Nếu bạn từng xem quyển sách Thiền nào đó, có lẽ bạn đã thấy hình ảnh các Thiền sư được khắc họa và vẽ lại. Không hình ảnh nào là thực. Nếu bạn nhìn vào chân dung Bồ Đề Đạt Ma hay chân dung Ma Ha Ca Diếp, bạn sẽ thấy chúng không đúng là khuôn mặt họ, nhưng nhìn vào chúng bạn sẽ có cảm giác buồn cười. Họ vui nhộn và nực cười.

Hãy nhìn vào những bức tranh Bồ Đề Đạt Ma. Ông ấy hẳn là một trong những người đẹp đẽ nhất; không thể khác được, bởi vì mỗi khi một người chứng ngộ, một vẻ đẹp sẽ giáng xuống, một vẻ đẹp tới từ cõi cao xa. Phúc lành đến với toàn bộ bản thể người đó. Nhưng hãy nhìn vào những bức tranh Bồ Đề Đạt Ma. Trông ông thật dữ tợn và nguy hiểm. Trông ông nguy hiểm đến nỗi bạn sẽ hoảng sợ nếu ông ghé thăm bạn vào ban đêm – cả đời bạn sẽ không thể ngủ được nữa! Ông trông quá nguy hiểm, như thể ông sắp sửa giết bạn. Nó chỉ là trò đùa của các môn đệ dành cho bậc thầy, họ tạo ra một chân dung nực cười trông giống như một nhân vật hoạt hình.

Tất cả các Thiền sư đều được khắc họa theo cách nực cười. Các môn đệ thích như vậy. Nhưng những bức chân dung đó mang theo thông điệp Bồ Đề Đạt Ma rất nguy hiểm; nếu bạn đi tới gặp ông ấy, ông ấy sẽ giết bạn; bạn không thể thoát khỏi ông; ông sẽ theo bạn và ám ảnh bạn. Cho dù bạn đi đâu, ông cũng sẽ ở đó; ông sẽ không buông tha bạn trừ phi ông giết được bạn. Đó là thông điệp được khắc họa cùng tất cả các Thiền sư, thậm chí cả Đức Phật.

Nếu bạn nhìn vào những bức họa Đức Phật của Nhật Bản hay Trung Quốc, bạn sẽ thấy chúng không giống Đức Phật của Ấn Độ. Họ đã thay đổi ông ấy hoàn toàn. Nếu bạn nhìn vào những bức họa Đức Phật của Ấn Độ, bạn sẽ thấy thân thể ông rất cân đối như nó phải thế. Ông là một hoàng tử, rồi là một vị Phật – một người đẹp đẽ, hoàn hảo, cân đối. Một Đức Phật bụng bự ư? Ông không bao giờ có cái bụng to. Nhưng ở Nhật Bản, trong những bức họa và bản kinh của mình, ông có cái bụng to bởi vì cười nhiều thì bụng phải to. Cười rung cả bụng – làm thế nào bạn có thể làm được điều này với một cái bụng nhỏ? Bạn không thể làm được. Họ đang đùa cợt với Đức Phật và họ đã nói những lời như vậy về Đức Phật. Chỉ có tình yêu rất sâu sắc mới có thể làm vậy, nếu không thì nó sẽ giống như sự xúc phạm.

Im lặng và tiếng cười là những chiếc chìa khóa – im lặng bên trong, tiếng cười bên ngoài.

Thiền sư Bàn Khuê[1] luôn yêu cầu treo một bức họa Đức Phật đằng sau ông, và khi thuyết giảng cho các đệ tử, ông sẽ nói: "Hãy nhìn thằng cha này đi. Mỗi khi các vị gặp hắn, hãy giết hắn ngay lập tức; đừng cho hắn cơ hội nào. Khi thiền định, hắn sẽ đến quấy rối các vị. Mỗi khi các vị thấy gương mặt của hắn trong lúc thiền định, hãy giết hắn ngay và luôn; nếu không, hắn sẽ theo các vị." Và ông từng nói: "Hãy nhìn thằng cha này đi! Nếu các vị lặp lại tên hắn" – bởi vì Phật tử không ngừng lặp đi lặp lại,*Namo Buddhaya, namo Buddhaya*[2] – "nếu các vị lặp lại tên hắn thì hãy đi súc miệng." Phát biểu này giống như một sự xúc phạm. Tên của Đức Phật mà Bàn Khuê lại nói: "Nếu các vị lặp lại, điều đầu tiên phải làm là súc miệng. Miệng các vị đã bẩn rồi."

---

[1] *Một thiền sư danh tiếng người Nhật Bản thuộc tông Lâm Tế.*

[2] *Nam Mô Phật Đà Gia, có nghĩa là thành tâm đảnh lễ Đức Phật, xin đảnh lễ Đức Phật.*

Nhưng ông ấy đúng – bởi vì ngôn từ là ngôn từ, cho dù là tên Đức Phật hay không thì cũng chẳng khác gì. Mỗi khi một từ đi qua tâm trí bạn, tâm trí bạn bị vẩy bẩn. Hãy súc nó đi ngay, kể cả là tên của Đức Phật.

Và người này, người luôn giữ bức chân dung Đức Phật phía sau, sẽ cúi lạy trước nó mỗi buổi sáng. Cho nên các đệ tử hỏi: "Thầy đang làm gì vậy? Thầy liên tục nói với chúng tôi là giết người này đi, đừng để ông ấy cản đường. Thầy nói: 'Đừng dùng tên hắn; đừng nhắc lại nó; nếu nó đến với các vị, hãy rửa sạch miệng.' Vậy mà bây giờ chúng tôi lại thấy thầy cúi lạy trước ông ấy!"

Bàn Khuê nói: "Tất cả những điều này là thằng cha này dạy cho ta, cho nên ta phải bày tỏ sự kính trọng với hắn."

Ma Ha Ca Diếp cười – và tiếng cười của ông ấy đem theo nhiều chiều hướng bên trong nó. Ở chiều đầu tiên, tiếng cười nhằm vào sự ngu xuẩn của toàn bộ tình huống, vào sự im lặng của Đức Phật và vào việc không ai thấu hiểu ông, mọi người đều mong đợi ông nói. Cả đời mình Đức Phật đã nói rằng chân lí không thể được nói ra, song mọi người vẫn trông đợi ông nói ra. Ở chiều thứ hai, ông ấy cũng cười vào cả Đức Phật nữa, vào toàn bộ tấn kịch mà ông đã tạo ra, ngồi đó với bông hoa trên tay, nhìn vào bông hoa, khiến mọi người vô cùng khó chịu và bồn chồn. Về cử chỉ đầy tính kịch này của Đức Phật, ông cứ cười và cười mãi.

Còn chiều thứ ba, ông cười chính bản thân mình. Tại sao trước đây ông lại không thể hiểu? Mọi chuyện thật dễ dàng và đơn giản. Và ngày mà bạn hiểu, bạn cũng sẽ cười, bởi vì chẳng có gì để mà hiểu. Chẳng có khó khăn nào để mà giải quyết. Mọi thứ đã luôn đơn giản và rõ ràng. Sao bạn có thể bỏ lỡ nó chứ?

Với việc Đức Phật ngồi im lặng, chim hót trên cây, gió nhẹ thoảng qua và mọi người bồn chồn, Ma Ha Ca Diếp đã hiểu. Ông đã hiểu ra điều gì? Ông hiểu ra rằng chẳng có gì để mà hiểu, chẳng có gì để mà nói, chẳng có gì để mà giải thích. Toàn bộ tình huống thật đơn giản và minh bạch.

Không có gì ẩn giấu bên trong nó. Không cần phải tìm kiếm, bởi vì tất cả ở đây và bây giờ, bên trong bạn. Ông cười vào cả cái tôi của mình, vào toàn bộ những nỗ lực ngớ ngẩn của nhiều kiếp sống chỉ để thấu hiểu sự im lặng này – ông cười vào việc suy nghĩ quá nhiều.

Đức Phật gọi ông, trao cho ông bông hoa và nói: "Đây, ta trao cho

ông chìa khóa." Chìa khóa là gì? Im lặng và tiếng cười là những chiếc chìa khóa – im lặng bên trong, tiếng cười bên ngoài. Và khi tiếng cười bước ra từ im lặng, nó không phải của thế giới này; nó là siêu phàm.

Khi tiếng cười bước ra từ suy nghĩ, nó xấu xí; nó thuộc về thế giới tầm thường, trần tục này; nó không thuộc về vũ trụ. Khi đó, bạn đang cười vào người khác, cười trên sự đau khổ của người khác, nó xấu xí và bạo lực.

Khi tiếng cười bước ra từ im lặng, bạn không cười trên sự đau khổ của người khác, bạn cười vào toàn thể trò đùa của vũ trụ. Và nó thực sự là một trò đùa! Đó là lí do tại sao tôi liên tục kể những chuyện cười... bởi vì những chuyện ấy mang theo nhiều điều hơn bất cứ kinh sách nào. Nó là chuyện đùa bởi vì bên trong bạn, bạn có mọi thứ – nhưng bạn lại tìm kiếm khắp nơi! Còn gì có thể hài hước hơn được nữa chứ? Bạn là vua mà lại diễn như kẻ ăn mày ngoài phố – không chỉ diễn, không chỉ đánh lừa người khác, mà còn đánh lừa bản thân mình rằng bạn là kẻ ăn mày. Bạn có nguồn cội của mọi tri thức nhưng bạn lại đang đặt những câu hỏi; bạn có cái tôi hiểu biết nhưng lại nghĩ rằng mình ngu ngốc; bạn có sự bất tử bên trong mình nhưng lại sợ hãi cái chết và bệnh tật. Đây thực sự là một chuyện đùa, và nếu Ma Ha Ca Diếp cười, ông ấy đã làm tốt.

Nhưng ngoại trừ Đức Phật, không ai hiểu cả. Ông chấp nhận tiếng cười và ngay lập tức nhận ra rằng Ma Ha Ca Diếp đã đạt tới. Tiếng cười đó thuộc về vũ trụ, ông ấy thấu hiểu toàn bộ sự hài hước của tình huống. Nó chẳng còn gì khác. Tất thảy giống như thần thánh đang chơi trốn tìm với bạn. Những người khác nghĩ Ma Ha Ca Diếp là một anh hề cười trước mặt Đức Phật. Nhưng Đức Phật nghĩ rằng người này đã trở nên thông thái. Những anh hề luôn luôn có một trí tuệ tinh tế bên trong, và những người thông thái luôn luôn hành động giống như những anh hề.

Thời xa xưa, tất cả những hoàng đế vĩ đại luôn luôn có một anh hề trong triều đình. Họ có nhiều nhà thông thái, cố vấn, thượng thư và tể tướng, nhưng luôn luôn có một anh hề. Mặc dù nhiều người trong số họ thông minh và uyên bác nhưng các hoàng đế trên khắp thế giới ở cả phương Đông lẫn phương Tây đều có một người pha trò trong triều, một anh hề. Tại sao? Bởi vì có những thứ mà những người được gọi là thông thái không thể hiểu được, chỉ có những người xuẩn ngốc mới có thể hiểu, bởi vì những người thông thái có thể ngu xuẩn đến mức sự láu cá và lanh lợi của họ đã đóng trí tuệ của họ lại.

Anh hề là người đơn giản và cần thiết bởi nhiều lần những người được gọi là thông thái sẽ không nói điều gì đó vì họ sợ hoàng đế. Anh hề thì chẳng sợ ai cả. Anh ta sẽ nói bất chấp hậu quả là gì. Anh hề là người không nghĩ đến hậu quả. Người khôn ngoan luôn luôn nghĩ đến kết quả trước tiên, rồi mới hành động. Suy nghĩ tới trước, sau đó là hành động. Người xuẩn ngốc hành động, suy nghĩ không bao giờ tới trước. Mỗi khi ai đó nhận ra cái tối thượng, anh ta không giống như một người thông thái. Anh ta không thể. Anh ta có thể giống một anh hề nhưng không thể giống một người thông thái. Khi Ma Ha Ca Diếp cười, ông giống như một anh hề, và Đức Phật thấu hiểu ông. Về sau, các tu sĩ Phật giáo không hiểu ông cho nên họ bỏ đi giai thoại này.

Giai thoại này bị loại bỏ khỏi kinh Phật bởi vì thật báng bổ khi cười trước mặt Đức Phật. Không nên lấy nó làm nguồn gốc cho một truyền thống vĩ đại như Thiền. Một người cười trước Đức Phật thì không phải tiền lệ tốt, và Đức Phật trao chìa khóa cho người này mà không phải Xá Lợi Phất, A Nan Đà, Mục Kiền Liên hay những người quan trọng khác cũng không phải điều hay. Và suy cho cùng, Xá Lợi Phất, A Nan Đà và Mục Kiền Liên mới là những người ghi lại kinh sách.

Chưa từng có ai hỏi Ma Ha Ca Diếp. Ngay cả khi người ta có hỏi thì ông cũng sẽ không trả lời. Chưa từng có ai hỏi Ma Ha Ca Diếp rằng liệu ông có gì cần nói để họ ghi lại không.

Khi Đức Phật tịch diệt, toàn bộ chư tăng tụ họp và bắt đầu ghi lại cái gì đã xảy ra và cái gì không. Không ai hỏi Ma Ha Ca Diếp. Người đàn ông này hẳn đã bị tăng đoàn loại bỏ. Cả tăng đoàn hẳn đã cảm thấy ghen tị. Chìa khóa đã được trao cho con người chẳng biết gì này, người vốn chẳng phải chuyên gia hay học giả uyên thâm. Trước kia không ai biết ông ta, nhưng đột nhiên sáng hôm ấy, ông trở thành người quan trọng nhất nhờ tiếng cười, nhờ sự im lặng.

Và theo cách nào đó thì họ đúng, bởi vì làm sao bạn có thể ghi lại sự im lặng? Bạn có thể ghi lại lời, bạn có thể ghi lại cái xảy ra hữu hình, nhưng làm thế nào bạn có thể ghi lại cái không xảy ra hữu hình? Họ chỉ biết bông hoa được trao cho Ma Ha Ca Diếp, không gì khác.

Nhưng bông hoa chỉ là vật chứa. Có thứ gì đó bên trong nó – Phật tính, cái chạm của bản thể bên trong Đức Phật, hương thơm không thể nhìn thấy, không thể ghi lại. Mọi chuyện như thể chưa bao giờ xảy ra hoặc như thể đã xảy ra trong một giấc mơ.

Những người ghi lại kinh sách là những người của ngôn từ, thành thạo việc truyền đạt bằng lời, nói chuyện, thảo luận, biện luận. Nhưng không ai nghe được thêm gì về Ma Ha Ca Diếp nữa. Đây là điều duy nhất được biết về ông, một điều nhỏ bé đến nỗi kinh sách hẳn đã bỏ lỡ. Ma Ha Ca Diếp vẫn giữ im lặng, và dòng sông bên trong lặng lẽ tuôn chảy. Đối với những người khác, chìa khóa đã được trao, và chìa khóa vẫn sống, vẫn mở cánh cửa.

Đây là hai phần: im lặng bên trong – im lặng sâu sắc đến nỗi không có rung động trong bản thể của bạn; bạn hiện hữu, nhưng không có gợn sóng; bạn như mặt hồ phẳng lặng, không một gợn sóng; toàn bộ bản thể im lặng, tĩnh tại; bên trong, ở trung tâm, im lặng – còn ở bên ngoài, lễ hội và tiếng cười. Chỉ im lặng mới có thể cười, bởi vì chỉ im lặng mới có thể thấu hiểu chuyện đùa của vũ trụ.

Do đó, cuộc sống của bạn trở thành một sự hoan ca, mối quan hệ của bạn trở thành một thứ lễ hội. Bất kể bạn làm gì, mỗi khoảnh khắc đều là một lễ hội. Bạn ăn, và việc ăn trở thành lễ hội; bạn tắm, và việc tắm trở thành lễ hội; bạn nói, và việc nói trở thành lễ hội. Mối quan hệ trở thành lễ hội. Cuộc sống bên ngoài của bạn trở thành lễ hội, không có nỗi buồn trong nó. Làm sao nỗi buồn có thể tồn tại cùng im lặng? Nhưng bình thường bạn nghĩ khác: Bạn nghĩ nếu bạn im lặng, bạn sẽ buồn.

Bình thường bạn nghĩ, làm sao bạn tránh được nỗi buồn nếu bạn im lặng? Tôi xin nói với bạn rằng im lặng mà tồn tại cùng nỗi buồn thì không thể là thật. Có gì đó đã sai. Bạn đã bỏ lỡ con đường, bạn đã trật đường ray. Chỉ hân hoan mới có thể chứng minh rằng im lặng thật sự đã xảy ra.

Đức Phật hẳn đã biết Ma Ha Ca Diếp. Ông hẳn đã biết khi ông lặng lẽ nhìn vào bông hoa và mọi người bồn chồn, ông hẳn đã biết rằng chỉ một người ở đó, Ma Ha Ca Diếp, không bồn chồn.

Đức Phật hẳn đã cảm thấy sự im lặng đến từ Ma Ha Ca Diếp, nhưng ông không gọi ông ấy ngay. Khi ông ấy cười thì Đức Phật gọi ông và trao cho ông bông hoa. Tại sao? Im lặng chỉ là một nửa.

Ma Ha Ca Diếp sẽ bỏ lỡ nếu im lặng một cách ngây thơ mà không cười. Thế thì chìa khóa sẽ không được trao cho ông. Ông mới chỉ trưởng thành một nửa, chưa trưởng thành hoàn toàn, chưa nở hoa. Cái cây ở đó, nhưng hoa vẫn chưa đến. Đức Phật chờ đợi.

Bây giờ, tôi sẽ nói cho bạn nghe tại sao Đức Phật lại chờ lâu đến

vậy, tại sao ông lại chờ đợi trong một hoặc hai hoặc ba giờ.

Ma Ha Ca Diếp im lặng nhưng đang cố kìm nén tiếng cười, ông đang cố kiểm soát tiếng cười. Ông cố gắng không cười bởi vì như thế thật thiếu lễ độ: Đức Phật sẽ nghĩ gì? Những người khác sẽ nghĩ gì? Nhưng rồi, chuyện kể rằng, ông không thể kiềm chế thêm nữa. Tiếng cười đã bật ra. Dòng lũ trở nên quá lớn và ông không thể kìm nén thêm nữa.

Khi im lặng quá nhiều, nó trở thành tiếng cười; nó ngập tràn đến mức bắt đầu lan khắp mọi hướng. Ông cười. Nó hẳn phải là một tiếng cười điên dại, và trong tiếng cười đó không có Ma Ha Ca Diếp. Im lặng đang cười, im lặng đã nở hoa.

Ngay lập tức Đức Phật gọi Ma Ha Ca Diếp: "Nhận lấy bông hoa này – đây là chìa khóa. Ta đã trao cho tất cả những người khác thứ có thể được trao bằng lời, nhưng với ông, ta trao thứ không thể trao bằng lời. Thông điệp vượt khỏi ngôn từ, cái cốt yếu nhất, ta trao cho ông."

Đức Phật đợi chừng ấy giờ để sự im lặng của Ma Ha Ca Diếp có thể tràn ra và trở thành tiếng cười.

Phần hai
TIẾNG GẦM CỦA SƯ TỬ

Bồ Đề Đạt Ma đã thực hiện một trong những điều vĩ đại nhất của lịch sử ý thức: Ông tìm ra đất trồng thích hợp cho hạt giống mà Đức Phật đã trao cho thế giới.

BỒ ĐỀ ĐẠT MA ĐI TỚI TRUNG HOA

Trong 14 thế kỉ sau thời Bồ Đề Đạt Ma đã xuất hiện hàng trăm Thiền sư có đầy đủ sự thông suốt, tri kiến và thức tỉnh, nhưng không một ai tiếp cận được độ sâu, sự tinh tế, vẻ đẹp và nhận thức bao la của Bồ Đề Đạt Ma. Khi tôi tìm hiểu Bồ Đề Đạt Ma, tôi không thấy bất cứ cá nhân nào khác trong toàn thể lịch sử loài người – bao gồm cả Đức Phật – có thể cô đọng tôn giáo trong khả năng tối giản của nó cũng như diễn đạt tôn giáo trong sự thuần khiết tuyệt đối của nó. Hiển nhiên là con người này sẽ bị hiểu nhầm, lên án và không được chấp nhận. Đỉnh cao vĩ đại nhất của ý thức mà người này đã đạt tới, loài người chưa đủ tốt đẹp để có thể ghi nhớ. Có lẽ có những độ cao mà mắt chúng ta không thể thấy, nhưng chúng ta nên cố gắng hết sức. Không ai biết trước được.

Bồ Đề Đạt Ma sinh ra cách đây 14 thế kỉ. Ông là con của một vị vua ở miền nam Ấn Độ. Nơi đó có một đế chế lớn, đế chế Pallava. Ông là con trai thứ ba. Nhưng khi thấy mọi thứ – ông là người vô cùng thông minh – ông đã từ bỏ vương quốc.

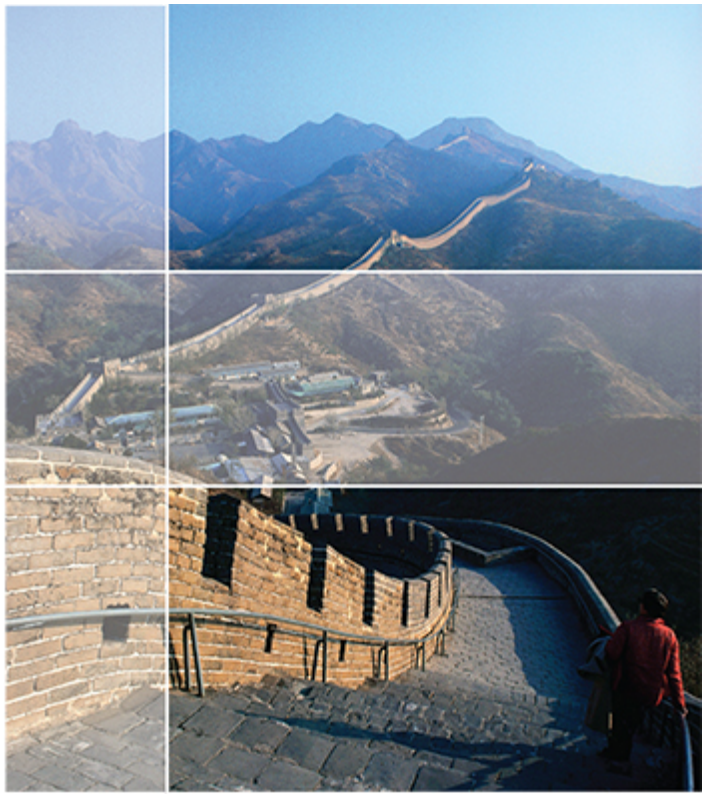

Ông không chống lại thế giới nhưng ông không muốn lãng phí thời gian của mình vào những chuyện thế tục, tầm phào.

Toàn bộ mối quan tâm của ông là làm sao để biết bản chất của chính mình, bởi vì nếu không biết nó, bạn phải chấp nhận chết là hết. Tất cả những người tìm kiếm thật sự, trên thực tế, đều chiến đấu chống lại cái chết. Bertrand Russell[1] đã nói rằng nếu không có cái chết, sẽ không có tôn giáo. Điều này có vài phần đúng. Tôi không đồng thuận hoàn toàn, bởi vì tôn giáo là một lục địa rộng lớn. Nó không chỉ đối phó với cái chết mà còn là cuộc tìm kiếm phúc lạc, nó còn là cuộc tìm kiếm chân lí, và nó còn là cuộc tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống. Nó là nhiều thứ khác nữa. Nhưng chắc chắn Bertrand Russell nói đúng một điều: Nếu không có cái chết, sẽ rất, rất hiếm người quan tâm đến tôn giáo. Cái chết là động cơ lớn lao.

---

[1] *Triết gia, nhà logic học, nhà toán học vĩ đại người Anh.*

Bồ Đề Đạt Ma từ bỏ vương quốc và nói với cha mình: "Nếu cha không thể cứu con thoát khỏi cái chết thì xin đừng ngăn cản con.

Hãy để con bước vào con đường tìm kiếm điều gì đó vượt khỏi cái chết."

Đó là những ngày tươi đẹp, đặc biệt là ở phương Đông. Người cha suy nghĩ giây lát, rồi nói: "Ta sẽ không ngăn cản con, bởi vì ta không thể ngăn cản cái chết của con. Con hãy tiếp tục con đường tìm kiếm của con với tất cả sự chúc phúc của ta. Thật buồn cho ta nhưng đó là vấn đề của ta, đó là sự quyến luyến của ta. Ta đã hi vọng con là người kế vị ta, trở thành hoàng đế của đế chế Pallava vĩ đại, nhưng con đã chọn điều gì đó cao hơn thế. Ta là cha con, cho nên làm sao ta cản con được? Và con đã đặt ra một câu hỏi theo cách đơn giản mà ta chưa bao giờ trông đợi. Con nói: 'Nếu cha có thể ngăn cản cái chết của con thì con sẽ không rời hoàng cung. Nhưng nếu cha không thể ngăn cản cái chết của con thì cũng xin đừng ngăn cản con rời đi.'"

Bạn có thể thấy trí tuệ lớn lao của Bồ Đề Đạt Ma. Và mặc dù ông là một môn đệ của Đức Phật, trong một số trường hợp ông còn thể hiện tầm bay cao hơn chính Đức Phật. Chẳng hạn, Đức Phật e ngại việc điểm đạo cho phụ nữ để người đó vào trong tăng đoàn của mình, còn Bồ Đề Đạt Ma lại được một phụ nữ đã chứng ngộ điểm đạo. Tên của bà là Prajnatara. Đáng lẽ người ta đã quên tên bà nếu không có Bồ Đề Đạt Ma. Nhưng chỉ cái tên thôi – chúng ta không biết điều gì khác về bà. Chính bà đã yêu cầu Bồ Đề Đạt Ma đi đến Trung Hoa.

Phật giáo đã tới Trung Hoa trước Bồ Đề Đạt Ma sáu trăm năm. Nó là một điều thần kì; nó chưa bao giờ xảy ra ở bất cứ đâu, bất cứ thời gian nào, và thông điệp của Đức Phật ngay lập tức đánh trúng tâm lý của toàn thể dân Trung Hoa. Thời đó, Trung Hoa đang sống dưới ảnh hưởng của Khổng Tử và mệt mỏi với nó bởi vì Khổng Tử chỉ là một nhà đạo đức, một người hà khắc. Ông ấy không biết chút gì về những huyền bí bên trong cuộc sống.

Những người như Lão Tử, Trang Tử và Liệt Tử[1] sống cùng thời với Khổng Tử, nhưng họ là những nhà huyền môn chứ không phải những bậc thầy. Họ không thể tạo ra một xu hướng đối chọi lại Khổng Tử trong trái tim người Trung Hoa. Cho nên có một khoảng trống. Không ai có thể sống thiếu linh hồn, và một khi bạn bắt đầu nghĩ rằng không có linh hồn, cuộc sống của bạn bắt đầu mất hết ý nghĩa. Linh hồn là khái niệm tích hợp của bạn; thiếu nó, bạn bị cắt rời khỏi hiện hữu và cuộc sống vĩnh hằng. Giống như cành bị cắt khỏi cây thì chắc chắn sẽ chết – nó đã mất nguồn dinh dưỡng – chính ý niệm không có linh hồn bên trong bạn, không có ý thức, sẽ cắt rời bạn khỏi hiện hữu. Con người bắt

đầu co rúm lại, con người bắt đầu cảm thấy nghẹt thở.

---

[1] Những nhân vật nổi bật nhất của Đạo. Để biết thêm về họ, xin đọc cuốn Đạo của Osho, cùng bộ với cuốn sách này.

Khổng Tử là người duy lí vĩ đại. Những nhà huyền môn này – Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử – biết rằng điều Khổng Tử làm là sai, nhưng họ không phải những bậc thầy. Họ vẫn ở nguyên trong những tu viện của mình cùng một số đệ tử.

Khi Phật giáo đến Trung Hoa, nó ngay lập tức bước vào linh hồn của người dân, như thể họ đã khát trong nhiều thế kỉ và Phật giáo đã đến như một đám mây đem theo mưa. Nó dập tắt cơn khát của họ và khiến họ thỏa mãn đến mức một điều gì đó không thể tưởng tượng nổi đã xảy ra. Phật giáo đã tự chứng minh bản thân, và vẻ đẹp của thông điệp đã được người dân thấu hiểu. Họ đã khát khao nó, họ đang chờ đợi thứ gì đó giống như nó. Cả đất nước lớn nhất thế giới chuyển sang đạo Phật. Khi Bồ Đề Đạt Ma tới sáu trăm năm sau, đã có sẵn ba nghìn chùa, tu viện Phật giáo và hai triệu thầy tu Phật giáo ở Trung Hoa. Hai triệu không phải là con số nhỏ; nó chiếm 5% toàn dân số Trung Hoa thời đó.

Prajnatara, sư phụ của Bồ Đề Đạt Ma, bảo ông đi đến Trung Hoa bởi vì những người tới đó trước ông đã tạo ra tác động lớn, mặc dù không ai trong số họ chứng ngộ. Họ là những học giả lớn, những người có kỉ luật, yêu thương, an nhiên và trắc ẩn, nhưng không ai trong số họ chứng ngộ. Và giờ đây Trung Hoa cần một Đức Phật khác. Nền móng đã sẵn sàng.

Bồ Đề Đạt Ma là bậc giác ngộ đầu tiên trong truyền thống Phật giáo đến Trung Hoa. Có nhiều truyền thuyết về con người này, tất cả chúng đều có ý nghĩa nào đó. Truyền thuyết đầu tiên là khi ông đến Trung Hoa – ông đi mất ba năm – Lương Vũ Đế của Trung Hoa đã ra đón tiếp ông. Danh tiếng của Bồ Đề Đạt Ma đã tới trước ông. Lương Vũ Đế đã có đóng góp to lớn cho triết lí của Đức Phật. Hàng ngàn học giả đã dịch kinh Phật từ tiếng Pali sang tiếng Hán, và hoàng đế là người bảo trợ cho công trình phiên dịch to lớn đó. Ông đã xây hàng ngàn chùa chiền và tu viện, nuôi hàng ngàn sư.

Ông đã dành toàn bộ ngân khố của mình để cúng dường cho Đức Phật.

Hiển nhiên, các tu sĩ Phật giáo tới trước Bồ Đề Đạt Ma đã nói với hoàng đế rằng ông đã tích được vô vàn công đức, ông sẽ được tái sinh làm một vị thần trên trời. Cho nên câu hỏi đầu tiên ông ấy dành cho Bồ Đề Đạt Ma là: "Ta đã xây dựng nhiều tu viện, ta đã nuôi dưỡng hàng ngàn học giả, ta đã mở một trường đại học nghiên cứu về Đức Phật, ta đã dùng cả đế chế và ngân khố của ta để phục vụ Đức Phật. Ta sẽ được tưởng thưởng điều gì?"

Ông hơi sửng sốt khi nhìn thấy Bồ Đề Đạt Ma vì ông đã không nghĩ người đàn ông đó sẽ như thế này. Ông ta trông thật dữ tợn. Ông ta có cặp mắt to, nhưng lại có trái tim rất nhân hậu – giống như có một bông hoa sen trong trái tim ông. Nhưng gương mặt ông trông thật nguy hiểm như bạn có thể mường tượng.

Chỉ thiếu cặp kính râm, nếu không ông trông y như một tay xã hội đen! Với nỗi sợ hãi ghê gớm, Lương Vũ Đế đặt ra câu hỏi, và Bồ Đề Đạt Ma nói: "Không gì cả, không có tưởng thưởng. Trái lại, bệ hạ hãy sẵn sàng rơi vào địa ngục thứ bảy."

Hoàng đế nói: “Nhưng ta không làm gì sai – sao ta lại phải rơi vào địa ngục thứ bảy? Ta đã làm mọi thứ mà chư tăng Phật giáo bảo ta làm.”

Bồ Đề Đạt Ma đáp: “Trừ khi bệ hạ bắt đầu lắng nghe giọng nói của chính mình, còn không thì không ai có thể giúp bệ hạ, dù người đó là Phật tử hay không phải là Phật tử. Và bệ hạ vẫn chưa nghe thấy giọng nói bên trong mình.

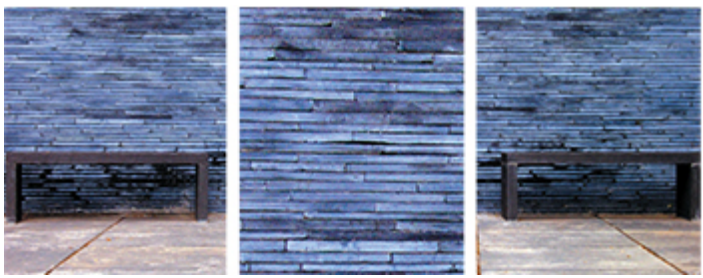

Nếu bệ hạ đã nghe thấy nó thì bệ hạ đã không hỏi một câu hỏi ngớ ngẩn như vậy.

Trên con đường của Đức Phật không có tưởng thưởng bởi vì dục vọng muốn được tưởng thưởng tới từ một tâm trí đầy tham lam. Toàn thể giáo huấn của Đức Phật là làm sao để không còn dục vọng. Và nếu bệ hạ đang làm tất cả những việc được cho là công đức này – xây chùa chiền, tu viện và nuôi hàng ngàn sư – với một tâm trí dục vọng thì bệ hạ đang chuẩn bị sẵn con đường xuống địa ngục. Còn nếu bệ hạ làm những điều này vì niềm vui, để chia sẻ niềm vui với cả đế chế, và không có một dục vọng nào dù là mong manh ở bất cứ đâu thì chính hành động tự nó đã là phần thưởng. Bằng không, bệ hạ đã bỏ lỡ toàn bộ mấu chốt của vấn đề.”

Lương Vũ Đế nói: “Tâm trí ta đầy những suy nghĩ. Ta luôn cố gắng tạo ra một chút bình an cho tâm trí, nhưng ta đã thất bại, và bởi những suy nghĩ này cùng sự ồn ào của chúng, ta không thể nghe được điều ông gọi là giọng nói bên trong. Ta không biết gì về nó cả.”

Bồ Đề Đạt Ma nói: “Vậy thì vào canh năm[1] đầu sáng, hãy đi một mình đến ngôi chùa trên dãy núi ta ở mà không đem theo cấm vệ nào. Và ta sẽ làm cho tâm trí bệ hạ bình an mãi mãi.”

---

[1] *Từ 3 đến 5 giờ sáng.*

Hoàng đế nghĩ: “Người này thật lạ lùng và kỳ quái!” Ông đã gặp nhiều vị tăng; họ rất lịch thiệp, nhưng: “Người này thậm chí chẳng bận tâm ta là hoàng đế của một đất nước vĩ đại. Một mình đi gặp hắn vào canh năm đầu sáng lúc trời còn tối... Người này dường như thật nguy hiểm!” Bồ Đề Đạt Ma luôn luôn mang một cây trượng theo mình.

Hoàng đế mất ngủ cả đêm: "Đi hay không đi? Kẻ đó có thể làm bất cứ chuyện gì. Có vẻ như hắn là người không thể lường trước được." Mặt khác, sâu bên dưới trái tim mình, ông cảm thấy sự chân thật của người này, cảm thấy rằng ông ta không phải kẻ giả nhân giả nghĩa. "Hắn không quan tâm chút nào ta là một hoàng đế còn hắn là kẻ ăn mày. Hắn hành xử như một hoàng đế, trước mặt hắn ta chỉ giống như kẻ ăn mày. Và cái cách hắn nói: 'Ta sẽ làm cho tâm trí bệ hạ bình an mãi mãi'...

Kì lạ thật, bởi vì ta đã hỏi, hoàng đế nghĩ: "nhiều người thông thái đến từ Ấn Độ, và tất cả bọn họ đều cho ta các phương thức, các kĩ thuật. Ta đã thực hành nhưng chẳng có gì xảy ra. Cái gã kì lạ này, hắn trông như bị điên hay bị say vậy. Lại còn khuôn mặt kì quặc và cặp mắt to đến mức khiến người khác sợ hãi nữa chứ... Nhưng dường như hắn cũng chân thành. Hắn là một hiện tượng hoang dại! Đáng để ta mạo hiểm. Hắn có thể làm gì chứ? Hắn giết ta là cùng." Cuối cùng ông không thể cưỡng lại cám dỗ muốn đi, bởi vì người đó đã hứa: "Ta sẽ làm cho tâm trí bệ hạ bình an mãi mãi."

Lương Vũ Đế tới ngôi chùa lúc canh năm một mình vào buổi sáng sớm khi trời còn tối, và Bồ Đề Đạt Ma đang đứng đó cùng cây trượng, ngay trên bậc thềm. Ông nói: "Ta biết bệ hạ sẽ đến, mặc dù cả đêm bệ hạ đã cân nhắc xem có đi hay không. Bệ hạ là kiểu hoàng đế gì vậy? Quá hèn nhát, sợ cả một ông sư bần cùng, một kẻ ăn mày bần cùng không có gì trong thế giới ngoại trừ cây trượng này. Và với cây trượng này ta sẽ làm tâm trí bệ hạ im lặng."

Hoàng đế nghĩ: "Trời ơi, làm gì có chuyện một cây trượng có thể khiến tâm trí ai đó im lặng chứ? Nó có thể kết liễu một người, đánh mạnh vào đầu hắn – nhưng thế thì cả người đó sẽ im lặng luôn chứ không chỉ tâm trí. Nhưng bây giờ đã quá muộn để quay về."

Bồ Đề Đạt Ma nói: "Hãy ngồi xuống giữa sân chùa." Xung quanh không một bóng người. "Nhắm mắt lại. Ta đang đứng trước bệ hạ với cây trượng của ta. Việc của bệ hạ là bắt lấy tâm trí. Nhắm mắt lại và đi vào bên trong để tìm kiếm nó – tìm xem nó ở đâu. Khoảnh khắc bệ hạ bắt được nó, hãy nói với ta: 'Nó đây rồi.' Và cây trượng của ta sẽ làm phần còn lại."

Nó là kinh nghiệm kì lạ nhất mà một người tìm kiếm chân lí, tìm kiếm bình an hay tìm kiếm im lặng có thể có. Nhưng giờ không có lối thoát. Lương Vũ Đế ngồi xuống, nhắm mắt lại, biết rõ rằng Bồ Đề Đạt Ma nghiêm túc với điều mình nói. Ông nhìn khắp chung quanh – không có tâm trí. Cây trượng đã làm việc của nó!

Lần đầu tiên ông ở trong một tình huống như vậy. Lựa chọn này... nếu bạn tìm thấy tâm trí thì bạn không bao giờ biết người này sẽ làm gì với cây trượng của hắn. Và tại nơi thâm sơn cùng cốc này, trong sự hiện diện của Bồ Đề Đạt Ma, người có một sức thu hút riêng...

Đã có nhiều bậc chứng ngộ nhưng Bồ Đề Đạt Ma đứng tách biệt, một mình, như một đỉnh Everest. Mỗi hành động của ông đều là độc nhất vô nhị và nguyên bản. Từng cử chỉ của ông có chữ kí riêng, không phải sự vay mượn từ bất kỳ ai.

Lương Vũ Đế nỗ lực tìm kiếm tâm trí và ông không thể tìm ra nó. Đây là một chiến lược nhỏ. Tâm trí tồn tại chỉ vì bạn không bao giờ tìm nó, nó tồn tại chỉ vì bạn không bao giờ nhận thức nó. Khi bạn tìm nó, bạn nhận thức được nó, và sự nhận thức chắc chắn giết chết nó hoàn toàn. Thời gian trôi đi, mặt trời dần nhô lên sau những rặng núi tĩnh lặng, gió mát hiu hiu thổi. Bồ Đề Đạt Ma có thể thấy trên gương mặt Lương Vũ Đế sự bình an, im lặng, tĩnh lặng... như thể ông là một bức tượng. Ông lay ông ta và hỏi: "Lâu rồi đó. Bệ hạ đã tìm ra tâm trí chưa?"

Lương Vũ Đế nói: "Không cần sử dụng cây trượng mà ông đã làm yên tâm trí ta hoàn toàn. Ta không có chút tâm trí nào và ta đã nghe thấy giọng nói bên trong mà ông bảo. Giờ đây ta biết rằng bất cứ điều gì ông nói đều đúng. Ông đã chuyển hóa ta mà chẳng cần làm gì. Giờ đây ta biết rằng từng hành động tự nó là phần thưởng, nếu không thì đừng làm. Ai ở đó mà cho ta phần thưởng? Đây là một ý tưởng ấu trĩ. Ai ở đó mà trừng phạt ta? Hành động của ta chính là sự trừng phạt và hành động của ta chính là phần thưởng. Ta là chủ vận mệnh của mình."

Bồ Đề Đạt Ma nói: "Bệ hạ là một đệ tử hiếm có. Ta yêu bệ hạ. Ta kính trọng bệ hạ, không phải như một quân vương, mà như một con người có can đảm chỉ trong một lần ngồi mà đã mang đến quá nhiều nhận thức, quá nhiều ánh sáng, làm cho tất thảy bóng tối của tâm trí tan biến."

Lương Vũ Đế cố thuyết phục Bồ Đề Đạt Ma đến hoàng cung. Nhưng Bồ Đề Đạt Ma nói: "Đó không phải chỗ dành cho ta. Bệ hạ có thể thấy ta là người hoang dại, ta làm những điều chính ta còn không biết mình sẽ làm. Ta sống trong từng khoảnh khắc, một cách ngẫu hứng. Ta rất khó lường. Ta có thể tạo ra rắc rối không cần thiết cho bệ hạ và triều đình, cũng như thần dân của bệ hạ. Ta không định tới hoàng cung, hãy để ta sống trong sự hoang dại của mình."

Ông ở trên núi Thái Sơn[1]. Truyền thuyết thứ hai kể rằng Bồ Đề Đạt Ma là người đã tạo ra trà – cái tên *trà* bắt nguồn từ ngọn núi Thái Sơn, bởi vì nó được tạo ra ở đó. Tất cả những từ để chỉ trà, trong mọi ngôn ngữ, đều xuất phát từ cùng gốc từ *tai* (thái).

---

[1] *Theo nhiều nguồn thông tin và tư liệu thì Bồ Đề Đạt Ma ở trên núi Tung Sơn.*

Cách Bồ Đề Đạt Ma tạo ra trà không thể là thực tế lịch sử, nhưng nó có ý nghĩa. Ông hành thiền phần lớn thời gian, và thỉnh thoảng vào ban đêm, ông bắt đầu ngủ gục. Cho nên, để giữ tỉnh táo và dạy cho cặp mắt mình một bài học, ông bứt tất cả lông mi ném xuống sân chùa. Theo câu chuyện thì từ những sợi lông mi đó, những bụi trà mọc lên. Đây là những bụi trà đầu tiên. Đó là lí do tại sao khi bạn uống trà, bạn không thể ngủ được. Trà rất có ích khi hành thiền. Ngày nay, thế giới Phật giáo coi việc uống trà như một phần của hành thiền, bởi vì nó giữ cho bạn tỉnh táo và ý thức.

Mặc dù có hai triệu nhà sư Phật giáo ở Trung Quốc, Bồ Đề Đạt Ma chỉ có thể tìm được bốn người xứng đáng làm đệ tử của mình. Ông rất kén chọn, phải mất gần chín năm mới tìm được đệ tử đầu tiên, Huệ Khả.

Trong chín năm – và đó là một thực tế lịch sử bởi tất cả những thư tịch cổ gần như cùng thời với Bồ Đề Đạt Ma đều đề cập đến điều này – trong chín năm, sau khi trả Lương Vũ Đế về hoàng cung, Bồ Đề Đạt Ma ngồi đối diện với bức tường bên trong chùa. Ông biến nó thành việc hành thiền vĩ đại. Ông chỉ nhìn vào bức tường. Sau một khoảng thời gian dài nhìn vào bức tường, bạn không thể nghĩ ngợi nữa. Dần dần, chậm rãi, giống như bức tường, tấm màn tâm trí bạn cũng trở nên trống rỗng. Bồ Đề Đạt Ma có một lí do thứ hai. Ông tuyên bố: "Trừ khi có người xứng đáng làm đệ tử của ta tới, còn không thì ta sẽ không nhìn vào thính giả."

Mọi người thường đến ngồi sau lưng ông. Đây là một tình huống kì lạ. Không ai từng nói chuyện theo cách này cả, ông nói với bức tường. Mọi người sẽ ngồi sau lưng ông còn ông sẽ không đối diện với thính giả, ông nói: "Thính giả làm ta đau thêm, bởi vì họ giống như bức tường. Không ai hiểu, và nhìn vào những bản thể con người ở trạng thái vô minh như vậy thì đau đớn vô cùng. Nhưng nhìn vào bức tường thì không thành vấn đề... một bức tường, sau tất cả, vẫn là bức tường. Nó không thể nghe, cho nên không cần phải đau đớn. Ta sẽ chỉ quay mặt lại thính giả khi ai đó chứng tỏ bằng hành động rằng đã sẵn sàng làm đệ tử của ta."

Chín năm trôi qua. Người ta không thể hình dung ra phải làm gì, hành động gì mới làm ông thỏa mãn. Họ không thể hình dung được. Rồi một chàng thanh niên tên Huệ Khả đến. Anh dùng kiếm chặt đứt một cánh tay, ném ra trước mặt Bồ Đề Đạt Ma và nói: "Đây mới là bắt đầu. Hoặc thầy quay lại, hoặc đầu của tôi sẽ rơi xuống trước mặt thầy. Tôi sẽ chặt luôn đầu mình." Bồ Đề Đạt Ma quay lại và nói: "Anh là người thực sự xứng đáng với ta. Không cần chặt đầu, chúng ta phải sử dụng nó." Người này, Huệ Khả, là đệ tử đầu tiên của ông. Khi Bồ Đề Đạt Ma cuối cùng cũng định rời Trung Hoa, ông gọi bốn đệ tử của mình lại – ba người nữa ông thu nạp sau Huệ Khả. Ông bảo họ: "Bằng những lời đơn giản, bằng những câu ngắn gọn, súc tích, nói cho ta nghe cốt lõi giáo huấn của ta. Sáng sớm mai ta định rời khỏi đây để trở về dãy Himalaya, và ta muốn chọn trong số bốn người các con một người trở thành người truyền thừa của ta."

Người đầu tiên nói: "Giáo huấn của thầy là vượt khỏi tâm trí, tuyệt đối im lặng, rồi mọi thứ bắt đầu tự nó xảy ra."

Bồ Đề Đạt Ma nói: "Con nói không sai, nhưng chưa làm ta thỏa mãn. Con có da của ta."

Người thứ hai nói: "Biết rằng ta không hiện hữu, chỉ có hiện hữu hiện hữu, là giáo huấn nền tảng của thầy."

Bồ Đề Đạt Ma nói: "Tốt hơn một chút, nhưng chưa đạt chuẩn của ta. Con có xương của ta. Ngồi xuống đi."

Và người thứ ba nói: "Không thể nói gì về nó. Không lời nào có khả năng nói gì đó về nó."

Bồ Đề Đạt Ma nói: "Tốt, nhưng con đã nói điều gì đó về nó rồi. Con đã mâu thuẫn với chính mình. Hãy ngồi xuống, con có tủy của ta."

Người thứ tư, đệ tử đầu tiên, Huệ Khả, chỉ quỳ dưới chân Bồ Đề Đạt Ma mà không nói lời nào, nước mắt lăn dài trên má. Bồ Đề Đạt Ma nói: "Con đã nói ra nó rồi. Con sẽ là người truyền thừa của ta."

Nhưng trong đêm, Bồ Đề Đạt Ma đã bị đệ tử nào đó đầu độc để trả thù vì không được chọn làm người truyền thừa. Họ chôn cất ông, và truyền thuyết lạ lùng nhất là sau ba năm, một vị quan triều đình bắt gặp ông đang rảo bước khỏi Trung Hoa đi về phía dãy Himalaya, tay cầm trượng, và có một chiếc dép treo trên cây trượng – ông đi chân trần. Vị quan đã biết ông, đã gặp ông nhiều lần, đã rơi vào tình yêu với ông, mặc dù ông hơi lập dị. Vị quan hỏi: "Ý nghĩa của cây trượng này và một chiếc dép treo trên nó là

gì?" Bồ Đề Đạt Ma trả lời: "Ông sẽ biết sớm thôi. Nếu ông gặp người của ta thì hãy bảo họ rằng ta sẽ đi vào dãy Himalaya mãi mãi."

Vị quan ngay lập tức chạy nhanh nhất có thể đến tu viện trên núi nơi Bồ Đề Đạt Ma đã sống. Ở đó ông nghe mọi người nói rằng Bồ Đề Đạt Ma đã bị đầu độc chết... và có một ngôi mộ. Vị quan đã không biết chuyện này bởi vì ông được sắp đặt ra canh giữ biên cương. Ông nói: "Trời ơi, nhưng ta đã thấy ông ấy, và ta không thể bị đánh lừa bởi ta đã gặp ông ấy nhiều lần trước đây. Vẫn là người đó, vẫn cặp mắt dữ tợn đó, vẫn sự nồng nhiệt và vẻ ngoài hoang dại đó, và ngoài ra, ông ấy còn mang theo một chiếc dép trên cây trượng của mình."

Các đệ tử không thể kiềm chế được sự hiếu kì, và họ mở ngôi mộ ra. Tất cả những gì họ tìm thấy ở đấy chỉ là một chiếc dép. Và thế là vị quan hiểu ra tại sao ông ấy lại nói: "Ông sẽ biết sớm thôi."

Chúng ta đã nghe rất nhiều về sự phục sinh của Jesus. Nhưng chưa ai nói nhiều về sự phục sinh của Bồ Đề Đạt Ma. Có lẽ ông chỉ hôn mê khi họ chôn cất ông, và sau đó ông lấy lại tri giác, trượt ra khỏi ngôi mộ, để lại một chiếc dép, treo chiếc dép còn lại lên cây trượng, rồi rời đi y theo kế hoạch.

Ông muốn chết trong tuyết vĩnh hằng của dãy Himalaya. Ông muốn một nơi không mộ phần, không chùa chiền, không tượng tạc của mình. Ông không muốn để lại bất cứ dấu chân nào phía sau mình để người đời thờ phụng, những người yêu quý ông nên bước vào trong bản thể của riêng họ. Ông nói: "Người đời sẽ không thờ phụng ta". Và ông gần như tan biến vào hư không. Không ai nghe gì về ông nữa – chuyện gì đã xảy ra, ông đã qua đời ở đâu. Ông hẳn đã được chôn trong tuyết vĩnh cửu của dãy Himalaya.

Phần ba
CUỘC HÔN PHỐI VỚI ĐẠO

Thiền là đứa con lai giữa tư tưởng của Đức Phật và tư tưởng của Lão Tử. Nó là một cuộc gặp gỡ vĩ đại, cuộc gặp gỡ vĩ đại nhất từng xảy ra.

TĂNG XÁN, TỔ THỨ BA CỦA THIỀN

Thiền vượt khỏi Đức Phật và vượt khỏi Lão Tử. Nó là cực điểm, sự siêu việt của cả tinh thần Ấn Độ lẫn tinh thần Trung Hoa. Tinh thần Ấn Độ đạt tới đỉnh cao nhất ở Đức Phật và tinh thần Trung Hoa đạt tới đỉnh cao nhất ở Lão Tử. Cuộc gặp gỡ giữa tinh túy giáo huấn của Đức Phật với tinh túy giáo huấn của Lão Tử hợp nhất thành một dòng chảy sâu sắc tới mức giờ đây không thể tách rời. Thậm chí việc phân biệt xem cái gì thuộc về Đức Phật và cái gì thuộc về Lão Tử cũng là bất khả thi, sự hợp nhất đã quá trọn vẹn. Nó không chỉ là sự tổng hợp, nó là sự tích hợp. Từ cuộc gặp gỡ này Thiền ra đời. Thiền vừa không phải Phật vừa không phải Đạo mà lại là cả hai.

Tăng Xán là Tổ thứ ba của Thiền. Không có nhiều điều được biết về ông, và đây là tất yếu bởi vì lịch sử chỉ ghi lại bạo lực. Lịch sử không ghi lại sự im lặng – nó không thể. Tất cả ghi chép là về sự xáo trộn. Khi ai đó trở nên thực sự im lặng, anh ta biến mất khỏi mọi ghi chép; anh ta không còn là một phần sự điên khùng của chúng ta. Cho nên nó phải thế.

Tăng Xán là một du tăng trong suốt cuộc đời. Ông không bao giờ ở yên nơi đâu; ông luôn luôn đi qua, ghé đến, di chuyển. Ông là một dòng sông, ông không phải một cái ao bất động. Ông là sự vận động không ngừng. Đó là ý nghĩa của việc Đức Phật gọi các nhà sư

của mình là *bhikkhu*, "kẻ lang thang": Không chỉ ở thế giới bên ngoài, mà cả thế giới bên trong họ cũng nên vô gia cư, bởi vì mỗi khi bạn làm ra ngôi nhà, bạn sẽ bị trói buộc vào nó. Họ không được bắt rễ, không được có ngôi nhà nào khác ngoài toàn thể vũ trụ này.

Ngay cả khi người ta thừa nhận rằng Tăng Xán đã chứng ngộ, ông vẫn tiếp tục con đường ăn mày của mình như cũ. Không có gì đặc biệt về ông. Ông là một người bình thường, một người của Đạo.

Tôi muốn nhắc bạn một điều: Thiền là đứa con lai. Và giống như việc những bông hoa lai thường đẹp hơn, điều đó cũng đã xảy ra với Thiền.

Thiền là đứa con lai giữa tư tưởng của Đức Phật và tư tưởng của

Lão Tử. Nó là một cuộc gặp gỡ vĩ đại, cuộc gặp gỡ vĩ đại nhất từng xảy ra. Đó là lí do tại sao Thiền còn đẹp đẽ hơn cả tư tưởng Đức Phật và tư tưởng Lão Tử. Nó là sự nở hoa hiếm có của những đỉnh cao nhất và là cuộc gặp gỡ của những đỉnh cao nhất đó. Thiền không phải Phật hay Đạo nhưng nó mang cả hai bên trong mình.

Ấn Độ hơi quá nghiêm túc về tôn giáo – có một quá khứ lâu dài, một sức nặng lớn đè lên tâm trí Ấn Độ, và tôn giáo đã trở nên nghiêm túc. Lão Tử luôn là một người tiếu lâm – ông nổi tiếng là một anh hề già. Ông không nghiêm túc chút nào, bạn không thể tìm đâu ra một người thiếu nghiêm túc hơn. Khi tư tưởng Đức Phật và tư tưởng Lão Tử gặp nhau, Ấn Độ và Trung Hoa gặp nhau, Thiền ra đời. Tăng Xán ở gần nguồn cội nguyên sơ khi Thiền bước ra khỏi bụng mẹ. Ông mang theo những nguyên tắc cơ bản.

Tiểu sử của ông hoàn toàn không liên quan, bởi vì mỗi khi một người chứng ngộ thì người đó không có tiểu sử.

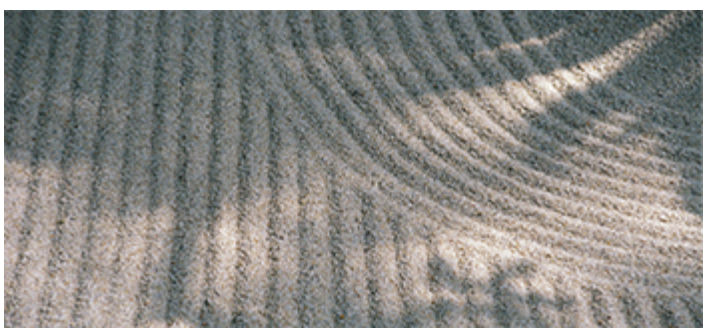

Người đó không còn bị giới hạn trong hình thức của mình, cho nên khi nào người đó sinh ra và khi nào người đó chết đi là những sự kiện không liên quan gì.

Đó là lí do tại sao ở phương Đông chúng ta chẳng bao giờ bận tâm đến tiểu sử, đến sự kiện lịch sử. Nỗi ám ảnh đó chưa bao giờ tồn

tại ở phương Đông. Nỗi ám ảnh đó chỉ gần đây mới đến từ phương Tây, bởi giờ đây con người đã trở nên quan tâm nhiều hơn đến những thứ không liên quan.

Khi một Tăng Xán sinh ra thì năm này hay năm kia có khác biệt gì không? Khi nào ông chết thì có gì quan trọng? Tăng Xán mới quan trọng, chứ không phải việc ông bước vào thế giới hay thân thể cũng như không phải việc ra đi của ông. Đến và đi là không liên quan. Điều liên quan duy nhất là bản thể của ông.

Trong suốt cuộc đời, Tăng Xán chỉ thốt ra vài lời. Nhớ rằng, chúng không chỉ là lời, bởi vì chúng bước ra từ một tâm trí đã vượt khỏi ngôn từ. Chúng không phải những suy xét, chúng là những kinh nghiệm xác thực. Cái gì ông nói thì ông đều biết. Ông không phải con người của tri thức, ông là một người thông thái. Ông đã thâm nhập vào điều huyền bí và bất cứ cái gì ông đem ra cũng có ý nghĩa. Nó có thể chuyển hóa bạn hoàn toàn. Nếu bạn lắng nghe ông thì chính việc lắng nghe có thể trở thành sự chuyển hóa, bởi bất cứ điều gì ông nói cũng là vàng nguyên chất.

Khi Tăng Xán phát biểu, ông phát biểu trên một bình diện khác. Ông không quan tâm đến phát biểu; ông không quan tâm đến việc gây ảnh hưởng lên ai; ông không cố gắng làm bạn tin theo học thuyết, triết lí hay chủ nghĩa nào đó. Không, khi ông phát biểu, sự im lặng của ông nở hoa. Khi ông phát biểu, ông đang nói điều mà ông đã biết và muốn chia sẻ với bạn. Không phải để thuyết phục bạn, hãy nhớ đấy – chỉ là chia sẻ với bạn. Nếu bạn có thể thấu hiểu một lời của ông, bạn sẽ cảm thấy một sự im lặng lớn lao đang được giải phóng bên trong bạn.

Chúng ta sẽ bàn về Tăng Xán và lời của ông. Nếu bạn lắng nghe chăm chú, đột nhiên bạn sẽ cảm thấy một sự giải phóng im lặng bên trong mình. Những lời này là nguyên tử, chúng tràn đầy năng lượng. Mỗi khi một người đã đạt tới nói điều gì đó, lời này trở thành hạt giống và trong hàng triệu năm, lời này vẫn sẽ là hạt giống đang tìm kiếm một trái tim.

Khi bạn sẵn sàng, sẵn sàng trở thành đất trồng, thì những lời vô cùng mạnh mẽ này của Tăng Xán – những hạt giống đang sống này – sẽ bước vào trái tim bạn nếu bạn cho phép, và bạn sẽ trở nên hoàn toàn khác thông qua chúng. Đừng nghe chúng bằng tâm trí, bởi vì ý nghĩa của chúng không thuộc về tâm trí, tâm trí hoàn toàn bất lực trong việc thấu hiểu chúng. Chúng không tới từ tâm trí, tâm trí không thể thấu hiểu chúng. Chúng tới từ vô trí. Chỉ trạng thái vô trí mới có thể thấu hiểu chúng.

Cho nên trong lúc lắng nghe, đừng cố gắng diễn dịch. Đừng lắng nghe lời mà hãy lắng nghe đằng sau lời, đừng lắng nghe điều ông ấy nói mà hãy lắng nghe điều ông ấy muốn nói – ý của nó. Hãy để ý đó lơ lửng chung quanh bạn như một hương thơm. Nó sẽ bước vào bạn một cách lặng lẽ, bạn sẽ được gieo hạt. Nhưng đừng diễn dịch. Đừng nói: "Ông ấy muốn nói cái này hay cái kia", bởi sự diễn dịch đó sẽ là của bạn. Đừng diễn dịch, hãy lắng nghe. Khi bạn diễn dịch bạn không thể nghe, bởi vì ý thức không thể làm đồng thời hai việc đối lập. Nếu bạn bắt đầu suy nghĩ, lắng nghe chấm dứt. Hãy chỉ nghe như bạn nghe nhạc – một phẩm chất khác của lắng nghe trong đó không có nghĩa trong âm thanh.

Đây cũng là âm nhạc. Ông Tăng Xán này là một nhạc sĩ chứ không phải một triết gia. Ông Tăng Xán này không nói ra lời, ông ấy đang nói ra nhiều hơn – không chỉ là lời. Chúng có ý nhưng chúng chẳng có nghĩa gì hết. Chúng giống như tiếng nhạc.

Khi bạn ngồi bên một thác nước, bạn lắng nghe nó nhưng bạn có diễn dịch xem thác nước nói gì không? Nó chẳng nói gì vậy mà nó lại nói. Nó nói nhiều điều không thể được nói.

Bạn làm gì gần một thác nước? Bạn lắng nghe, bạn trở nên tĩnh lặng và yên ả, bạn hấp thụ. Bạn cho phép thác nước đi ngày càng sâu hơn vào bên trong bạn. Thế rồi mọi thứ trở nên yên ả và tĩnh lặng bên trong. Bạn trở thành ngôi đền – cái không biết bước vào thông qua thác nước.

Bạn làm gì khi lắng nghe bài ca của chim chóc, của gió xuyên qua rặng cây, của lá khô trong heo may chao liệng? Bạn làm gì? Bạn chỉ lắng nghe.

Ông Tăng Xán này không phải triết gia, không phải nhà thần học, không phải tu sĩ. Ông ấy không muốn bán ý niệm nào cho bạn, ông ấy không quan tâm đến những ý niệm. Ông ấy ở đó không phải để thuyết phục bạn tin, ông ấy chỉ bừng nở mà thôi – không có nghĩa, nhưng rất nhiều ý. Bạn phải hấp thụ ý đó, chỉ thế bạn mới có thể thấu hiểu.

Cho nên hãy lắng nghe nhưng đừng suy nghĩ. Khi đó nhiều điều sẽ có thể xảy ra bên trong bạn, bởi vì tôi nói bạn nghe: Ông Tăng Xán này, người mà chúng ta chẳng biết gì nhiều về ông ấy, là một người quyền năng, một người đã tới chỗ biết. Khi ông ấy phát biểu, ông ấy đem theo điều gì đó của cái không biết vào thế giới của cái biết. Cùng với ông, sự thiêng liêng, một tia sáng bước vào trong bóng tối của tâm trí bạn.

Trước khi chúng ta bước vào lời của ông, hãy nhớ ý của lời chứ không phải nghĩa; âm nhạc, giai điệu chứ không phải nghĩa; âm thanh từ tâm trí vô thanh của ông, trái tim ông, chứ không phải suy nghĩ của ông. Bạn phải lắng nghe bản thể của ông, lắng nghe thác nước.

Lắng nghe như thế nào? Chỉ im lặng. Đừng mang tâm trí của bạn vào. Đừng bắt đầu nghĩ: "Ông ta đang nói gì vậy?" Chỉ lắng nghe mà không quyết định cách này hay cách khác, không nói liệu ông ấy đúng hay sai, liệu bạn có bị thuyết phục hay không. Ông ấy chẳng bận tâm về việc thuyết phục bạn, bạn cũng chẳng cần phải bận tâm về nó. Hãy đơn giản lắng nghe và lấy làm vui thích. Những người như Tăng Xán là để ta vui thích, họ là những hiện tượng tự nhiên.

Một tảng đá đẹp đẽ – bạn làm gì với nó? Bạn vui thích với nó. Bạn sờ vào nó, bạn đi vòng quanh nó, bạn cảm nhận nó và rêu bám trên nó.

Bạn làm gì với mây bay trên trời? Bạn nhảy múa trên đất, bạn nhìn ngắm chúng, hoặc bạn chỉ giữ yên lặng, nằm xuống mặt đất và ngắm mây trôi.

Và chúng lấp đầy bạn. Không chỉ bầu trời bên ngoài – dần dần, bạn càng trở nên tĩnh lặng, và chúng lấp đầy cả bầu trời bên trong của bạn.

Đột nhiên bạn không có ở đó; chỉ có mây đang bay, vào và ra. Sự phân chia bị loại bỏ, biên giới không còn nữa. Bạn đã trở thành bầu trời và bầu trời đã trở thành bạn.

Hãy ứng xử với Tăng Xán như một hiện tượng tự nhiên. Ông không chỉ là một người, ông là điều thiêng liêng, ông là Đạo, ông là một vị Phật. Ông Tăng Xán này không dành cho logic, ông là dành cho cuộc sống. Bây giờ, cố gắng hiểu ý từ lời của ông. Ông nói:

Đạo lớn không khó, chỉ hiềm lựa chọn.

Chớ khởi yêu ghét, rỗng suốt minh bạch.

Sai lạc đường tơ, đất trời xa cách.

Muốn được hiện tiền, chớ còn xuôi ngược.

Thuận nghịch tranh nhau, đó là tâm bệnh[1].

[1] *Dựa theo bản dịch lấy từ bài giảng của thiền sư Thích Thanh Từ về Tín Tâm Minh, có sửa đi một chỗ: Thay "Chí đạo" bằng "Đạo lớn". Nhưng trong bài giảng này cũng không ghi rõ đây là bản dịch của ai.*

Giống như Trang Tử nói: "Dễ là đúng", Tăng Xán nói: "Đạo lớn không khó." Nếu nó xem ra khó thì bạn chính là người làm nó khó. Đạo lớn là dễ. Làm sao nó có thể khó được? Ngay cả cây còn theo được nó, sông còn theo được nó, đá còn theo được nó. Làm sao nó có thể khó được? Ngay cả chim còn bay trong nó và cá còn bơi trong nó. Làm sao nó có thể khó được? Con người làm cho nó khó, tâm trí làm cho nó khó – và mánh khóe làm cho bất kỳ điều dễ nào trở thành khó là lựa chọn, phân biệt.

Yêu dễ, ghét dễ, ấy thế mà bạn lại chọn lựa. Bạn nói: "Tôi sẽ chỉ yêu, tôi sẽ không ghét." Giờ đây mọi thứ trở thành khó. Giờ đây bạn thậm chí không thể yêu! Hít vào dễ, thở ra dễ. Bạn chọn lựa. Bạn nói: "Tôi sẽ chỉ hít vào, tôi sẽ không thở ra." Giờ đây mọi thứ đã trở thành khó.

Tâm trí có thể hỏi: "Sao lại thở ra? Hơi thở là sự sống. Một phép tính đơn giản: Hãy tiếp tục hít vào, đừng thở ra, và bạn sẽ ngày càng giàu sức sống hơn. Bạn sẽ tích lũy ngày càng nhiều sự sống. Bạn sẽ trở thành một kho tàng sự sống vĩ đại. Chỉ hít vào thôi, đừng thở ra bởi vì thở ra là chết."

Hãy nhớ rằng, điều đầu tiên một đứa trẻ phải làm khi nó chào đời là hít vào. Và điều cuối cùng một người làm khi người đó qua đời là thở ra. Cuộc sống bắt đầu với việc hít vào còn cái chết bắt đầu với việc thở ra. Mỗi khoảnh khắc khi bạn hít vào, bạn được tái sinh; mỗi khoảnh khắc khi bạn thở ra, bạn chết, bởi vì hơi thở là sự sống. Đó là lí do tại sao người Hindu gọi nó là *prana: Prana* nghĩa là sự sống. Hơi thở là sự sống.

Một logic đơn giản, phép tính đơn giản; không có nhiều rắc rối, bạn có thể làm cho nó rõ ràng: Hít vào càng nhiều càng tốt và đừng thở ra, như vậy bạn sẽ không bao giờ chết. Nếu bạn thở ra, bạn sẽ phải chết. Và nếu bạn thở ra quá nhiều, bạn sẽ chết sớm! Phép tính đơn giản, nó dường như quá hiển nhiên. Vậy thì một người logic nên làm gì? Một người logic sẽ chỉ hít vào, không bao giờ thở ra.

Yêu là hít vào, ghét là thở ra. Thế thì phải làm gì? Cuộc sống sẽ dễ dàng nếu bạn không quyết định, bởi vì bạn biết hít vào và thở ra không phải hai thứ đối lập; chúng là hai phần của một tiến trình.

Hai phần đó được kết nối, bạn không thể tách rời chúng. Và nếu bạn không thở ra...? Logic là sai. Bạn sẽ không còn sống – bạn sẽ chết ngay lập tức.

Thử xem – chỉ hít vào và đừng thở ra. Bạn sẽ hiểu. Bạn sẽ trở nên rất, rất căng thẳng. Toàn bộ bản thể bạn sẽ muốn thở ra bởi vì điều này dẫn đến cái chết. Nếu bạn chọn lựa, bạn sẽ gặp khó khăn. Nếu bạn không chọn lựa, mọi thứ là dễ dàng. Dễ là đúng.

Nếu bạn gặp khó khăn, đó là vì quá nhiều giáo viên đã đầu độc tâm trí bạn, đã dạy bạn: "Chọn cái này – đừng làm thế này mà hãy làm thế kia." Những cái nên và không nên của họ đã giết chết bạn, song họ có vẻ logic. Nếu bạn tranh luận với họ, họ sẽ thắng cuộc tranh luận. Logic sẽ giúp họ: "Nhìn đi! Nó quá đơn giản. Sao lại thở ra nếu nó đem cái chết tới?"

Điều này đã xảy ra với tình dục, trong một vài truyền thống, bởi vì người ta nghĩ cái chết đi cùng tình dục. Họ có vẻ đúng, bởi vì năng lượng tình dục sinh ra sự sống, cho nên năng lượng tình dục đi ra càng nhiều, sự sống đi ra càng nhiều. Nó logic, đặc trưng kiểu Aristotle, nhưng ngu xuẩn. Bạn không thể tìm đâu ra những kẻ ngốc nghếch hơn những người logic. Logic là năng lượng cuộc sống tới từ tình dục – đứa trẻ sinh ra nhờ tình dục, tình dục là cội nguồn cuộc sống – do đó hãy giữ nó bên trong. Đừng cho phép nó ra ngoài, nếu không bạn sẽ chết. Cho nên thế giới đã trở nên sợ hãi.

Nhưng điều này cũng giống như giữ việc hít vào; nếu bạn đàn áp nó, toàn bộ bản thể sẽ muốn ném nó ra. Cho nên những người được gọi là tiệt dục, những người cố gắng giữ năng lượng tình dục của họ ở trong, thấy rằng toàn bộ thân thể muốn ném năng lượng đó ra ngoài. Toàn bộ cuộc sống của họ trở thành nhục dục – tâm trí họ trở thành nhục dục, họ mơ về tình dục, họ lúc nào cũng nghĩ về tình dục. Tình dục trở thành nỗi ám ảnh của họ bởi vì họ cố gắng làm một điều logic, tất nhiên, nhưng không đúng cho cuộc sống.

Nếu bạn muốn có nhiều sự sống hơn, hãy thở ra nhiều hơn, khi đó bạn tạo ra một khoảng không bên trong và sẽ có nhiều hơi thở đi vào. Đừng nghĩ về việc hít vào, cứ thở ra nhiều nhất có thể và toàn bộ bản thể bạn sẽ hít vào. Yêu nhiều hơn – đó là thở ra – và thân thể bạn sẽ thu thập năng lượng từ khắp vũ trụ. Bạn tạo khoảng chân không và năng lượng đến.

Cuộc sống là sự cân bằng giữa ném ra và mời vào. Bạn chỉ là một

trung gian. Hãy chia sẻ! Hãy cho đi, và bạn sẽ nhận lại nhiều hơn. Còn nếu là một kẻ keo kiệt, không cho đi thì bạn sẽ nhận lại ít hơn bởi vì bạn không cần.

Hãy ghi nhớ và quan sát tiến trình cuộc sống của bạn. Nếu bạn quan tâm đến việc thấu hiểu sự chứng ngộ đến tận cùng, hãy nhớ cho đi để nhận lại nhiều hơn, cho dù nó là gì. Thở ra, trút ra nhiều hơn. Đó là ý nghĩa của chia sẻ, của cho đi.

Nhưng tâm trí có logic của riêng nó, và Tăng Xán gọi logic đó là bệnh tật.

Đạo lớn không khó... Bạn làm cho nó thành khó, chính bạn khó. Đạo lớn là dễ... *chỉ hiềm lựa chọn*.

Đừng chọn lựa – hãy cho phép cuộc sống tự chuyển dịch. Đừng nói với cuộc sống: "Đi đường này, đi đến hướng bắc hoặc đi đến hướng nam." Đừng nói gì cả, cứ thuận theo cuộc sống. Đừng chiến đấu chống lại dòng nước, hãy trở thành một với dòng nước.

Đạo lớn dễ cho những ai không chọn lựa, nhưng bạn lại có chọn lựa về mọi thứ! Bạn mang tâm trí của mình vào mọi thứ. Bạn nói: "Tôi thích, tôi không thích, tôi thích cái này hơn, tôi không thích cái kia bằng." Nhưng khi bạn không chọn lựa – khi tất cả những thái độ ủng hộ và chống đối đều vắng mặt, cả yêu lẫn ghét đều vắng mặt, bạn không có cả thích lẫn không thích – bạn cứ để mọi thứ xảy ra, thì Tăng Xán nói, mọi thứ trở nên *rỗng suốt minh bạch*.

Sai lạc đường tơ, đất trời xa cách.

Nhưng tâm trí bạn sẽ nói: "Bạn sẽ trở thành một con vật nếu bạn không chọn lựa. Nếu bạn không chọn thì bạn khác gì cái cây?" Có một sự khác biệt, một sự khác biệt vĩ đại – không phải sự khác biệt mang tâm trí vào mà sự khác biệt đến thông qua nhận biết. Cái cây không lựa chọn và không ý thức. Bạn sẽ không lựa chọn nhưng có ý thức. Đó là ý nghĩa của sự nhận biết không lựa chọn, và đó là sự khác biệt vĩ đại nhất: *Bạn sẽ nhận biết rằng bạn đang không lựa chọn*.

Nhận biết này cho bạn bình an sâu thẳm... bạn trở thành một vị Phật, bạn trở thành một Tăng Xán, một Trang Tử. Cái cây không thể trở thành Trang Tử. Trang Tử giống như cái cây, nhưng còn hơn thế. Về mặt chọn lựa, ông giống như cái cây nhưng về mặt nhận biết, ông hoàn toàn khác cái cây. Ông nhận biết rõ rằng mình đang không chọn lựa.

Tăng Xán nói: "*Chớ khởi yêu ghét...*"

Yêu và ghét, cả hai đều bóp méo cái nhìn của bạn và khiến cho bạn không thể thấy rõ ràng. Nếu bạn yêu một người, bạn bắt đầu thấy những thứ không có ở đó. Khi bạn yêu một người, bạn nghĩ cô ấy đẹp hơn tất cả những người đàn bà khác bởi vì bạn phóng chiếu. Tâm trí bạn có một cô gái trong mơ và cô gái trong mơ đó được phóng chiếu. Bằng cách nào đó cô gái thật chỉ như một màn chiếu. Đó là lí do tại sao sớm hay muộn mọi tình yêu đều đi tới vỡ mộng, bởi vì làm sao cô gái cứ mãi đóng vai màn chiếu được? Cô ấy là người thật; cô ấy sẽ khẳng định mình, cô ấy sẽ nói: "Tôi không phải cái màn chiếu!" Cô ấy có thể tiếp tục ăn khớp với sự phóng chiếu của bạn trong bao lâu? Sớm hay muộn bạn cũng sẽ cảm thấy sự phóng chiếu không ăn khớp. Lúc đầu cô ấy nhường bạn, lúc đầu bạn nhường cô ấy. Bạn là màn chiếu cho cô ấy và cô ấy là màn chiếu cho bạn.

Vợ của Mulla Nasruddin nói với anh ta: "Anh không yêu em nhiều như trước, như hồi anh đang tán tỉnh em."

Nasruddin đáp: "Em yêu, đừng để ý nhiều đến những điều đó – nó chỉ là sự tuyên truyền cho chiến dịch thôi. Anh sẽ quên điều em đã nói nếu em quên điều anh đã nói. Bây giờ hãy chấp nhận thực tế đi!"

Bỏ hết gánh nặng đi. Bạn càng muốn lên cao, bạn càng phải ít gánh nặng.

Không ai có thể đóng vai màn chiếu cho bạn mãi mãi bởi vì việc đó không thoải mái. Làm sao ai đó có thể điều chỉnh cho phù hợp với giấc mơ của bạn mãi được? Người đó có thực tại của riêng mình, và thực tại đó sẽ khẳng định chính nó.

Nếu bạn yêu một người, bạn phóng chiếu những thứ không có ở đó. Nếu bạn ghét một người, bạn lại phóng chiếu những thứ không có ở đó. Khi yêu, người đó trở thành vị thần; khi ghét, người đó trở thành con quỷ – và người đó chẳng là vị thần hay con quỷ, người đó chỉ là chính người đó. Những vị thần và con quỷ là sự phóng chiếu. Nếu bạn yêu, bạn không thể thấy rõ ràng. Nếu bạn ghét, bạn không thể thấy rõ ràng.

Khi không có thích và không thích, mắt bạn rõ ràng, bạn sáng suốt. Bạn nhìn người khác đúng như người đó. Khi ý thức của bạn sáng suốt, toàn thể hiện hữu biểu lộ thực tại của nó cho bạn. Thực

tại đó là thiêng liêng, thực tại đó là chân lí.

Điều này nghĩa là gì? Phải chăng điều này nghĩa là một người như Tăng Xán sẽ không yêu? Không, mà tình yêu của ông ấy sẽ có một phẩm chất hoàn toàn khác; nó sẽ không giống như tình yêu của bạn. Ông ấy sẽ yêu nhưng tình yêu của ông ấy sẽ không là một lựa chọn. Ông ấy sẽ yêu nhưng tình yêu của ông ấy sẽ không là sự phóng chiếu. Ông ấy sẽ yêu nhưng tình yêu của ông ấy sẽ không là tình yêu dành cho giấc mơ của chính mình. Ông ấy sẽ yêu con người thực.

Tình yêu với con người thực chính là lòng trắc ẩn. Ông ấy sẽ không phóng chiếu theo cách này hay cách kia. Ông ấy sẽ không thấy một vị thần hay một con quỷ ở bạn. Ông ấy chỉ đơn giản là thấy bạn. Và ông ấy sẽ sẻ chia bởi vì ông ấy có đủ – và một người sẻ chia càng nhiều, nó càng lớn lên. Ông ấy sẽ sẻ chia cực lạc của mình với bạn.

Khi bạn yêu, bạn phóng chiếu. Bạn yêu không phải để cho, bạn yêu để nhận, bạn yêu để lợi dụng. Khi bạn yêu một người, bạn bắt đầu cố gắng sửa chữa người đó theo ý tưởng của bạn. Mọi người chồng đều đang làm thế, mọi người vợ đều đang làm thế, mọi người bạn cũng vậy. Họ liên tục cố gắng thay đổi người khác, người thật – và vì người thật không thể thay đổi được, họ sẽ chỉ nhận được thất vọng. Người thật không thể thay đổi, cho nên chỉ có giấc mơ của bạn tan vỡ và bạn sẽ cảm thấy đau đớn. Bạn không lắng nghe thực tại.

Không ai ở đây để hoàn thành giấc mơ của bạn. Mọi người ở đây để hoàn thành định mệnh của chính mình, thực tại của chính mình.

Người như Tăng Xán yêu nhưng tình yêu của ông không phải sự lợi dụng. Ông yêu bởi vì ông có nhiều tới mức tràn đầy. Ông không tạo ra một giấc mơ chung quanh ai đó. Ông sẻ chia với bất cứ ai tới trên con đường của mình. Sự sẻ chia của ông là vô điều kiện và ông không mong đợi điều gì từ bạn.

Nếu tình yêu mong đợi điều gì đó thì sẽ có vỡ mộng. Nếu tình yêu mong đợi điều gì đó thì sẽ có bất mãn. Nếu tình yêu mong đợi điều gì đó thì sẽ có khổ sở và điên khùng.

Tăng Xán nói: "Không." "Đừng yêu cũng đừng ghét. Hãy chỉ nhìn vào thực tại của đối phương." Đây là tình yêu của Đức Phật: thấy thực tại của đối phương – không phóng chiếu, không mơ mộng, không tạo ra một hình ảnh, không cố gắng sửa chữa người khác theo hình ảnh của mình.

Tăng Xán nói: "*Chớ khởi yêu ghét, rỗng suốt minh bạch.*"

Tâm trí phải yêu và ghét, tâm trí phải liên tục chiến đấu giữa hai thứ này. Nếu bạn không yêu cũng không ghét, bạn vượt khỏi tâm trí. Lúc đó tâm trí ở đâu? Khi chọn lựa biến mất bên trong bạn thì tâm trí biến mất.

Nhưng ngay cả khi bạn nói: "Tôi muốn im lặng", thì bạn cũng sẽ không bao giờ im lặng bởi vì bạn có một lựa chọn. Đây là vấn đề.

Mọi người nói: "Tôi muốn im lặng. Tôi không muốn có thêm những căng thẳng này nữa." Tôi lấy làm tiếc cho họ – tiếc bởi vì điều họ đang nói là ngớ ngẩn. Nếu bạn "không muốn có thêm những căng thẳng này nữa", bạn sẽ tạo ra những căng thẳng mới, bởi vì không muốn sẽ tạo ra căng thẳng mới. Nếu bạn quá muốn im lặng, nếu bạn phấn đấu vì nó quá nhiều, sự im lặng của bạn tự nó sẽ trở thành một căng thẳng. Bây giờ bạn sẽ lúng túng hơn bởi chính nỗ lực nắm bắt sự im lặng của mình.

Im lặng là gì? Nó là sự thấu hiểu sâu sắc về hiện tượng nếu bạn chọn lựa, bạn sẽ căng thẳng. Ngay cả khi bạn chọn im lặng, bạn vẫn sẽ căng thẳng. Hãy thấu hiểu, cảm nhận nó – mỗi khi bạn chọn lựa, bạn trở nên căng thẳng; mỗi khi bạn không chọn lựa, không có căng thẳng và bạn được thư giãn. Khi bạn thư giãn, đôi mắt bạn sáng suốt; chúng không bị những đám mây và giấc mơ che mờ. Không có ý nghĩ đi vào tâm trí, bạn có thể thấy cái thật. Và khi bạn có thể thấy cái thật, bạn được giải phóng. Chân lí giải phóng bạn.

"*Sai lạc đường tơ, đất trời xa cách,*" Tăng Xán nói. Chỉ một sự phân biệt nhỏ nhất, lựa chọn nhẹ nhàng nhất cũng khiến bạn bị phân chia. Khi đó, bạn có địa ngục và cõi trời, và giữa hai thứ này bạn sẽ bị ép nát.

"*Muốn được hiện tiền chớ còn xuôi ngược,*" Tăng Xán nói. Hãy dịch chuyển mà không có ý kiến. Dịch chuyển một cách trần trụi, không quần áo, không có quan điểm về chân lí, bởi vì chân lí ghê tởm mọi quan điểm. Vứt bỏ tất thảy triết lí, học thuyết, giáo lí, kinh sách của bạn đi! Vứt bỏ tất cả rác rưởi đi! Hãy trở nên im lặng, không lựa chọn, để đôi mắt bạn sẵn sàng nhìn sự thật mà không hi vọng, theo bất cứ cách nào, ước muốn của mình được thỏa mãn.

Đừng đem theo ước muốn. Người ta nói con đường đến địa ngục tràn đầy những ước muốn – những ước muốn được tốt đẹp, những hi vọng, giấc mơ, cầu vồng, lí tưởng. Con đường đến cõi trời thì hoàn toàn trống rỗng.

Bỏ hết gánh nặng đi. Bạn càng muốn lên cao, bạn càng phải ít gánh nặng. Nếu bạn muốn đi đến dãy Himalaya, bạn phải trút bỏ toàn bộ gánh nặng. Cuối cùng, khi bạn tới Gaurishankar[1], đỉnh Everest, bạn phải vứt bỏ mọi thứ.

Bạn phải đi hoàn toàn trần trụi, bởi vì càng lên cao bạn càng cần nhẹ nhàng. Và những quan điểm đang đè nặng lên bạn. Chúng không phải đôi cánh, chúng giống như những cái chặn giấy. Hãy bỏ tất cả quan điểm, không có bất cứ lựa chọn nào…"*Muốn được hiện tiền, chớ còn xuôi ngược.*"

---

[1] *Tên một ngọn núi ở dãy Himalaya.*

Đừng là một người hữu thần và cũng đừng là một người vô thần nếu bạn thực sự muốn biết chân lí là gì. Đừng nói: "Có Thượng Đế"

hay "Không có Thượng Đế" bởi vì bất cứ điều gì cũng sẽ trở thành một khao khát sâu xa và bạn sẽ phóng chiếu bất cứ điều gì được ẩn giấu trong khao khát đó.

Nếu bạn muốn thấy Thượng Đế giống như một Krishna[1] đang thổi sáo thì một ngày nào đó bạn sẽ thấy ông ta – không phải bởi Krishna ở đó mà chỉ bởi bạn đã có một hạt giống khao khát để phóng chiếu lên tấm màn thế giới. Nếu bạn muốn thấy Jesus bị đóng đinh câu rút, bạn sẽ thấy điều đó. Bất cứ điều gì bạn muốn cũng sẽ được phóng chiếu, nhưng nó chỉ là một thế giới mơ tưởng – bạn không hề tiến gần hơn tới chân lí.

Hãy loại bỏ mọi hạt giống bên trong: không còn quan điểm, không còn suy nghĩ ủng hộ hay chống lại, không còn triết lí. Chỉ đi để thấy cái đang hiện hữu. Đừng mang theo chút tâm trí nào. Hãy trở nên vô trí.

"Muốn được hiện tiền, chớ còn xuôi ngược. Thuận nghịch tranh nhau, đó là tâm bệnh."

---

[1] Hóa thân thứ tám của thần Vishnu, một trong ba vị thần tối cao của Hindu giáo, được miêu tả là rất thích thổi sáo.

Đây là bệnh của tâm trí: thích cái này và không thích cái kia, ủng hộ và chống đối. Tại sao tâm trí lại bị phân chia? Tại sao bạn không thể là một? Bạn muốn là một nhưng bạn tiếp tục tưới nước cho sự phân chia, cho chọn lựa, cho thích và không thích. Bạn càng dùng tâm trí nhiều, nó càng được củng cố, nó càng trở nên mạnh hơn. Đừng sử dụng nó.

Khó đấy, bởi vì bạn sẽ nói: "Điều gì sẽ xảy ra cho tình yêu của chúng tôi? Điều gì sẽ xảy ra cho những gì chúng tôi sở hữu? Điều gì sẽ xảy ra cho đức tin của chúng tôi? Điều gì sẽ xảy ra cho tôn giáo, cho nhà thờ, cho đền chùa của chúng tôi?" Chúng là gánh nặng của bạn. Hãy thoát khỏi chúng, và hãy để chúng ra khỏi bạn. Chúng đang giữ bạn ở đây, bén rễ, còn chân lí muốn bạn được giải phóng. Khi được giải phóng, bạn sẽ đạt tới; với đôi cánh, bạn sẽ đạt tới; không có sức nặng, bạn sẽ đạt tới.

Tăng Xán nói: "*Thuận nghịch tranh nhau, đó là tâm bệnh.*"

Làm thế nào để vượt qua nó? Có cách nào vượt qua nó không? Không, chẳng có cách nào hết. Chỉ phải thấu hiểu nó. Chỉ phải nhìn vào thực tế của nó. Chỉ phải nhắm mắt lại và nhìn vào cuộc

sống của riêng mình – quan sát nó, và bạn sẽ cảm thấy chân lí của Tăng Xán. Và khi bạn cảm nhận được chân lí, bệnh tật sẽ rụng đi. Không có thuốc men nào cho nó bởi vì nếu bạn có thuốc men, bạn sẽ bắt đầu yêu thích thuốc men. Thế thì bệnh tật sẽ bị lãng quên còn thuốc sẽ được yêu thích, và rồi thuốc trở thành bệnh tật.

Không, Tăng Xán sẽ không cho bạn thuốc men nào, phương thức nào. Ông sẽ không đề xuất bạn làm gì. Ông sẽ chỉ khẳng định đi khẳng định lại, một ngàn lẻ một lần, rằng bạn phải hiểu được bạn đã tạo ra mớ hỗn độn này xung quanh mình như thế nào, làm sao bạn ở trong khổ sở này. Chẳng ai khác tạo ra nó; thích cái này hơn cái kia, chọn lựa là bệnh tật của tâm trí bạn.

Đừng chọn lựa. Hãy chấp nhận cuộc sống như nó vốn thế trong tổng thể của nó. Bạn phải nhìn vào tổng thể: Sự sống đi cùng cái chết, yêu đi cùng ghét, hạnh phúc đi cùng bất hạnh, đau đớn đi cùng cực lạc.

Nếu bạn nhìn vào chúng đồng thời thì có gì để lựa chọn? Nếu bạn thấy chúng là một thì từ đâu mà chọn lựa bước vào được? Nếu bạn thấy rằng đau đớn chẳng là gì ngoài cực lạc, cực lạc chẳng là gì ngoài đau đớn; nếu bạn có thể thấy rằng hạnh phúc chẳng là gì ngoài bất hạnh, yêu chẳng là gì ngoài ghét, ghét chẳng là gì ngoài yêu – thế thì chọn lựa ở đâu? Chọn lựa như thế nào?

Khi đó lựa chọn rơi rụng. Bạn không vứt bỏ nó. Nếu bạn vứt bỏ nó, như thế sẽ trở thành một lựa chọn – đây là nghịch lí. Bạn không có bổn phận vứt bỏ nó, bởi vì nếu bạn vứt bỏ nó thì có nghĩa là bạn đã chọn ủng hộ và chống lại.

Bây giờ, bạn chọn cái tổng thể. Bạn ủng hộ cái tổng thể và chống lại sự phân chia, nhưng bệnh tật đã xuất hiện. Nó rất tinh vi.

Hãy chỉ thấu hiểu thôi, và chính sự thấu hiểu sẽ trở thành việc vứt bỏ. Đừng bao giờ vứt bỏ nó. Hãy chỉ cười... và gọi một tách trà.

CHĂN TRÂU - MỘT NGỤ NGÔN THIỀN

TRANH SỐ 1

TRANH SỐ 2

Chăn trâu là một biểu tượng cổ xưa trong lịch sử của Thiền. Có mười bức tranh tồn tại ở Trung Hoa, bức tranh thứ mười là nguyên nhân của một cuộc luận chiến lớn. Tôi muốn bạn hiểu mười bức tranh ấy.[1]

Mười bức tranh đẹp đẽ khôn cùng. Ở bức đầu tiên, con trâu bị mất. Người chủ con trâu đang đứng, nhìn khắp chung quanh rừng rậm mà không thể thấy được con trâu đã đi đâu. Anh ta ngơ ngác, lúng

túng. Ngày đã muộn, mặt trời đang lặn; màn đêm sắp buông xuống, và việc đi vào rừng rậm để tìm trâu sẽ trở nên càng lúc càng khó khăn hơn.

---

[1] Thường được gọi là "Thập mục ngưu đồ", có nhiều phiên bản với nét vẽ khác nhau nhưng nội dung tương tự nhau.

Ở bức tranh thứ hai, anh ta tìm thấy dấu chân con trâu. Anh ta cảm thấy đôi chút mừng rỡ; có lẽ có khả năng tìm được con trâu – anh ta đã tìm được dấu chân. Anh ta lần theo chúng.

Ở bức tranh thứ ba, anh ta nhìn thấy lưng con trâu đang đứng trong rừng rậm. Khó mà thấy được, nhưng anh ta có thể nhận ra đó là lưng con trâu của mình. Ở bức thứ tư, anh ta đến được chỗ con trâu; giờ đây anh ta có thể nhìn thấy trâu, cả thân thể của nó. Anh ta hân hoan.

Ở bức tranh thứ năm, anh ta nắm được sừng con trâu. Phải tranh đấu quyết liệt để mang nó về nhà, nhưng anh ta chiến thắng. Ở bức tranh thứ sáu, anh ta cưỡi con trâu và đi về phía nhà mình. Những bức tranh này thật đẹp!

Ở bức tranh thứ bảy, trâu bị buộc ở chuồng của nó. Ở bức tranh thứ tám, người chủ tràn ngập sung sướng đến nỗi bắt đầu thổi sáo. Bức tranh thứ chín[1] là một khung rỗng – không có gì được vẽ bên trong.

TRANH SỐ 3

TRANH SỐ 4

Ở bức tranh thứ mười, nguyên nhân của một cuộc luận chiến lớn, người đàn ông đang đi ra chợ, với một chai rượu, gần như say. Bạn có thể thấy, anh ta thậm chí không bước nổi. Bức tranh thứ mười này đã gây ra một cuộc luận chiến lớn, dữ dội suốt hai ngàn năm.

Một tông phái lớn của dòng Bắc Tông tin rằng bức thứ chín là bức tranh cuối cùng. Nó đại diện cho vô trí, bạn đã đạt được mục tiêu. Con trâu là cái tôi bên trong mà bạn đánh mất, và cả loạt tranh là cuộc tìm kiếm cái tôi bên trong của bạn. Bạn đã tìm thấy cái tôi ở bức thứ chín.

TRANH SỐ 5

TRANH SỐ 6

---

[1] Ở một số phiên bản khác thì bức tranh rỗng là bức thứ tám chứ không phải bức thứ chín.

TRANH SỐ 7

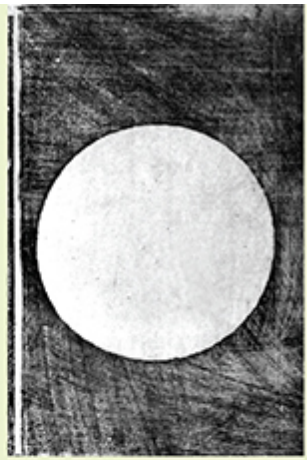

TRANH SỐ 9

TRANH SỐ 8

TRANH SỐ 10

Có im lặng và bình an mênh mang. Nó là niết bàn, nó là vô trí.

Xa hơn bức thứ chín... những người nói đây là kết thúc của hành trình nghĩ rằng ai đó đã thêm vào bức tranh thứ mười và bức tranh này chẳng có vẻ gì liên quan. Nhưng những người thuộc về một tông phái nhỏ nào đó của Thiền tin vào bức tranh thứ mười. Họ nói rằng khi một người chứng ngộ thì đây không phải kết thúc. Đây là đỉnh cao nhất của ý thức, thành tựu lớn lao nhất, nhưng người đó phải quay trở về thế giới con người, thế giới bình thường. Người đó phải một lần nữa trở thành một phần của nhân loại vĩ đại hơn. Chỉ thế thì anh ta mới có thể chia sẻ, chỉ thế thì anh ta mới có thể kích động những người khác bước vào cuộc tìm kiếm.

Và chắc chắn khi anh ta đến từ một độ cao như vậy, anh ta phải tuyệt đối say sưa với cực lạc. Chai rượu không phải rượu thông thường. Nó là biểu tượng của một trạng thái cực lạc.

Khi những bức tranh này được mang tới Nhật Bản, khoảng 12 hay 13 thế kỉ trước[1], chỉ có chín bức được mang. Bức thứ mười hơi phiền toái, nó bị bỏ lại Trung Hoa.

Tôi đã bối rối khi lần đầu tiên nhìn vào những bức tranh của Nhật Bản. Chúng có vẻ hoàn chỉnh. Khi bạn đã đạt tới niết bàn, còn gì hơn nữa? Và rồi tôi tìm thấy trong một cuốn sách cổ Trung Hoa mười bức tranh. Tôi hạnh phúc vô hạn với việc ai đó ở hai nghìn năm trước đã có tri kiến là một vị Phật sẽ không phải một vị Phật nếu ông ấy không thể quay lại nhân loại bình thường, nếu ông ấy không thể một lần nữa trở nên đơn giản, ngây thơ, đem theo niết bàn của mình, đem theo cực lạc của mình trong chai rượu, say cùng cực với điều thiêng liêng nhưng vẫn đi ra chợ.

---

[1] Theo một số thông tin và tư liệu thì phải đến thế kỷ XII, tức là khoảng chín thế kỷ trước, bộ tranh phiên bản mười bức mới bắt đầu xuất hiện.

Tôi có thể thấy rằng người vẽ bức tranh thứ mười đã đúng. Cho đến bức tranh thứ chín, nó chỉ đơn thuần là logic. Xa hơn bức thứ chín, bức thứ mười là sự chứng ngộ lớn lao.

Theo tôi, cho đến bức thứ chín thì chỉ là một vị Phật, với bức thứ mười thì còn là một Zorba[1]. Và đây là chủ đề bất biến của tôi: Tôi luôn nhấn mạnh rằng bức tranh thứ mười là xác thực, và nếu nó không có ở đó, tôi sẽ vẽ nó. Thiếu nó, kết thúc ở cái không có vẻ hơi buồn, có vẻ hơi nghiêm trọng, có vẻ trống rỗng.

Tất cả nỗ lực tìm kiếm chính mình, thiền định, vượt khỏi tâm trí, nhận ra bản thể của mình và kết thúc ở sa mạc của cái không... không, phải có điều gì đó hơn thế, điều gì đó xa hơn thế, nơi hoa nở, nơi những bài ca cất lên, nơi vũ điệu một lần nữa có thể xuất hiện – tất nhiên, trên một cấp độ hoàn toàn khác.

Những bức tranh chăn trâu này có ý nghĩa bao la trong việc giải thích toàn bộ con đường theo từng bước một.

---

[1] Nhân vật chính trong tác phẩm Alexis Zorba – Con người hoan lạc của Nikos Kazantzakis, một ông già luôn sống mãnh liệt, sống nồng nhiệt, sống hết mình, đầy bản năng, nằm ngoài mọi quy định và bó buộc.

Phần bốn
LÂM TẾ, BẬC THẦY PHI LÍ

Lâm Tế nổi tiếng là "bậc thầy hét". Ông sử dụng tiếng hét để mang đến im lặng cho con người.

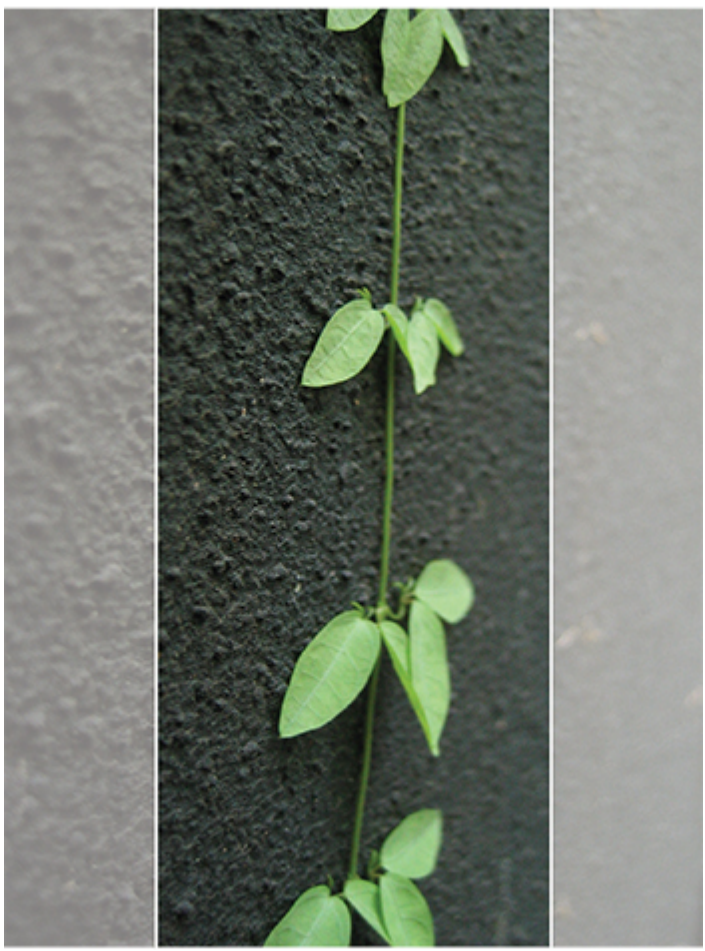

THIỀN TỚI NHẬT BẢN

Lâm Tế là một trong những bậc thầy đáng yêu nhất trong lịch sử của Thiền. Ông mang Thiền từ Trung Hoa tới Nhật Bản, nhưng ông đã sống cùng các bậc thầy Trung Hoa. Ông đem theo chính ngọn lửa mà Bồ Đề Đạt Ma đã đưa từ Ấn Độ sang Trung Hoa. Ông có cùng sự vĩ đại, vẻ đẹp và cách tiếp cận vô lí đối với việc tỉnh thức.

Lâm Tế là một trong những bậc thầy được yêu mến nhất trong truyền thống Thiền. Sự chuyển giao ánh sáng đầu tiên xảy ra giữa Đức Phật và Ma Ha Ca Diếp. Sự chuyển giao ánh sáng thứ hai xảy ra giữa Bồ Đề Đạt Ma và người truyền thừa của mình, Huệ Khả. Bồ Đề Đạt Ma mang kinh nghiệm ý thức tối thượng từ Ấn Độ đến Trung Hoa.

Lâm Tế đưa ý thức đó, con đường bước vào bản thể của mình đó, từ Trung Hoa sang Nhật Bản. Ba cái tên này – Ma Ha Ca Diếp, Bồ Đề Đạt Ma và Lâm Tế – đứng sừng sững như những đỉnh núi của dãy Himalaya.

Lâm Tế nổi tiếng là "bậc thầy hét". Ông sử dụng tiếng hét để mang đến im lặng cho con người – một tiếng hét bất ngờ. Họ đang hỏi về Thượng Đế, họ đang hỏi về cõi trời, họ đang hỏi về triết lí vĩ đại hay những vấn đề thần học... và đột nhiên bậc thầy hét lên!

Một khi bạn trải nghiệm việc ở trung tâm, bạn đột nhiên sẽ thấy cả thế giới thay đổi.

Tâm trí bị sốc, gần như một cú sốc điện. Trong một khoảnh khắc, bạn không hiện hữu, chỉ có tiếng hét. Trong một khoảnh khắc, tâm trí dừng lại, thời gian dừng lại – và đó là bí mật của thiền định.

Lâm Tế sẽ hét vào các đệ tử để trao cho họ kinh nghiệm đầu tiên về việc ở trung tâm. Bạn vừa là chu vi vừa là trung tâm vòng tròn. Bạn sống trên chu vi, tiếng hét đẩy bạn vào trung tâm.

Khi bạn trải nghiệm việc ở trung tâm, bạn đột nhiên thấy cả thế giới thay đổi. Cặp mắt bạn không còn như cũ, sự rõ ràng và trong suốt của bạn là tuyệt đối. Bạn thấy những chiếc lá xanh trước kia nay xanh hơn, những bông hồng trước kia nay hồng hơn, cuộc

sống trước kia nay là một ngày hội, một nghi lễ. Bạn muốn nhảy múa.

Thế rồi các đệ tử học được rằng tiếng hét có thể giúp họ đạt đến chính trung tâm của mình. Thật là một cảnh lạ lùng khi Lâm Tế bắt đầu nhận đệ tử ở gần dòng sông. Các đệ tử sẽ bị hét và thung lũng sẽ vọng lại những tiếng hét.

Bạn có thể nói từ cách xa nhiều dặm rằng bạn đang tới gần chỗ Lâm Tế. Nó không chỉ là việc ông ấy đang hét, mà tiếng hét đó là một phương thức ném bạn từ chu vi vào trung tâm.

Nhiều nhà huyền môn khắp thế giới đã sử dụng âm thanh, nhưng thường theo một cách bề mặt. Lâm Tế sử dụng tiếng hét theo một cách sâu xa vô cùng. Tiếng hét của ông sẽ trở thành một lưỡi gươm đâm vào trong bạn, xuyên tới tận chính trung tâm.

Một ví dụ khác là kĩ thuật xoay tròn của Jalaluddin Rumi[1] để tìm ra trung tâm. Nếu bạn xoay trong nhiều giờ, bạn sẽ từ từ nhận thấy có điều gì đó ở chính trung tâm hoàn toàn không chuyển động, và đó là bạn. Thân thể bạn xoay nhưng ý thức của bạn là một cột trụ ánh sáng.

Rumi đạt tới chứng ngộ lần đầu tiên bằng cách xoay tròn 36 giờ

không ngừng. Mọi người nghĩ ông bị điên. Thậm chí ngày nay, một nhóm nhỏ môn đồ của ông vẫn tiếp tục. Họ được gọi là những giáo sĩ xoay tròn. Nhưng mấu chốt vẫn giống như thế: Xoay tròn, thân thể bạn trở thành cơn lốc, và việc bạn chứng kiến bản thân mình trở thành trung tâm. Mọi thứ chuyển động xung quanh bạn, nhưng trung tâm vẫn bất động. Biết được trung tâm bất động này là biết được then chốt của tất cả những điều huyền bí trong cuộc sống.

---

[1] *Nhà thần học, nhà thơ vĩ đại của Sufi giáo, một nhánh của Hồi giáo.*

Lâm Tế không biết Rumi, Rumi cũng không biết Lâm Tế, nhưng cả hai có cùng một chiến lược – làm thế nào để đạt tới trung tâm. Khi ý thức của bạn trở nên sâu hơn, khi việc đi đến trung tâm trở thành một điều dễ dàng giống như bạn đi từ nhà ra ngoài và ngược lại, thì bạn đã trở thành một vị Phật.

Rồi từ từ, chậm rãi, trung tâm của bạn bắt đầu thay đổi chu vi của bạn. Trước hết, bạn sẽ không thể hung tợn; sau đó, bạn sẽ không thể phá hoại; rồi bạn sẽ là tình yêu. Không phải bạn yêu mà bạn là tình yêu. Rồi bạn là im lặng, rồi bạn là chân lí, tất cả những gì già cỗi trong bạn đã biến mất. Đó là chu vi của bạn, đó là cơn lốc, và giờ nó đi rồi. Giờ đây chỉ trung tâm còn lại.

Lâm Tế nói:

"Nếu bạn không bị níu giữ bởi những thứ bên ngoài, bạn sẽ được thảnh thơi và độc lập.

Sau khi vị sơn tăng này nói rằng không có pháp ở bên ngoài, các môn sinh không hiểu điều này lập tức tạo ra sự diễn giải bên trong mình. Họ bèn ngồi quay mặt vào tường, lưỡi chạm vòm miệng, ở trong tư thế bất động và xem đây là Phật pháp của các tổ.

Lỗi lầm to lớn nhất là bạn lấy sự bất động làm trạng thái đúng, bạn sẽ ngộ nhận bóng tối là thầy của bạn. Đây là điều người xưa ngụ ý khi nói: 'Trong bóng tối đen đặc, một vực thẳm trở nên vô cùng kinh khiếp.'

Nếu bạn lấy trạng thái chuyển động làm trạng thái đúng thì tất cả cây cối và rơm rạ có thể chuyển động. Chúng có phải là Đạo không? Bởi vậy, cái chuyển động là nguyên tố gió và cái bất động là nguyên tố đất. Cả cái chuyển động và cái bất động không có bản chất của riêng chúng. Nếu bạn muốn bắt nó trong cái chuyển động, nó sẽ đi tới cái bất động; và nếu bạn muốn bắt nó trong cái bất động, nó sẽ đi tới cái chuyển động.

Chuyển động và bất động là hai kiểu trạng thái, nhưng người có Đạo có thể sử dụng cả hai."

Một trong những nền tảng của Thiền khiến cho nó thành một tôn giáo có một không hai, không giống những tôn giáo khác trên thế giới, là nó không muốn loại trừ bất cứ điều gì khỏi cuộc sống của bạn. Cuộc sống của bạn phải bao gồm tất cả; nó phải bao hàm tất cả các vì sao, bầu trời và mặt đất. Thiền không phải con đường từ bỏ thế giới.

Mọi người được dạy ngồi im lặng, lưỡi chạm vào vòm miệng, để ngay cả trong miệng, họ cũng không thể tạo ra chuyển động nào của lưỡi, và cả thân thể phải giống như một bức tượng – chỉ thế thì bạn mới có thể nhận ra chân lí.

Nhưng nó chỉ là một nửa chân lý, và một nửa chân lý còn nguy hiểm hơn dối trá hoàn toàn; ít nhất dối trá còn trọn vẹn.

Cuộc sống là cả nghỉ ngơi và vận động.

Nếu bạn đi đến Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật chứng ngộ, bạn sẽ thấy có một ngôi chùa tưởng niệm sự chứng ngộ của ông, nằm bên cạnh cái cây nơi ông từng ngồi và thiền định. Đó là thói quen của ông: Ông sẽ ngồi dưới gốc cây và thiền định trong một giờ đồng hồ, rồi ông sẽ đi dạo bên cái cây trong một giờ. Thậm chí những nơi ông đã đi được đánh dấu bằng những hòn đá và tạo ra một con đường nhỏ.

Việc ông dành một giờ để đi dạo và một giờ để thiền định cho thấy rất rõ rằng cuộc sống, nếu bất động, sẽ chết. Và cuộc sống, nếu không có nghỉ ngơi, cũng sẽ kết thúc rất sớm.

Cuộc sống là sự cân bằng giữa nghỉ ngơi và vận động. Khi nghỉ ngơi và vận động đạt tới sự hài hòa, bạn đi tới chính trung tâm của cuộc sống, thứ luôn luôn ở cùng bạn cho dù bạn đang ngồi hay vận động, cho dù bạn thức hay ngủ. Sự tồn tại của nó là tuyệt đối chắc chắn, nhưng không thể khám phá ra nó bằng cách đọc kinh. Bạn phải trải nghiệm nó, sau đó bạn có thể làm bất cứ điều gì. Sau đó bạn sẽ không gặp vấn đề gì, bởi vì dù bạn làm gì thì bạn cũng sẽ xuất phát từ Phật tính.

Thiền định mà Đức Phật mang lại cho thế giới có lẽ là một trong những thứ trọng đại nhất. Có nhiều pháp thiền, nhiều cách để bước vào trong chính mình, nhưng cách của Đức Phật thì sắc bén, như một lưỡi gươm – nó cắt mọi thứ cản đường. Thậm chí trong một tích tắc, bạn có thể đạt tới định mệnh tối thượng của mình.

Nhưng để được như thế, Lâm Tế nói: *"Gặp Phật giết Phật..."* Ông không có ý nói Đức Phật thật sự, bởi vì bây giờ bạn sẽ gặp Đức Phật ở đâu? Ngay cả khi Lâm Tế còn sống, Đức Phật cũng đã tịch diệt gần 14 thế kỉ. Vậy ý nghĩa là gì?

"Gặp Phật giết Phật..."

Nó là một tiến trình thiền định. Khi bạn đi sâu hơn vào bản thân mình, bạn chắc chắn sẽ gặp những hình tượng rất gần gũi với trái tim bạn. Nếu bạn đã yêu Đức Phật, bạn sẽ gặp Đức Phật trước khi bạn gặp chính mình. Nó chỉ là một hình ảnh, nhưng trong sự im lặng của trái tim, hình ảnh đó sẽ rực rỡ đến nỗi có khả năng bạn ngồi xuống bên lề đường cùng hình ảnh đó mà quên mất đây không phải đích đến.

Nó là một tiến trình tâm lí bên trong, giúp cho bạn tự do. Chẳng có gì để làm với thế giới bên ngoài, chính thế giới bên trong mới là nơi những hình ảnh liên tục tập hợp. Và trừ phi tất cả những hình ảnh này được giải tán, nếu không thì bạn không thể thấy chính mình. Chúng đang ngăn cản tri giác của bạn. Mô tả về thiền định Phật giáo của Lâm Tế thật xuất sắc.

"Và nếu bạn không bị níu giữ bởi những thứ bên ngoài, bạn sẽ được thảnh thơi và độc lập."

Giờ đây bạn đã phá hủy tất cả những hình ảnh, giấc mơ, luyến ái. Bạn đã làm cho con đường thông suốt, nhưng có thể vẫn bị trói buộc vào những thứ bên ngoài. Bạn có thể đã sẵn sàng giết chết hình ảnh cha mẹ mình và thoát khỏi nó, nhưng còn dục vọng quyền lực trong thế giới, dục vọng là người giàu nhất thế gian? Một ngàn lẻ một dục vọng bủa vây bạn ở thế giới bên ngoài. Bước thứ hai dễ hơn. Lâm Tế bắt đầu với điều khó nhất bởi vì ông biết nếu bạn có thể làm điều khó nhất, bạn có thể làm điều dễ hơn chẳng khó khăn gì.

"Sau khi vị sơn tăng này nói rằng không có pháp ở bên ngoài, các môn sinh không hiểu điều này lập tức tạo ra sự diễn giải bên trong mình."

Rất dễ hiểu nhầm bậc thầy. Trên thực tế, hiểu nhầm bậc thầy dễ hơn hiểu nhầm bất cứ ai khác, bởi vì ông ấy đang nói một ngôn ngữ mới, đưa những ý nghĩa mới vào ngôn từ, nói về những không gian mà bạn chưa bao giờ đến. Việc ngộ nhận, hiểu nhầm là chuyện bình thường ở con người.

Ông nói: *"Sau khi vị sơn tăng này nói rằng không có pháp ở bên ngoài..."* Không có tôn giáo ở bên ngoài. Đi đến đền chùa hay nhà

thờ hay giáo đường, đọc kinh hay những cuốn sách cổ – tất cả những việc này đều ở bên ngoài và không có pháp ở bên ngoài. Chúng là những bộ xương chết, những tàn dư của ai đó đã đạt tới, nhưng giờ đây việc giải mã kinh sách quá khó. Người ấy không còn ở đây – chỉ còn bộ xương của người ấy, không nói được, không giải thích được, không thể giúp bạn theo bất kì cách nào.

Bạn có thể tiếp tục đem theo kinh sách, nhưng những kinh sách đó sẽ là sự diễn dịch của bạn chứ không phải ý nghĩa của các bậc thầy.

Bạn có thể đi tới đền chùa bên ngoài, nhưng bạn đang làm gì? Bạn đi tới những đền chùa nhân tạo chứa đầy những vị thần nhân tạo, và thờ phụng những vị thần bằng đá đó. Và không phải chỉ mình bạn, gần như cả thế giới đang thờ phụng thứ gì đó hay ai đó như một vị thần. Nhưng theo cách này thì bạn không thể tìm thấy tinh túy của pháp. Thật là một tình cảnh rất ngược đời, lộn xộn và lầm lạc khi con người bắt đầu thờ phụng những vị thần mà họ tự mình tạo ra.

Bạn phải biết nguồn cội cuộc sống – nguồn cội mà từ đó bạn vươn ra, giống như những bông hoa hồng vươn ra. Vấn đề không nằm ở việc cầu nguyện, vấn đề nằm ở việc thám hiểm mãnh liệt bên trong để tìm ra gốc rễ của bạn. Bạn sẽ ngạc nhiên: Gốc rễ của bạn là gốc rễ của mặt trăng, mặt trời và các vì sao – của toàn bộ hiện hữu.

Bạn chỉ là một nhánh nhỏ của cái cây bao la. Một khi bạn biết nó thì không còn nỗi sợ cái chết nữa. Bạn không thể chết – bạn thuộc về sự bất tử. Không còn dục vọng nữa. Bạn còn có thể có thêm điều gì? Bạn có cả vũ trụ trong tay mình. Bạn đã là mọi thứ bạn có thể mơ ước, khao khát, đòi hỏi. Sự mãn nguyện lớn lao đột nhiên đến với bạn. Trong sự mãn nguyện này là tất cả những phẩm chất của phúc lạc, của cực lạc, của điệu vũ không ngừng, của hội hè, của lễ nghi.

Lâm Tế nói: "Nhưng ta có thể bị hiểu nhầm. Khi ta nói không có pháp ở bên ngoài, mọi người có lẽ sẽ *ngồi quay mặt vào tường, lưỡi chạm vào vòm miệng, ở tư thế bất động và xem đây là Phật pháp của các tổ.*"

Cứ ngồi đi... bạn có thể tiếp tục ngồi bao lâu? Khi bạn đứng lên, Bồ Đề Đạt Ma hay Đức Phật hay Lâm Tế sẽ nói: "Chuyện gì đã xảy ra với vị Phật?" Đức Phật đang ngồi; hình dạng kinh nghiệm của bạn về Đức Phật là ngồi, nhưng khi bạn đứng, nó sẽ biến mất. Khi bước

đi, bạn sẽ bước ra khỏi việc ngồi.

Lâm Tế đang cố gắng nói mọi thứ bằng những thuật ngữ đơn giản, và ông phải rất đơn giản bởi vì ông là người đã mang Thiền từ Trung Hoa tới Nhật Bản. Ông đang nói cho những người hoàn toàn không quan tâm, chưa bao giờ nghe về hành thiền.

"Lỗi lầm to lớn nhất là bạn lấy sự bất động làm trạng thái đúng, bạn sẽ ngộ nhận bóng tối là thầy của bạn."

Bất động chỉ là giai đoạn nghỉ ngơi. Tồn tại là sự vận động, vận động không ngừng. Đúng, có những khoảnh khắc nghỉ ngơi, nhưng nếu bạn chọn những khoảnh khắc nghỉ ngơi là toàn bộ chân lí thì bạn đang chấp nhận bóng tối là thầy của bạn. Bạn đang cắt sự sống làm đôi: bóng tối và ánh sáng. Bạn đã bao giờ quan sát điều này chưa? Bóng tối thì ổn định. Nó không bao giờ đi đâu, nó luôn luôn ở đây. Bạn mang ánh sáng đến và bạn không thể thấy bóng tối. Bạn lấy ánh sáng đi và bóng tối ở đó sẵn rồi. Nó không tới bằng cách chạy từ ngoài phố vào; nó không bao giờ trễ, dù chỉ một chốc lát. Nếu nó đã ra ngoài đi dạo buổi tối, hoặc ngắm nghía xem thế giới xung quanh xảy ra chuyện gì, thì sẽ có một khoảng trống. Khi bạn lấy ánh sáng đi, bóng tối sẽ vẫn chưa ở đó. Nhưng không bao giờ có khoảng trống. Lí do là bóng tối luôn luôn ở đây ngay cả khi ánh sáng ở đây, chỉ bởi vì có ánh sáng nên bạn không thể thấy bóng tối. Ngay cả trong sự vận động, hành động, cử chỉ của một vị Phật cũng có sự nghỉ ngơi nhất định. Sự nghỉ ngơi đó mang đến một vẻ duyên dáng cho nó, mang đến một vẻ đẹp cho nó.

Lâm Tế nói: *"Đây là điều người xưa ngụ ý khi nói: 'Trong bóng tối đen đặc thì một vực thẳm trở nên vô cùng kinh khiếp.'"*

Thiền định không có nghĩa là phân chia cuộc sống và sự tồn tại của bạn thành hai phần rồi lựa chọn một, cái bên trong. Thiền định hoàn hảo bao gồm tất cả. Nó chuyển hóa bạn, và với sự chuyển hóa ấy, cái nhìn của bạn được chuyển hóa, nhưng không có gì bị loại trừ.

"Nếu bạn lấy trạng thái chuyển động làm trạng thái đúng, tất cả cây cối và rơm rạ có thể chuyển động. Chúng có phải là Đạo không? Bởi vậy, cái chuyển động là nguyên tố gió và cái bất động là nguyên tố đất. Cả cái chuyển động và cái bất động không có bản chất của riêng chúng. Nếu bạn muốn bắt nó trong chuyển động, nó sẽ đi tới cái bất động..."

Chúng không ngừng đổi chỗ: Ngày trở thành đêm, đêm trở thành

ngày; sự sống trở thành cái chết, cái chết trở thành sự sống. Đừng nắm lấy cái gì. Nó sẽ ngay lập tức chuyển sang cái gì đó khác.

Cái chuyển động và cái bất động, cả hai nằm trong tay bạn. Bạn là người quan sát, không chuyển động cũng không bất động.

Bạn chỉ hiện hữu.

Bạn chưa bao giờ di chuyển, cho nên vấn đề bất động không nảy sinh. Vấn đề chuyển động hay bất động không liên quan đến ý thức chứng kiến của bạn. Ý thức chứng kiến của bạn mang tính hiện sinh. Nó ở đây. Nếu thiền định không mang bạn tới trạng thái chứng kiến này, nó là thiền định sai. Nếu nó mang bạn đến bất cứ vị thần nào, bạn đang lừa phỉnh chính mình; bạn đang mơ. Nếu nó mang bạn tới Chúa, thế thì... Lạy Chúa! Lâm Tế đang nói rằng nếu bạn gặp Chúa Jesus, hãy cho ông ta một cây thánh giá nữa ngay lập tức! "Đó là việc của bạn, còn việc gì khác bạn đang làm ở đây nữa?" Ngay cả Đức Phật còn không tha – và tất cả bọn họ đều là đệ tử của Đức Phật.

Nếu bạn gặp Đức Phật trên đường, hãy lấy đầu ông ấy ngay lập tức. Không gì quan trọng hơn sự chứng kiến bên trong của riêng bạn. Đó chính là chất liệu làm ra vũ trụ.

Phần năm
NHỮNG BÔNG HOA BỪNG NỞ

Có thể sử dụng bất cứ thứ gì để tìm ra chân lí. Thậm chí một chiến binh có thể sử dụng thanh gươm của mình khi đang chiến đấu với một chiến binh khác, anh ta không cần phải ngồi thiền.

ĐÓNG GÓP CỦA NHẬT BẢN CHO THIỀN

Thiền đã sinh ra nhiều thứ. Không có xu hướng tôn giáo nào trên thế giới sáng tạo đến thế, hữu ích đến thế. Nó đã tạo ra nghệ thuật với một phẩm chất riêng, nó tạo ra thi ca, nó tạo ra văn học, nó tạo ra kịch nghệ, nó tạo ra điêu khắc. Trên bất cứ cái gì nó tạo ra, nó đều để lại dấu ấn không thể nhầm lẫn của tính thiền định; nó biến mọi thứ thành thiền định, kể cả những thứ mà thậm chí chẳng ai nghĩ có thể kết hợp với thiền định.

Thiền ra đời ở Ấn Độ trong tiếng cười ngớ ngẩn của Ma Ha Ca Diếp, một đệ tử thân cận của Đức Phật. Ông có nhiều đệ tử còn thân cận hơn Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Diếp được đề cập duy nhất một lần và lần đề cập đó là khi ông ấy cười.

Đây là lần duy nhất Ma Ha Ca Diếp được đề cập trong toàn bộ kinh điển Phật giáo. Đây là một kho tàng văn chương khổng lồ, và trong nhiều thế kỉ, 25 thế kỉ, con người đã đặt câu hỏi:

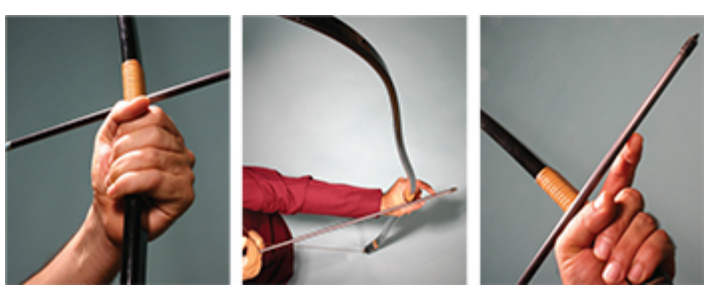

"Tại sao Ma Ha Ca Diếp lại cười? Và tại sao tiếng cười của ông được chấp nhận? Không chỉ được chấp nhận mà còn được nâng lên tới điểm cao nhất của sự truyền đạt." Điều gì đó đã xảy ra khi Đức Phật im lặng trao hoa cho Ma Ha Ca Diếp. Thiền trở thành một dòng chảy mới, chảy từ Đức Phật tới Ma Ha Ca Diếp.

Cái tên vĩ đại tiếp theo là Bồ Đề Đạt Ma. Sư phụ ông bảo ông đi tới Trung Hoa, không phải để cải đạo Trung Hoa sang Phật giáo... "Nhưng ở Trung Hoa đã có sẵn một hương thơm tồn tại, hương thơm do Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử tạo ra. Chân lí không phải độc quyền của ai. Sẽ rất tốt nếu con đem kho báu mà Ma Ha Ca Diếp đã truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác tới Trung Hoa. Và hãy để hai dòng huyền môn đẹp đẽ này gặp gỡ nhau." Giống như việc những đứa con lai thường mạnh mẽ hơn, điều này cũng xảy ra khi hai dòng tư tưởng, hay đúng hơn là phi tư tưởng, gặp gỡ, hợp nhất. Điều gì đó mới mẻ, sâu sắc hơn cả hai, vĩ đại hơn cả hai đã nảy sinh.

Bồ Đề Đạt Ma mất ba năm để tới Trung Hoa. Ông đi đến Trung Hoa và sự lai giống xảy ra. Thiền trong Phật giáo thậm chí được làm cho đơn giản hơn để người Trung Hoa có thể hiểu và sử dụng nó. Nó hưng thịnh ở Trung Hoa, và nhiều bậc thầy vĩ đại bước ra từ kinh nghiệm huyền môn này. Từ Trung Hoa, nó được đem qua Nhật Bản. Lại một cuộc lai giống mới... Và ở Nhật Bản, nó được biểu lộ trong nhiều chiều hướng.

Có hai con đường để một nhân cách biến mất: một chúng ta gọi là "trụ vững" và một chúng ta gọi là "định tâm".

Ma Ha Ca Diếp và Bồ Đề Đạt Ma sử dụng định tâm: đi vào bên trong, đến một điểm không có gì khác ngoài hiện hữu thuần khiết, không có người. Cách tiếp cận này trở nên đẹp đẽ hơn với di sản vĩ đại của Trang Tử, Liệt Tử và Lão Tử.

Họ cũng là những người dùng định tâm. Họ thám hiểm nội tâm để tìm chính mình, và điều họ tìm thấy là sự vắng mặt tuyệt đối của con người – ngay cả người tìm kiếm cũng biến mất. Từ trạng thái đó không có cái được tìm kiếm lẫn người tìm kiếm, chỉ có sự

im lặng tuyệt đối, sống động, tràn đầy âm nhạc của riêng nó, tràn đầy vũ điệu của riêng nó. Nhìn thấy điều này, Ma Ha Ca Diếp đã cười – "Đức Phật liên tục bảo mọi người: 'Hãy tìm kiếm bản thân mình' và ông đang lừa gạt họ." Đây là một phát biểu hoàn toàn chính đáng: "Hãy tìm kiếm bản thân mình".

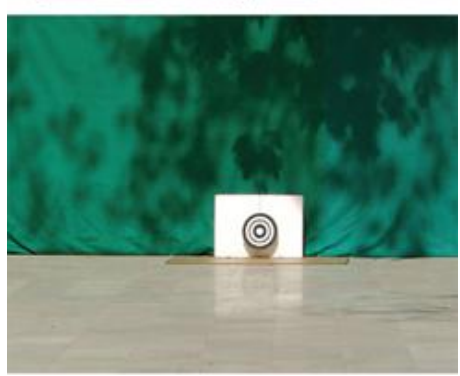

Nhưng Ma Ha Ca Diếp biết rằng khi bạn tìm thấy bản thân mình, bạn không còn đó nữa! Nó là một tình huống kì lạ; ngoại trừ tiếng cười, không gì có thể diễn đạt nó.

Có một định nghĩa cổ về triết gia như sau: Trong một đêm tối trời, trong một ngôi nhà tối tăm không có ánh sáng – và thêm nữa, triết gia bị mù – ông ta đang tìm một con mèo đen không có ở đó. Nhưng cuộc tìm kiếm cứ tiếp diễn. Nếu đột nhiên ánh sáng tới, đôi mắt ông ta được chữa lành và ông ta nghĩ về tất cả những rắc rối ông ta đã nhận lấy để tìm con mèo vốn không tồn tại, thì còn gì khác để làm ngoại trừ cười chính mình?

Kẻ ngốc cười người khác. Người trí huệ cười chính mình.

Ở Nhật Bản, sự lai giống đã có một biểu lộ khác thường. Thiền đã đi xa khỏi khởi đầu của nó trong tiếng cười của Ma Ha Ca Diếp – một hành trình dài. Trên hành trình ấy, nó thu thập nhiều biểu lộ mới, nhiều khám phá mới, nhiều phương thức mới. Ở Nhật Bản, cuối cùng nó trở thành đỉnh cao. Đỉnh cao là có thể sử dụng bất cứ thứ gì để tìm ra chân lí. Thậm chí một chiến binh có thể sử dụng thanh gươm của mình khi đang chiến đấu với một chiến binh khác, anh ta không cần phải ngồi thiền. Cung thủ có thể tìm thấy nó trong thuật bắn cung của mình, họa sĩ có thể tìm thấy nó trong hội họa của mình, nhà điêu khắc có thể tìm thấy nó trong thuật điêu khắc của mình.

Điều ở Ấn Độ chỉ là thiền định thuần túy đã lớn lên ở Nhật Bản và phát triển thành nhiều nhánh. Người Ấn không thể tưởng tượng nổi làm sao một chiến binh, một đấu sĩ cầm kiếm, lại có thể thiền định, hoặc làm sao bắn cung có thể là một phương thức thiền định, bởi vì người Ấn chưa bao giờ thử. Thiền cần tiếng cười của Ma Ha Ca Diếp để du hành từ Ấn Độ sang Trung Hoa và từ Trung Hoa sang Nhật Bản. Trong chuyến du hành dài một ngàn năm này, nó thu thập được nhiều tri kiến.

Giáo sư người Đức, Herrigel[1], đọc về Thiền và không thể tin được làm thế nào nghệ thuật bắn cung có thể là một dạng thiền định. Có vẻ như chẳng có mối quan hệ nào. Đức Phật ngồi thiền trong tư thế hoa sen, điều đó dường như hoàn hảo. Nhưng để mường tượng ra một cung thủ hay một kiếm thủ, người đang nỗ lực giết kẻ khác, thiền định thì...?

Herrigel đi đến Nhật Bản. Ông ở Nhật Bản trong ba năm[2], và tại đó ông tìm ra bí mật. Ông học bắn cung. Tự bản thân ông đã trở thành một cung thủ, một cung thủ bậc thầy, bắn bách phát bách trúng. Nhưng vị Thiền sư dạy ông nói: "Mấu chốt không nằm ở đây. Mấu chốt không nằm ở mục tiêu, mấu chốt nằm ở bên trong ông. Ông đã trụ vững chưa?"

[1] *Eugen Herrigel là triết gia người Đức. Ông từng sống ở Nhật và học Thiền thông qua nghệ thuật bắn cung dưới sự chỉ dạy của bậc thầy về Thiền và bắn cung Awa Kenzo. Ông là tác giả cuốn Thiền trong nghệ thuật bắn cung.*

[2] *Theo một số nguồn thông tin và tư liệu thì Herrigel sống ở Nhật từ năm 1924 đến năm 1929, chứ không phải ba năm.*

Ông nói: "Ở phương Tây, chúng tôi đã thực hành bắn cung hàng trăm năm và chưa ai nghĩ đến trụ vững. Trụ vững là gì?"

Thiền sư nói: "Trụ vững nghĩa là ông gần như trở thành một phần của đất và cho phép trọng lực chảy vào trong ông, tràn ngập ông – đặc biệt là bên dưới rốn, cụ thể là dưới hai tấc. Trọng lực tới từ khắp mọi nơi, và định cư hai tấc bên dưới rốn ông."

Herrigel hỏi: "Nhưng điều này thì có liên quan gì tới bắn cung? Tôi phải tập trung vào mục tiêu." Thiền sư đáp: "Quên mục tiêu đi, trước hết hãy trụ vững. Và khi ông bắn tên, hãy thư giãn, để cho trọng lực bắn nó chứ không phải ông."

Ông ấy nói: "Những lời thầy đang nói thật kì lạ. Tôi sẽ phải bắn. Làm sao trọng lực bắn mũi tên được?"

Trong ba năm, Herrigel chưa bao giờ trượt phát nào; ông đã là một cung thủ bậc thầy. Nhưng sư phụ của ông nói: "Không, ông vẫn trượt. Ta không quan sát mục tiêu của ông – ai quan tâm đến mục tiêu của ông chứ? Ta đang quan sát ông, ông là mục tiêu."

Tại sao lại hai tấc dưới rốn? Đó là trung tâm của sự sống. Chính từ đó mà bạn được kết nối với mẹ bạn. Chính từ đó mà trong chín tháng ròng bạn được cung cấp mọi thứ bạn cần, và bạn chẳng phải làm gì hết – bạn chỉ thư giãn.

Trụ vững nghĩa là cho trung tâm sự sống này ở bên trong bạn kết nối với lực hấp dẫn, để cho lực hấp dẫn bắt đầu lấp đầy nó. Và sẽ đến một khoảnh khắc bạn không bắn vào mục tiêu. Chắc chắn là bạn ngắm, nhưng cứ như thể mũi tên tự bắn đi. Lực hấp dẫn là đủ để đem nó tới mục tiêu.

Ba năm sau, cuối cùng Herrigel từ bỏ. Ông nói: "Thầy làm tôi phát điên. Tôi đã suy nghĩ ngày đêm về việc phải làm như thế nào." Và Thiền sư nói: "Đó là điều ta đã luôn bảo ông! Đừng nghĩ về việc phải làm thế nào, cứ để nó xảy ra thôi. Chỉ cần có đủ năng lượng thì nó sẽ xảy ra."

Cuối cùng Herrigel quyết định quay về. Ba năm là đủ, và thậm chí không một lần nào Thiền sư nói: "Tốt lắm." Ông ấy luôn luôn nói: "Ông lại trượt rồi." Ngày nào Herrigel cũng tới và ngày nào ông cũng thất bại. Ông bảo sư phụ: "Tôi xin lỗi, nhưng tôi không thể nắm được mấu chốt vấn đề. Ngày mai tôi rời đi. Tôi sẽ đến để từ biệt thầy."

Hôm sau ông đến, Thiền sư đang dạy những đệ tử khác và Herrigel chỉ ngồi trên băng ghế quan sát, bởi vì nó không còn là việc của ông nữa; ông đã chấm dứt với nó. Nếu ông đã không thể nắm bắt được nó trong ba năm thì ông không thể nắm bắt được nó trong ba kiếp. Điều sư phụ đang nói vượt khỏi mọi logic.

Cho nên ông ngồi thư giãn, quan sát – quan sát sư phụ bởi vì sư phụ đang dạy cho đệ tử mới. Và đột nhiên ông nhìn ra mấu chốt. Bậc thầy rất thư giãn, không phải tay thầy đang bắn tên; rõ ràng là một lực bên trong nào đó đã làm. Ông đột nhiên đứng dậy, đi tới chỗ sư phụ, cầm lấy cung tên và bắn tên đi.

Lần đầu tiên sư phụ nói: "Ta có thể chứng nhận – ông đã đạt được. Ông đã luôn cố gắng bằng trí óc của mình, luôn căng thẳng. Hôm nay thật tình cờ – ông ngồi thư giãn, nó không phải việc của ông, ông đã chấm dứt với nó... Và bởi vì ông đã chấm dứt với nó, đôi mắt ông rõ ràng, trái tim ông im lặng. Ông đã quan sát trong bình an và im lặng sâu thẳm, và ông đã có thể thấy. Trong ba năm ta đã cố gắng chỉ cho ông thấy nhưng không được bởi vì ông vội vàng học cho nhanh để quay về Đức. Chỉ bây giờ không có vội vàng – ông đã quyết định quay về Đức rồi.

Ta có thể chứng nhận rằng ông đã đạt được không chỉ nghệ thuật bắn cung, mà đồng thời cả nghệ thuật trụ vững."

Khoảnh khắc bạn trụ vững, giống như cây cối trụ vững – rễ bắt sâu vào đất – khi thân thể bạn nhận lực từ đất và bạn buông thả, sẵn sàng, cho phép chúng lấp đầy trung tâm sự sống của bạn, thì tâm trí thôi vận hành, thời gian ngừng lại. Bên cạnh đó, thiền định xảy ra. Mọi người trên khắp thế giới đã lấy làm lạ: "Thiền định thì liên quan gì tới bắn cung?" Nhưng nó xảy ra. Nó có thể xảy ra với bất cứ cái gì. Mấu chốt là tâm trí dừng lại, thời gian ngừng lại, bạn thư giãn và cho phép sự sống chiếm hữu bạn.

Tôi luôn thích câu chuyện về một vị vua đi qua một ngôi làng. Ông thích bắn cung, bản thân ông là một cung thủ bậc thầy. Ông không thể tin rằng ở ngôi làng nhỏ đó có người là cung thủ vĩ đại hơn mình. Ông không bắn bách phát bách trúng, có lần ông đã

bắn trượt. Nhưng ở đây ông nhìn thấy những vòng tròn trên cây và một mũi tên ở chính giữa vòng tròn – cây nào cũng thế.

Ông nói: "Điều này... thậm chí cung thủ giỏi nhất cũng không thể làm được. Nó quá hoàn hảo. Ta muốn gặp người này." Thế là ông gọi mọi người và hỏi: "Cung thủ đó là ai?" Tất cả họ đều cười. Họ nói: "Bệ hạ quên anh ta đi. Anh ta là tên ngốc trong làng."

Ông nói: "Các ngươi chẳng hiểu gì. Mang anh ta đến đây. Thuật bắn cung của anh ta là hoàn hảo."

Dân làng nói: "Bệ hạ chưa hiểu thuật bắn cung của anh ta. Đầu tiên anh ta bắn mũi tên rồi sau đó vẽ một vòng tròn quanh nó. Hiển nhiên, anh ta hoàn hảo, luôn luôn hoàn hảo. Chúng tôi đã bảo anh ta: 'Không phải thế đâu. Đầu tiên anh phải vẽ vòng tròn trên cây rồi mới bắn. Như vậy thì có thể bắn trượt. Còn cách này quá đơn giản, anh không bao giờ trượt.'"

Nhật Bản là một chủng tộc chiến binh, cho nên một cách tự nhiên, khi Thiền đến Nhật Bản, nó kết giao với tất cả các loại kiếm đạo, nghệ thuật bắn cung và những thứ khác. Nhưng chúng giữ được tinh túy của Thiền ở trong. Thậm chí Ma Ha Ca Diếp sẽ không thành công trong bắn cung, nhưng điều đó không có nghĩa rằng ông không phải người khởi thủy.

Tôi nghĩ Đức Phật cũng khó có thể vượt qua bài kiểm tra Aikido. Ông chắc chắn sẽ trượt. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng Aikido chỉ là tiếng vọng xa xôi đến từ kinh nghiệm của Đức Phật về bản thể của mình. Không có mâu thuẫn nào cả.

Hãy nhớ một điều: Dù bạn đang làm gì – khi đang bổ củi, bạn cũng có thể là một thiền nhân; khi đang đem nước từ giếng lên, bạn cũng có thể là một thiền nhân – thiền định chỉ đơn giản là một sợi chỉ im lặng bên trong bạn. Bạn làm gì cũng được, và sợi chỉ im lặng đó không nên bị rối. Hãy cẩn thận để luôn nhận biết và rồi bạn có thể làm bất cứ điều gì.

Trong Thiền, và chỉ trong Thiền, mới có một điều vô cùng quan trọng đã xảy ra. Đó là không có bất kì sự phân biệt nào giữa đời sống bình thường và đời sống tôn giáo; thay vào đó, nó bắc cầu cho cả hai. Và Thiền dùng những kĩ năng và phương thức thông thường để thiền định. Đây là một điều có tầm quan trọng to lớn. Bởi vì nếu bạn không sử dụng đời sống bình thường làm một phương thức thiền định, thiền định của bạn chắc chắn trở thành một sự đào thoát.

Ở Ấn Độ, chuyện này đã xảy ra, và Ấn Độ đã phải chịu đựng những hậu quả khủng khiếp. Cảnh khốn khổ mà bạn thấy khắp mọi nơi, sự nghèo đói, sự xấu xí kinh khủng của nó, là do Ấn Độ luôn tin rằng đời sống tôn giáo tách biệt khỏi đời sống bình thường. Cho nên những người quan tâm đến tôn giáo đã từ bỏ thế giới. Những người quan tâm đến Thượng Đế đã nhắm mắt lại, ngồi trong hang động của dãy Himalaya và cố gắng quên đi rằng thế giới tồn tại. Họ cố gắng tạo ra ý niệm thế giới chỉ là ảo tưởng, hão huyền, một giấc mơ. Tất nhiên, vì thế mà cuộc sống trở nên quá tồi tệ.

Nhưng ở Nhật Bản, Thiền đã làm được một vài điều rất đẹp đẽ. Đó là lí do tại sao Nhật là quốc gia duy nhất mà ở đó, phương Đông và phương Tây gặp nhau: Thiền định phương Đông và lí trí phương Tây kết hợp sâu sắc ở Nhật Bản. Thiền đã tạo ra toàn bộ hoàn cảnh ở đó. Ở Ấn Độ, bạn không thể nào mường tượng ra rằng kiếm đạo có thể trở thành một phương thức thiền định, nhưng ở Nhật Bản họ đã làm được. Và khi làm việc ấy, họ đã mang một điều mới mẻ vào ý thức tôn giáo.

Cái gì cũng có thể được cải hóa thành thiền định bởi vì toàn bộ mấu chốt là sự nhận thức. Và đương nhiên, trong kiếm đạo, sự nhận thức cần thiết hơn bất cứ nơi nào khác bởi vì mạng sống bị đe dọa trong mọi khoảnh khắc. Khi chiến đấu với một thanh kiếm, bạn phải không ngừng tỉnh táo – chỉ một khoảnh khắc vô ý thức là bạn sẽ ra đi. Trên thực tế, kiếm sĩ thực sự không vận hành từ tâm trí anh ta, anh ta không thể vận hành từ tâm trí bởi vì tâm trí cần thời gian. Nó nghĩ ngợi, tính toán. Khi bạn chiến đấu với một thanh kiếm thì thời gian ở đâu? Không có thời gian. Nếu bạn bỏ lỡ một tích tắc vào việc suy nghĩ, người kia sẽ không bỏ lỡ cơ hội: Thanh kiếm của anh ta sẽ đâm vào tim bạn hoặc cắt lìa đầu bạn.

Cho nên suy nghĩ là không thể. Con người phải hoạt động từ vô trí, con người phải cứ thế hoạt động thôi, bởi vì có nhiều hiểm nguy đến nỗi bạn không thể tận hưởng việc suy nghĩ. Suy nghĩ cần một cái ghế thoải mái. Bạn thư giãn trên cái ghế thoải mái đó và bắt đầu những chuyến đi của tâm trí.

Nhưng khi bạn đang chiến đấu, mạng sống bị đe dọa, những lưỡi kiếm sáng lên dưới ánh mặt trời, trong bất cứ khoảnh khắc nào, chỉ cần một chút không nhận thức thôi là người kia sẽ không đánh mất cơ hội, bạn sẽ ra đi mãi mãi, không có khoảng không cho ý nghĩ xuất hiện, con người phải hoạt động từ trạng thái không có ý nghĩ. Đó chính là thiền định.

Nếu bạn có thể hoạt động từ trạng thái không có ý nghĩ, nếu bạn có thể hoạt động từ vô trí, nếu bạn có thể hoạt động như một thể thống nhất, không phải từ cái đầu, nếu bạn có thể hoạt động từ trực giác của mình, nó có thể xảy đến với bạn. Một tối bạn đang đi bộ và một con rắn cản đường. Bạn sẽ làm gì? Bạn có ngồi lại mà suy nghĩ không? Không, đột nhiên bạn sẽ nhảy ra chỗ khác. Trên thực tế, bạn không quyết định nhảy, bạn không suy nghĩ một cách logic rằng: "Đây là một con rắn, và ở đâu có rắn ở đó nguy hiểm, do đó, ta nên nhảy." Đó không phải cách nó xảy ra – bạn chỉ nhảy thôi! Hành động là tất cả. Hành động không bị suy nghĩ làm biến chất. Nó xuất phát từ chính cốt lõi bản thể bạn, chứ không xuất phát từ đầu bạn. Tất nhiên, khi bạn đã tránh được nguy hiểm, bạn có thể ngồi lại dưới gốc cây để nghĩ về tất thảy mọi thứ – đó lại là chuyện khác! Khi đó thì bạn có thể tận hưởng.

Nếu ngôi nhà bắt lửa, bạn sẽ làm gì? Bạn có băn khoăn nên đi ra hay không đi ra không –"tồn tại hay không tồn tại"? Bạn có tra cứu một bản kinh xem làm thế có đúng hay không không? Bạn có ngồi im lặng và thiền định về nó không? Bạn chỉ cứ thế thoát khỏi ngôi nhà thôi. Và bạn sẽ chẳng lo lắng về cách cư xử hay phép lịch sự – bạn chỉ nhảy ra khỏi cửa sổ thôi.

Mới hai đêm trước, một cô gái bước vào đây lúc 3 giờ sáng và bắt đầu hét lên ở trong vườn. Asheesh nhảy ra khỏi giường và chạy – chỉ lúc đó anh mới nhận ra mình đang trần truồng. Thế là anh ấy quay lại. Đó là một hành động từ vô trí, không suy nghĩ. Anh ấy chỉ cứ thế nhảy khỏi giường. Suy nghĩ đến sau đó. Suy nghĩ theo sau, tụt lại đằng sau. Anh ấy đã ở trước suy nghĩ. Tất nhiên, nó đã tóm được anh ấy cho nên anh ấy đã bỏ lỡ cơ hội. Lẽ ra nó đã trở thành một *satori* – một thoáng nhìn vào chứng ngộ – nhưng anh ấy quay lại và mặc áo dài vào. Bỏ lỡ mất rồi!

Kiếm đạo trở thành một trong những phương pháp luận căn bản trong Thiền, bởi vì nó nguy hiểm đến nỗi nó không cho phép suy nghĩ. Nó có thể dẫn bạn đến một dạng hoạt động khác, một dạng thực tại khác, một thực tại riêng rẽ. Bạn chỉ biết duy nhất một cách hoạt động: suy nghĩ trước rồi mới hành động. Trong kiếm đạo, một kiểu hiện hữu khác mở ra cho bạn; bạn hành động trước rồi mới suy nghĩ; suy nghĩ không còn là chính yếu.

Điều này vô cùng đẹp – khi suy nghĩ không là chính yếu, bạn không thể phạm lỗi. Bạn hẳn đã nghe câu "Đã là con người thì ai chẳng mắc lỗi lầm". Vâng, đúng thế, đã là con người thì ai chẳng phạm lỗi bởi vì tâm trí con người dễ mắc sai lầm. Nhưng khi bạn hoạt động từ vô trí, bạn không còn là con người; bạn là một phần

của cái toàn thể, và thế thì không có khả năng phạm lỗi. Cái toàn thể không bao giờ phạm lỗi, chỉ có cái bộ phận thôi; chỉ cái bộ phận mới lầm đường lạc lối.

Khi bạn bắt đầu hoạt động từ cái không, với không luận điệu, không suy nghĩ, không kết luận – kết luận của bạn thì bị hạn chế, chúng phụ thuộc vào kinh nghiệm của bạn, và bạn có thể phạm lỗi – khi bạn đặt tất cả kết luận của mình sang một bên, bạn cũng đang đặt tất cả hạn chế của mình sang một bên. Khi đó, bạn hoạt động từ bản thể không giới hạn, và nó không bao giờ phạm lỗi.

Người ta nói rằng đôi khi ở Nhật Bản, hai hành giả Thiền đều đã đạt tới *satori* thông qua kiếm đạo sẽ chiến đấu với nhau. Họ không thể bị đánh bại. Không ai có thể chiến thắng vì cả hai bọn họ không bao giờ phạm lỗi. Trước khi người kia tấn công thì người này đã chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận. Trước khi thanh kiếm của người kia di chuyển để cắt đầu đối phương, anh ta đã chuẩn bị sẵn để bảo vệ bản thân mình, và điều này cũng xảy ra với người kia. Hai hành giả Thiền đã đạt được *satori* có thể tiếp tục chiến đấu nhiều năm, nhưng họ không thể phạm lỗi. Không ai có thể bại trận và không ai có thể chiến thắng.

TRÀ THẤT – MỘT NGHI THỨC THIỀN

Ở Nhật Bản, họ đã phát triển nghi thức trà đạo. Trong mọi Thiền viện và nhà của những ai có khả năng đều có một thất nhỏ để uống trà. Giờ đây, trà không còn là một điều bình thường, trần tục; họ đã chuyển hóa nó thành một lễ hội. Trà thất được làm theo một cách nhất định – trong một khu vườn xinh đẹp, có một cái ao đẹp đẽ, thiên nga bơi trong ao, hoa nở khắp xung quanh... các vị khách tới phải để giày bên ngoài. Nó là một ngôi đền.

Khi bạn bước vào thất, bạn không thể nói; bạn phải để tư tưởng, suy nghĩ và lời nói bên ngoài cùng đôi giày của mình. Bạn ngồi xuống trong tư thế thiền định. Nữ chủ nhân, người phụ nữ pha trà cho bạn, di chuyển thật duyên dáng, như thể cô ấy đang nhảy múa, đặt những chén và đĩa trước mặt bạn như thể bạn là một vị thần. Với sự kính trọng ấy, cô cúi mình, và bạn nhận nó với sự kính trọng tương đương.

Trà được pha trong một chiếc ấm đặc biệt, có khả năng tạo ra những âm thanh đẹp đẽ, âm nhạc của riêng nó. Một phần của trà đạo là trước tiên mọi người nên lắng nghe âm nhạc của trà. Cho nên mọi người im lặng, lắng nghe... chim hót líu lo ngoài vườn, và

trà trong chiếc ấm đang tạo ra bài ca của riêng nó. Một sự bình yên bao trùm tất cả...

Khi trà đã sẵn sàng và được rót vào chén của mỗi người, bạn không uống theo cách mọi người đang làm ở mọi nơi khác. Trước tiên, bạn sẽ ngửi vị thơm của trà. Bạn sẽ nhấm nháp trà như thể nó tới từ cõi cao xa, bạn sẽ chậm rãi – không có gì phải vội cả. Chỉ một điều bình thường – trà suông – nhưng họ đã làm thành một lễ hội tôn giáo đẹp đẽ. Mọi người cảm thấy mình được nuôi dưỡng, khoan khoái sau khi tham dự.

Phần sáu
NHỮNG GIAI THOẠI NGỚ NGẨN

Chân lí không thể chứa đựng trong bất cứ lời nào. Chân lí chỉ có thể được trải nghiệm. Có thể sống theo chân lí, nhưng không có cách nào để nói ra chân lý.

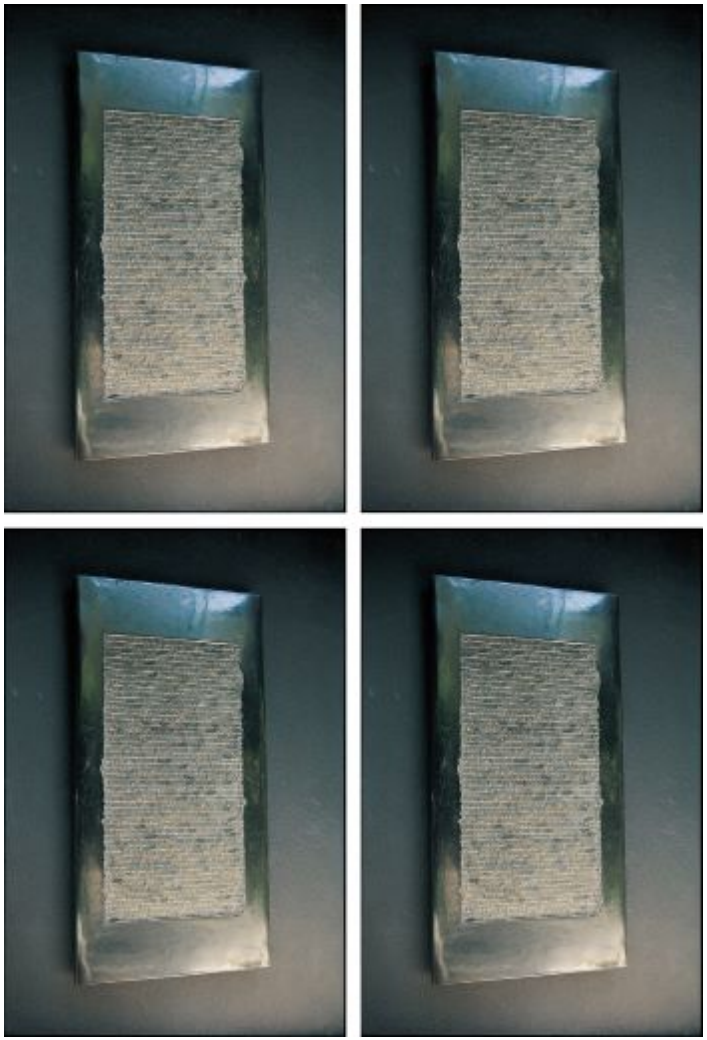

CUỘC SỐNG PHI LOGIC

Thiền là độc nhất vô nhị bởi vì không có tôn giáo nào khác tồn tại dựa trên những giai thoại. Chúng không phải thánh thư, chúng chỉ là những chuyện đã xảy ra. Nó tùy thuộc vào bạn…. Nếu bạn hiểu chúng, chúng có thể mở cặp mắt bạn và trái tim bạn. Những giai thoại nhỏ bé, trong chính sự nhỏ bé của chúng, chỉ như những giọt sương, chứa đựng toàn bộ bí mật của đại dương. Nếu bạn có thể hiểu giọt sương, thì không cần phải hiểu đại dương – bạn đã hiểu nó rồi.

Có lần một môn sinh mới hỏi một Thiền sư: "Thưa thầy, nguyên lí đầu tiên là gì ạ?"

Không chút do dự, Thiền sư đáp: "Nếu mà ta nói cho con thì nó sẽ trở thành nguyên lí thứ hai."

Không thể nói nguyên lí đầu tiên. Không thể nói điều quan trọng nhất, và điều có thể nói được sẽ không phải nguyên lí đầu tiên. Khoảnh khắc chân lí được thốt ra, nó trở thành một lời nói dối; chính việc thốt ra là một sự xuyên tạc.

Cho nên tất cả kinh sách của tất cả tôn giáo đều chứa đựng nguyên lí thứ hai chứ không phải nguyên lí đầu tiên. Chúng chứa đựng lời nói dối chứ không phải chân lí, bởi vì chân lí không thể chứa đựng trong bất cứ lời nào. Chân lí chỉ có thể được trải nghiệm. Chỉ có thể sống theo chân lí, nhưng không có cách nào để nói ra chân lý.

Lời nói là tiếng vọng rất xa xôi của kinh nghiệm thực sự. Nó ở quá xa cái thật đến mức nó còn tệ hơn cái không thật bởi vì nó có thể cho bạn lòng tin sai lầm. Nó có thể cho bạn lời hứa hẹn sai lầm. Bạn có thể tin vào nó, và đó là vấn đề.

Nếu bạn bắt đầu tin tưởng vào giáo lí nào đó, bạn sẽ tiếp tục bỏ lỡ chân lí. Phải biết chân lí bằng kinh nghiệm. Không đức tin nào có

thể giúp bạn trên con đường này, tất cả đức tin là rào cản. Tất cả các tôn giáo đều chống lại tôn giáo – nó phải thế bởi chính bản chất của mọi thứ. Tất cả nhà thờ đều chống lại Thượng Đế. Nhà thờ tồn tại vì chúng thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Nhu cầu đó là con người không muốn nỗ lực chút nào, họ muốn những đường tắt dễ dàng. Đức tin là một đường tắt dễ dàng.

Con đường đến chân lí vô cùng gian khổ, nó là một nhiệm vụ khó khăn. Con người phải chết đi toàn bộ – con người phải phá hủy bản thân mình hoàn toàn, chỉ khi đó người ấy mới tái sinh. Phục sinh chỉ đến sau khi bị đóng đinh vào thập giá.

Để tránh việc đóng đinh câu rút, chúng ta đã tạo ra những đức tin. Đức tin thì rẻ. Bạn có thể tin nhưng nó vẫn nguyên như cũ. Bạn có thể tiếp tục tin, và nó chẳng yêu cầu bất cứ thay đổi căn bản nào trong mẫu hình cuộc sống của bạn. Nó không yêu cầu bất cứ thay đổi nào trong ý thức của bạn, và trừ phi ý thức thay đổi, nếu không đức tin chỉ là món đồ chơi. Bạn có thể chơi với nó, bạn có thể dùng nó để đánh lừa bản thân, nhưng nó sẽ không nuôi dưỡng bạn.

Hãy hình dung một đứa bé đang chơi trong vườn nhà với những con sư tử tưởng tượng, và rồi đột nhiên nó phải đối mặt với một con sư tử thật sống khỏi vườn thú. Bây giờ nó không biết phải làm gì. Nó vô cùng sợ hãi. Nó bị tê liệt, nó thậm chí không thể chạy. Nó hoàn toàn thoải mái với trí tưởng tượng, nhưng với thực tế nó không biết phải làm gì.

Đây là tình huống của tất cả những người đang chơi với đức tin, khái niệm, triết lí, học thuyết. Họ đặt những câu hỏi chỉ để hỏi. Câu trả lời là điều cuối cùng họ quan tâm. Họ không muốn câu trả lời. Họ tiếp tục chơi với những câu hỏi, và mỗi câu trả lời lại giúp họ tạo ra nhiều câu hỏi hơn. Mỗi câu trả lời đều không là gì khác ngoài tấm ván nhảy đến nhiều câu hỏi hơn. Chân lí không phải một câu hỏi. Nó là một cuộc truy lùng! Nó không mang tính trí tuệ, nó mang tính hiện sinh. Cuộc truy lùng này là một canh bạc, canh bạc với cuộc đời. Nó cần sự can đảm phi thường. Đức tin không cần sự can đảm. Đức tin là con đường của kẻ nhát gan. Nếu bạn là một người Thiên Chúa giáo hay Hindu giáo hay Hồi giáo, bạn là kẻ nhát gan. Bạn đang lẩng tránh con sư tử thật, bạn đang trốn chạy khỏi con sư tử thật.

Nếu bạn muốn đối mặt với cái thật thì không cần đi đến nhà thờ nào cả, không cần đi gặp tu sĩ nào cả, bởi vì cái thật bao quanh bạn cả bên trong và bên ngoài. Bạn có thể đối mặt với nó – nó ở sẵn

đây.

Tôi từng nghe:

Một đệ tử hỏi Thiền sư Thủ Sơn[1]: "Theo các kinh sách thì mọi bản thể đều có Phật tính, tại sao họ lại không biết điều đó?"

Thủ Sơn đáp: "Họ biết!"

Đây là một câu trả lời hiếm có, rất hiếm có, một câu trả lời vĩ đại. Thủ Sơn nói: "Họ biết! Nhưng họ đang lảng tránh nó." Mấu chốt không phải là làm sao để biết chân lí. Chân lí ở đây, bạn là một phần của nó. Chân lí là bây giờ, không cần đi đâu hết. Nó đã ở đây ngay từ đầu, nếu có khởi đầu nào đó, và nó sẽ ở đây đến cuối cùng, nếu có kết thúc nào đó. Bạn đang lảng tránh nó. Bạn tìm cách để tránh nó. Khi ai đó hỏi: "Con đường đến chân lí là gì" thì thực ra anh ta đang hỏi: "Con đường để tránh chân lí là gì?" Anh ta đang hỏi: "Làm sao tôi có thể trốn thoát?"

---

[1] *Một thiền sư thuộc tông Lâm Tế.*

Bạn có thể chưa nghe:

Lão già xỏ lá Bồ Đề Đạt Ma nói: "Ai cũng biết con đường, chỉ ít người dám đi, và những người không đi thì luôn khóc lóc: 'Chỉ đường cho tôi! Đường ở đâu? Cho tôi bản đồ! Nó là đường nào?'"

Những người không đi liên tục khóc lóc và gào thét: "Đường ở đâu?" Song ai cũng biết đường bởi vì cuộc sống là con đường, kinh nghiệm là con đường. Sống là con đường, ý thức là con đường. Bạn đang sống, bạn đang ý thức. Đây là nguyên lí đầu tiên. Nhưng không thể nói ra nó, và tôi đang không nói nó! Và bạn đang không nghe nó.

Chân lí về bản chất là một kinh nghiệm câm. Tất cả kinh nghiệm đều câm bởi vì chúng chỉ xảy ra trong im lặng sâu thẳm. Nếu bạn yêu một phụ nữ, tình yêu xảy ra trong im lặng sâu thẳm. Nếu bạn làm thơ, nó đến với bạn trong im lặng sâu thẳm. Nếu bạn vẽ một bức tranh, bạn biến mất. Họa sĩ không hiện hữu khi bức tranh ra đời, thậm chí không có cả người chứng kiến. Nó xảy ra trong im lặng tuyệt đối và đơn độc tuyệt đối. Nếu bạn ở đó thì bức tranh không thể có giá trị nào. Nếu thi sĩ ở đó thì thơ phú sẽ chẳng là gì ngoài một thứ kĩ thuật. Nó sẽ có đầy đủ niêm luật, nó sẽ theo đúng ngữ pháp, âm luật, nhưng sẽ không phải thi ca. Nó sẽ là cái xác

chết.

Chân lí bao quanh bạn. Nó ở trong không khí, ở trong hương thơm của những bông hoa, ở trong dòng chảy của con sông, ở trong những chiếc lá xanh, ở trong những vì sao, ở trong bụi, ở trong bạn. Chỉ có chân lí hiện hữu! Nhưng bạn liên tục lảng tránh nó và đặt ra những câu hỏi. Làm sao để đạt tới chân lí? Bản đồ ở đâu? Đường nào? Và ngay cả khi bạn có bản đồ thì bản đồ cũng không có cách nào giúp được bạn. Ngay từ đầu đã không thể có tấm bản đồ nào cả bởi vì chân lí không ngừng biến đổi. Nó không phải là một hiện tượng tù đọng, nó liên tục biến đổi. Nó đang sống, nó đang thở. Nó không bao giờ giữ nguyên, nó không bao giờ như nhau trong hai khoảnh khắc liền nhau.

Ông già Heraclitus[1] nói: "Bạn không thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông." Trên thực tế, bạn thậm chí không thể tắm một lần; dòng sông đang chảy, nó chảy rất nhanh. Và không chỉ dòng sông đang chảy, bạn cũng đang chảy. Bạn không thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông: Dòng sông luôn biến đổi. Bạn không thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông bởi vì bạn luôn thay đổi.

---

[1] Triết gia vĩ đại, được coi là ông tổ của phép biện chứng.

Chân lí vốn năng động. Chân lí không phải cái gì đó chết. Đó là lí do nó không thể chứa đựng trong ngôn từ. Khoảnh khắc bạn thốt ra nó, nó đã trôi qua, nó đã đi xa hơn, nó không còn như cũ. Khoảnh khắc bạn nói nó ra, nó không còn như vậy nữa. Ngôn từ tụt lại phía sau.

Để được ở cùng với chân lí thì chỉ có một khả năng: vứt bỏ ngôn từ đi. Ngôn từ luôn tụt lại phía sau. Ngôn ngữ là què quặt. Chỉ im lặng có thể đi cùng chân lí, tay trong tay. Chỉ im lặng có thể dịch chuyển cùng chân lí. Chỉ im lặng có thể đủ nhanh, bởi vì im lặng không phải đem theo gánh nặng nào.

Ngôn từ thì nặng nề, chúng đem theo nhiều gánh nặng. Cho nên khi bạn mang theo ngôn từ, những học thuyết vĩ đại trong đầu bạn, những trừu tượng vĩ đại, thì bạn không thể bước cùng chân lí. Để bước cùng chân lí phải không có trọng lượng, không mang theo thứ gì. Im lặng có cánh. Cho nên chỉ trong im lặng mới biết được chân lí, và chỉ trong im lặng chân lí mới được chuyển giao, tống đạt.

Môn sinh mới hỏi Thiền sư:

"Thưa thầy, nguyên lí đầu tiên là gì ạ?"

Anh ấy hẳn là một môn sinh mới, một người mới bắt đầu; nếu không thì câu hỏi này thật ngu xuẩn, ngốc nghếch. Cả một người ngốc lẫn một triết gia đều có thể hỏi nó. Câu hỏi này vô nghĩa bởi vì "đầu tiên" nghĩa là nền tảng nhất. Tâm trí không thể chứa đựng nó bởi vì nó chứa đựng tâm trí! Cái "đầu tiên" nghĩa là cái căn bản; nó có trước tâm trí, thế thì làm sao tâm trí có thể lĩnh hội nó được? Tâm trí đi ra từ nó, tâm trí là sản phẩm phụ của nó. Đứa con không thể biết người cha, người cha mới có thể biết đứa con. Thực tại có thể biết bạn, nhưng bạn không thể biết thực tại. Cái bộ phận không thể biết cái toàn thể, cái toàn thể có thể biết cái bộ phận. Và cái bộ phận không thể chứa đựng cái toàn thể. Bây giờ tâm trí là một bộ phận rất tí hon. Nó không thể chứa cái bao la của thực tại. Phải, người mà hỏi câu này ắt là người mới bắt đầu.

"Nguyên lí đầu tiên là gì, thưa thầy?"

Và Thiền sư đáp:

"Nếu mà ta nói cho con thì nó sẽ trở thành nguyên lí thứ hai."

Thế thì nó sẽ là tiếng vọng, sự phản chiếu, hình ảnh trong gương. Bạn có biết mình là ai không? Bạn không biết, nhưng bạn biết hình ảnh trong gương của mình. Bạn biết tên mình, bạn biết địa chỉ của mình, bạn biết tên của dòng họ, quốc gia, tôn giáo, đảng phái chính trị mà bạn thuộc về. Bạn biết khuôn mặt mình được phản chiếu trong gương. Bạn không biết khuôn mặt thật của bạn. Bạn vẫn chưa chạm trán khuôn mặt nguyên bản của mình.

Các Thiền sư kiên trì nói với đệ tử của họ: "Hãy nhìn vào khuôn mặt nguyên bản của con – khuôn mặt mà thậm chí con đã có từ trước khi cha con sinh ra, khuôn mặt mà con sẽ có khi con chết, khuôn mặt của con, khuôn mặt nguyên bản của con."

Tất cả những gì chúng ta biết về khuôn mặt chúng ta không thực sự là khuôn mặt chúng ta. Nó là mặt nạ của thân thể, mặt nạ của tâm trí. Chúng ta không biết ai sống trong thân thể. Chúng ta biết chân lí như một thứ đồ dùng lại của người khác, vay mượn từ người khác.

Bất cứ khi nào thứ gì đó được vay mượn, nó trở nên xấu xí. Chỉ có kinh nghiệm trực tiếp là đẹp đẽ, bởi vì nó có tính giải thoát. Thứ dùng lại là xấu xí bởi vì nó trở thành sự bó buộc. Nếu bạn trở thành người có tôn giáo, bạn sẽ được giải thoát. Nếu bạn trở thành một người Thiên Chúa giáo hoặc Hindu giáo hoặc Hồi giáo, bạn sẽ

ở trong cảnh lệ thuộc. Mohammed[1] được giải thoát bởi vì với ông, Hồi giáo là kinh nghiệm trực tiếp. Jesus cũng được giải thoát bởi vì kinh nghiệm của ông đích thực là kinh nghiệm của ông. Đức Phật được giải thoát, ông trực tiếp trải nghiệm. Không có ai khác trao tay cho ông, nó không phải là sự vay mượn, nó không phải là sự suy nghĩ thấu đáo, nó không phải là suy luận logic, nó không phải là suy lí. Nó là kinh nghiệm!

Hãy thận trọng với suy lí. Bạn được dạy suy lí là để tránh kinh nghiệm. Có những người nói: "Thượng Đế tồn tại bởi vì nếu Thượng Đế không có đó thì ai sẽ tạo ra thế giới? Thượng Đế phải tồn tại bởi vì thế giới tồn tại."

Vào một ngày nọ tôi đọc được một câu chuyện về một giáo sĩ Do Thái:

Bạn bước vào chùa, tháo giày ra, và Thiền tin rằng: "Nơi mà bạn để lại giày của bạn, bạn cũng để lại chính bản thân bạn."

---

[1] *Nhà tiên tri sáng lập Hồi giáo.*

Một người tới gặp vị giáo sĩ Do Thái. Người này là một người vô thần và anh ta nói: "Tôi không tin vào Thượng Đế mà ông thì lại nói về Thượng Đế. Vậy bằng chứng đâu?" Và giáo sĩ nói: "Bảy ngày nữa anh hãy quay lại, và hãy mặc một bộ đồ mới." Người đàn ông nói: "Nhưng điều đó có liên quan gì đến câu hỏi của tôi?" Giáo sĩ đáp: "Có chút liên quan đấy. Cứ đi đến thợ may, đặt một bộ đồ mới và trở lại đây sau bảy ngày."

Người đàn ông quay trở lại một cách miễn cưỡng bởi vì anh ta chẳng thấy chút liên quan nào giữa câu hỏi của mình với câu trả lời anh ta nhận được. Nhưng anh ta vẫn quay lại, anh ta mặc một bộ đồ mới. Giáo sĩ nói: "Ai đã làm ra bộ đồ này?" Người đó đáp: "Ông điên rồi sao? Ông đang hỏi kiểu câu hỏi gì vậy? Tất nhiên là thợ may làm ra bộ đồ này." Giáo sĩ nói: "Bộ đồ ở đây, nó chứng tỏ rằng thợ may tồn tại. Không có thợ may, bộ đồ không thể ở đây. Và thế giới cũng như thế. Thế giới ở đây: Hẳn phải có một thợ may làm ra nó, một đấng sáng tạo."

Đây là suy lí.

Chuyển cảnh. Trong một ngôi làng nhỏ ở Ấn Độ, một nhà huyền môn đang ngồi cùng các đệ tử. Họ đang ngồi im lặng, có một sự im lặng ngập tràn. Đây là satsang – các đệ tử đang uống vào sự hiện diện của Thầy. Một người vô thần, một học giả, một nhà luận lí học có tiếng đến đó và ông ấy nói: "Tôi đến để hỏi một câu hỏi. Có gì chứng minh là có Thượng Đế?" Nhà huyền môn mở mắt ra và nói: "Nếu ông muốn có bằng chứng về Thượng đế thì hãy nhìn vào mắt những người mộ đạo. Chẳng có bằng chứng nào khác."

Thượng Đế tồn tại trong mắt người mộ đạo. Thượng Đế tồn tại trong cái nhìn của những người tình. Nó là kinh nghiệm đến từ cốt lõi sâu thẳm nhất trong bản thể bạn, trái tim bạn. Chẳng có bằng chứng nào khác. Thượng Đế không phải một khái niệm. Thượng Đế là thực tại, là kinh nghiệm, kinh nghiệm sâu thẳm, sâu sắc nhất của riêng mỗi cá nhân. Tất cả những thứ khác chỉ là ngoại biên. Thượng Đế là kinh nghiệm của trung tâm sâu nhất

bên trong bạn. Khi nào bạn được định tâm, bạn sẽ biết.

Nhưng bạn đã được dạy để tin vào Thượng Đế của các triết gia. Đó là cách để tránh Thượng Đế thật! Thượng Đế thật rất hoang dại! Thượng Đế thật rất điên khùng! Thượng Đế thật là cái không biết và không thể biết. Và Thượng Đế thật không thể bị kiểm soát. Thượng Đế thật có thể chiếm hữu bạn, bạn không thể chiếm hữu Thượng Đế thật. Và đó là nỗi sợ: Tâm trí luôn luôn lo sợ thứ gì đó mà nó không thể chiếm hữu. Tâm trí liên tục chơi trò chơi với ngôn từ, ý niệm, triết lí. Ở đó, nó có thể vẫn là ông chủ. Với cái giả, tâm trí là ông chủ; với cái thật, tâm trí trở thành nô lệ, và tâm trí không muốn trở thành nô lệ. Cho nên tâm trí thỏa mãn hoàn toàn với cái đã qua sử dụng.

Thượng Đế của bạn là cái đã qua sử dụng. Tình yêu của bạn cũng là cái đã qua sử dụng. Thơ ca của bạn là cái đã qua sử dụng. Điệu vũ của bạn là cái đã qua sử dụng. Bài hát của bạn là cái đã qua sử dụng. Và tất nhiên tất cả những cái đã qua sử dụng này biến bạn thành cái đã qua sử dụng, thế là bạn mất tất cả tính nguyên bản.

Tôn giáo chẳng có gì dính dáng đến logic. Tôn giáo liên quan đến nguyên lí đầu tiên. Logic giao dịch với cái đã qua sử dụng. Logic giao dịch với đồng nát, với cái dùng rồi – rất nhiều người đã dùng. Logic giao dịch với suy lí. Và hãy nhớ, nó còn tốt chừng nào bạn còn ở trong mớ rác thải trí tuệ của thế giới con người; khoảnh khắc bạn vượt khỏi ranh giới đó, logic thất bại hoàn toàn; nó ngã sõng soài trên mặt đất.

Tôi đã nghe một giai thoại đẹp:

> *Đoàn người đi săn dựng trại ở một khu vực nguy hiểm và để bảo vệ mình khỏi thú hoang, họ xây một hàng rào cao xung quanh trại. Cho chắc chắn, họ đào một hào sâu xung quanh hàng rào. Một buổi tối, một thành viên trong nhóm, vốn là một giáo sư triết học và là một nhà luận lí học nổi tiếng thế giới, bất cẩn đi ra ngoài tản bộ mà không mang theo súng và ông đã bị một con sư tử tấn công. Ông ta chạy về trại, con sư tử đuổi theo sau và ông bị ngã xuống hào. Các bạn ông ở bên trong nghe thấy tiếng gào thét kinh hoàng từ bên ngoài, và họ chạy ra xem; họ thấy người đàn ông đáng thương – triết gia đáng thương – đang chạy vòng quanh ở trong hào và con sư tử đang theo sát. "Coi chừng, nó ở ngay phía sau ông đấy," họ hét xuống chỗ ông.*
>
> *Triết gia hét trả lại: "Không sao đâu. Tôi chạy nhanh hơn nó*

một vòng.”

Thiền không quan tâm đến giáo lí. Nó quan tâm đến việc giúp bạn liên lạc với bản thể của mình.

Logic vô nghĩa đối với cuộc sống. Cuộc sống hoàn toàn không logic, cuộc sống là phi logic. Logic là nhân tạo, do tâm trí con người chế tạo ra. Cuộc sống là phi lí.

Cho nên, nếu bạn đi qua suy lí, bạn sẽ tới cái đã qua sử dụng. Nếu bạn đi qua kinh nghiệm, bạn sẽ tới cái mới nguyên.

Tôn giáo là triệt để. Nhà thờ là không triệt để. Từ *triệt để* nghĩa là “thuộc về gốc rễ”. Tôn giáo là triệt để, tôn giáo là sự nổi dậy. Nhà thờ không phải sự nổi dậy, chúng là chính thống. Do đó, tôi xin nhắc lại, tất cả nhà thờ đều chống lại tôn giáo. Tất cả những kẻ được gọi là người của tôn giáo đều chống lại tôn giáo. Chúng dùng một thực thể giả, chúng dùng một đồng tiền giả. Đó là lí do tại sao trên Trái Đất quá nhiều người trông có vẻ có tôn giáo mà thậm chí không có một vết tích nào của tôn giáo. Có quá nhiều người nói về Thượng Đế, nhưng nó vẫn là những bài nói rỗng không.

Bạn đã bao giờ cảm thấy Thượng Đế chưa? Bạn đã nghe đi nghe lại từ đó. Bạn phát chán từ đó. Nó gần như trở thành một từ xấu xa. Từ thời thơ ấu mọi người đã áp đặt từ đó lên bạn. Bạn đã bao giờ có thoáng nhìn nào về Thượng Đế chưa?

Đây là một điều rất kì lạ. Làm sao chúng ta có thể bỏ lỡ ông ấy? Nếu ông ấy là cái toàn bộ, nếu ông ấy ở khắp mọi nơi, làm sao chúng ta có thể bỏ lỡ ông ấy? Đã có chuyện gì mà chúng ta bỏ lỡ ông ấy được? Chúng ta hẳn phải đang làm những việc rất to lớn thì mới bỏ lỡ ông ấy được. Chúng ta hẳn phải đang làm rất nhiều việc thì mới bỏ lỡ ông ấy được. Chúng ta hẳn đang tránh xa ông ấy. Chúng ta hẳn đang tạo ra nhiều rào cản, chướng ngại và ngăn trở

để ông ấy không thể đến được với chúng ta.

Những từ này thật trống rỗng: Thượng Đế, tình yêu, bình an, cầu nguyện. Tất cả những từ đẹp đẽ đã trở thành trống rỗng. Tất cả những thứ xấu xí lại rất thật. Chiến tranh là thật, tình yêu là không thật. Điên khùng là thật, thiền định là không thật. Cái đẹp hoàn toàn không tồn tại, xấu xí ở khắp mọi nơi. Bạn có thể bắt gặp cái xấu xí bất cứ khoảnh khắc nào. Nhưng Thượng Đế là cái đẹp, Thượng Đế là chân lí, Thượng Đế là tình yêu.

Vậy chuyện gì đã xảy ra? Chúng ta đã được huấn luyện về những từ trống rỗng, và chúng ta đã trở nên mãn nguyện với những từ trống rỗng này.

Vứt bỏ sự mãn nguyện này đi! Nếu bạn muốn biết thực tại, hãy bất mãn với tất cả những gì đã được dạy, bất mãn với tất cả những gì đã được giáo dục! Hãy bất mãn với giáo dục của bạn, với xã hội của bạn, với cấu trúc quyền lực xung quanh bạn, nhà thờ, tu sĩ. Hãy bất mãn! Hãy bất mãn với tâm trí của chính mình. Chỉ trong bất mãn đó thì mới xuất hiện một khoảnh khắc bạn có khả năng vứt bỏ tất cả tâm trí và tất cả những điều vô nghĩa này cùng với nó... Và đột nhiên Thượng Đế ở đây, nguyên lí đầu tiên ở đây.

Một chàng trai trẻ, ngây thơ, cả đời luôn được che chở, cuối cùng quyết định rằng anh ta không thể chịu đựng thêm nữa. Anh ta sắp xếp một cuộc hẹn với bác sĩ và tuôn ra toàn bộ câu chuyện.

Anh ta nói: "Đây là cô gái mà tôi đang hẹn hò. "Tôi đã nghi ngờ cô ấy rất dễ dãi nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ cô ấy lại là một kẻ cuồng tình dục. Đã nhiều tuần nay, đêm nào tôi cũng không ngừng cố gắng phá vỡ mối quan hệ tình cảm nhưng tôi không có đủ cương quyết. Tôi phải làm sao đây? Sức khỏe của tôi không thể chịu đựng thêm được nữa."

Bác sĩ nói dứt khoát: "Tôi hiểu. "Nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra, anh có thể tin tưởng tôi."

"Thôi được, đêm nào tôi cũng để cô ấy lái xe của tôi. Chúng tôi đỗ xe ở con phố hẻo lánh nào đó. Sau đó cô ấy bảo tôi vòng tay qua người cô ấy. Và rồi, đêm nào cô ấy cũng vươn ra và nắm tay tôi."

"Và rồi?"

"'Và rồi' nghĩa là sao?" Chàng thanh niên thở hắt ra. "Còn gì hơn nữa chứ?"

Đó là điều đã xảy ra với tôn giáo. Khoảnh khắc mà từ *tôn giáo* được thốt ra, bạn nhớ đến những khuôn mặt dài thuỗn trong nhà thờ, những tu sĩ buồn bã, những nhà thần học nghiêm nghị, cố gắng chẻ sợi tóc làm tư, chặt nhỏ những ngôn từ trừu tượng mà không ai hiểu tại sao hay để làm gì. Tôn giáo bần cùng rồi. Tôn giáo của các triết gia đã phá sản. Tôn giáo của những người trí thức không còn liên quan gì nữa, nó đã mất hết sự liên quan.

Tôn giáo cũ đã chết rồi! Và thật tốt là nó đã chết. Thượng Đế cũ chết rồi! Và thật tốt là nó đã chết bởi vì giờ đây cánh cửa mở ra và chúng ta có thể tìm kiếm một Thượng Đế mới: một Thượng Đế thật hơn, không mang tính khái niệm, hiện sinh hơn, không mang tính triết học, một Thượng Đế có thể được nhìn thấy, yêu thương, sống theo, một Thượng Đế có thể chuyển hóa cuộc sống của bạn, một Thượng Đế mà chính là cuộc sống và không gì khác.

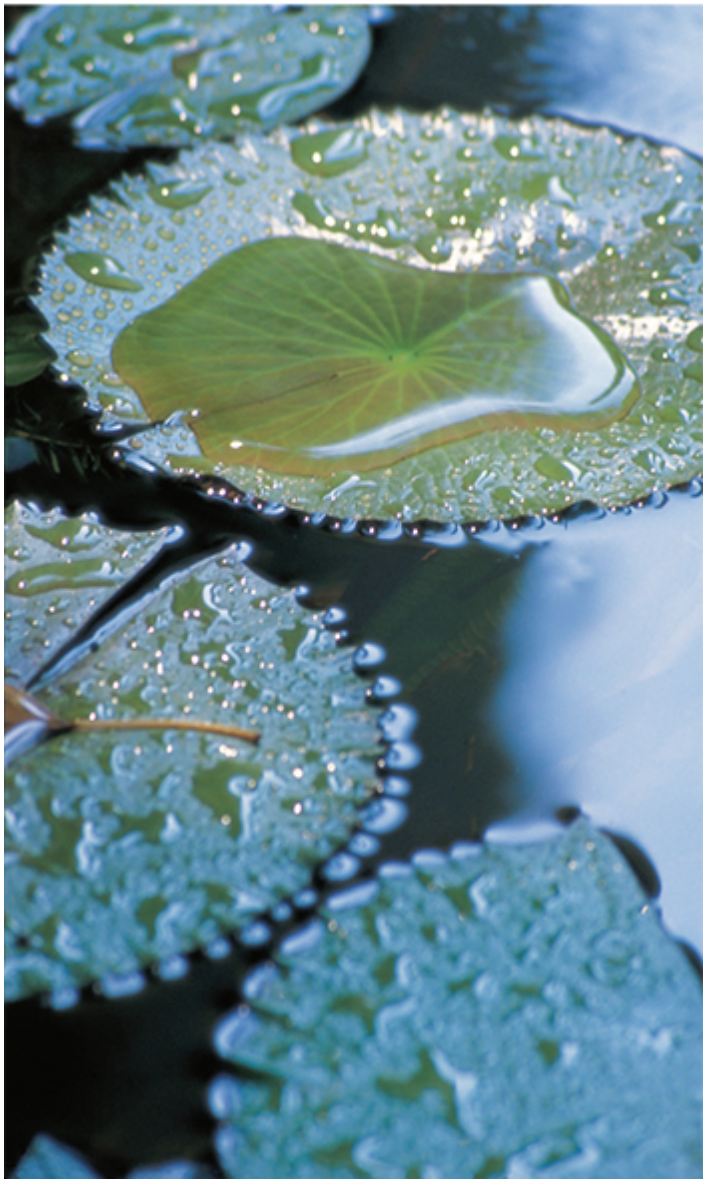

Cần có một kiểu tôn giáo khác trên thế giới, một tôn giáo ở cấp độ trực giác, một tôn giáo có máu và sự sống, một tôn giáo có trái tim đang đập. Tôn giáo cũ chết rồi, và mọi người đang thờ phụng xác chết. Những người đem theo xác chết dần dần cũng sẽ trở thành giống xác chết mà họ đang mang theo.

Nguyên lí đầu tiên là một tôn giáo ở cấp độ trực giác, một tôn giáo bạn có thể trải nghiệm ở cốt lõi tận cùng bên trong mình, trong nội hàm bản thể của bạn. Bạn là miếu thờ của nguyên lí đầu tiên. Không Kinh Thánh, không kinh Koran, không kinh Veda.

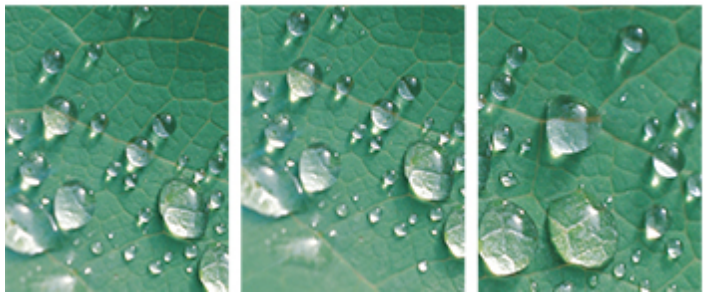

Bạn là miếu thờ của nguyên lí đầu tiên. Con đường duy nhất để đạt đến cái thật là đi vào bên trong, đi vào trong. Quay vào trong.

Đó là tất cả về thiền định. Đó là lí do tại sao Thiền không quan tâm đến giáo lí. Nó quan tâm đến việc giúp bạn liên lạc với bản thể của mình.

Khi Tổ thứ năm của Thiền, Hoằng Nhẫn, được hỏi tại sao lại chọn Huệ Năng là người truyền thừa trong số năm trăm nhà sư trong tu viện của ông, ông đáp: "Bốn trăm chín mươi chín đệ tử của ta thấu hiểu cặn kẽ Phật giáo, và chỉ có Huệ Năng là chẳng hiểu bất cứ điều gì về nó. Anh ta không phải là người có thể đo lường bằng bất cứ chuẩn mực thông thường nào. Cho nên, chiếc áo cà sa truyền thừa được trao cho anh ta."

Bởi vì ông ấy "chẳng hiểu bất cứ điều gì về nó". Một sự thấu hiểu bằng trí óc thì không phải là thấu hiểu. Nó là sự lừa dối, ảo tưởng, giấc mơ, sự thay thế. Bởi vì bạn đang bỏ lỡ cái thực và bởi vì bạn không đủ can đảm chấp nhận sự thật rằng mình đang bỏ lỡ cái thực, bạn thay thế nó. Nó là bông hoa bằng nhựa. Bạn thay thế cái thật bằng cái giả rồi cảm thấy ổn. Bạn bắt đầu nghĩ rằng bạn có nó. Nhưng bạn không có nó! Tay bạn trống trơn.

Tất cả 499 đệ tử còn lại của Hoằng Nhẫn là những học giả. Trong nhiều năm họ đã nghiên cứu mọi kinh sách. Họ thuộc toàn bộ kinh sách làu làu. Và ông ấy đã chọn một người chẳng hiểu bất cứ điều gì. Người mà ông chọn, Huệ Năng, hoàn toàn không có tiếng tăm trong tu viện. Không ai thậm chí nhận thức được sự tồn tại của ông ở đó.

Khi Huệ Năng đến chỗ sư phụ, sư phụ đã hỏi ông một câu: "Con có thực sự muốn biết không? Con có muốn không? Con muốn biết những điều về chân lí, hay con muốn biết chính chân lí?" Và Huệ Năng nói: "Biết những điều về chân lí để làm gì ạ? Xin hãy cho con điều thực sự." Và sư phụ nói: "Thế thì hãy xuống nhà bếp giã gạo – và đừng bao giờ quay lại chỗ ta nữa. Đến thời điểm thích hợp ta sẽ

gọi con."

Mười hai năm qua đi, Huệ Năng vẫn làm việc trong bếp, ở phía sau. Mọi người thậm chí không biết về ông. Không ai biết tên ông. Ai lại bận tâm suy nghĩ đến một người làm việc trong bếp từ sáng sớm đến tối mịt chứ? Cả tu viện không biết về ông. Trong tu viện có những học giả lớn, những người nổi tiếng, những nhân vật danh tiếng: Tên họ vang khắp nước Trung Hoa. Ai bận tâm về Huệ Năng chứ?

Mười hai năm qua đi, và rồi một hôm, sư phụ tuyên bố: "Thời khắc của ta đã tới và ta sẽ rời khỏi thế giới này, cho nên ta phải chọn một đệ tử là người truyền thừa của ta. Bất cứ ai nghĩ mình sẵn sàng, có khả năng trở thành người truyền thừa của ta, hãy viết bốn câu trước cửa phòng ta để thể hiện sự thấu hiểu của mình." Học giả vĩ đại nhất đến đó trong đêm và viết bốn câu, những câu đẹp đẽ, tinh túy của nguyên lí thứ hai. Thông qua tâm trí thì bạn không thể vươn cao hơn thế. Ông ta viết: "Tâm trí giống như tấm gương. Bụi tích tụ lên nó. Lau bụi đi và bạn sẽ biết nó là gì." Đúng hoàn hảo, tuyệt đối ổn. Còn có thể thêm gì nữa?

Cả tu viện xôn xao. Mọi người thảo luận, bàn cãi xem liệu sư phụ có chọn người này làm người truyền thừa hay không. Và mọi người tìm cách nói hay hơn, nhưng không ai có thể tìm ra điểm gì sai trong đó. Không có gì sai cả...

Đây là một trong những điều khó khăn nhất về trí năng. Có gì sai trong một bông hoa nhựa? Chẳng có gì sai. Về mặt nào đó – về nhiều mặt – nó có lẽ còn tốt hơn bông hoa thật. Bông hoa thật thì sớm nở tối tàn. Bông hoa nhựa ổn định hơn, lâu dài hơn – cho ý niệm về sự bất diệt! Bông hoa thật thì nhất thời. Bông hoa thật nở rồi tàn, bông hoa nhựa không biết đến cái chết. Nó là thứ gần với sự bất diệt nhất. Và có gì sai trong nó? Nó có thể có nhiều màu sắc như bông hoa thật – thậm chí nhiều màu sắc hơn bởi vì bạn thích thế nào thì nó thế ấy. Bạn cũng có thể làm cho nó tỏa hương nữa. Nhưng nó thiếu một điều gì đó căn bản, nó chết.

Không ai có thể tìm ra điều gì sai. Và mọi người cố gắng nói hay hơn, nhưng tất cả bọn họ đều là trí thức. Bạn không thể nói hay hơn thế, đây là điểm cuối cùng tâm trí với tới. Và nó dường như logic: "Tâm trí giống như tấm gương. Bụi tích tụ lên nó, và rồi nó không thể phản chiếu" – đó là điều đã xảy ra với tâm trí.

Thế rồi một nhóm các nhà sư thảo luận nó, và nó truyền đến tai Huệ Năng, người đang làm việc của mình trong bếp. Ông nghe

thấy họ đang nói về những câu đẹp đẽ này, tinh túy của tất cả các kinh sách, và ông cười.

Trong 12 năm chưa ai từng nghe thấy ông cười. Ông cười. Các nhà

sư nhìn ông và hỏi: "Cái gì vậy? Sao anh lại cười?" Và ông nói: "Nó hoàn toàn vô nghĩa. Nó không đúng." Họ không tin nổi vào tai mình. Người này, người giã gạo, suốt 12 năm chỉ giã gạo... Thậm chí chưa ai từng trông thấy anh ta hành thiền.

Làm sao bạn có thể thấy Deeksha[1] đang thiền được? Không thể nào.

---

[1] Ý muốn nói người đã vượt ra khỏi tâm trí.

Người ta không bao giờ biết... Người này, anh ta đã chứng ngộ hay gì đó ư? Họ không thể tin nổi, và họ là những học giả, cho nên họ cười vào sự ngớ ngẩn này và nói: "Tất cả các học giả lớn ở đây còn anh chỉ là một người giã gạo! Suốt 12 năm không ai thấy anh đọc kinh, nghiên cứu, ngồi bên cạnh sư phụ hay truy vấn điều gì đó – anh có thể nói hay hơn sao?"

Huệ Năng nói: "Tôi có thể, nhưng có một vấn đề. Tôi không biết chữ. Mười hai năm trước thì tôi biết, tôi từng viết chút ít, nhưng giờ tôi quên rồi."

Việc này xảy ra, việc quên đi cái đã học xảy ra. Quên đi cái đã học là tiến trình để chứng ngộ. Bởi vì bạn đã học những cách sai, và những cách sai đó là chướng ngại, nên bạn phải quên đi. Khi bạn sinh ra, bạn chứng ngộ; nhưng rồi bạn bị ép vào trạng thái không chứng ngộ. Bạn bị ép vào một xã hội mất trí. Bạn buộc phải điều chỉnh theo xã hội mất trí này. Nếu bạn khốn khổ thì chẳng có gì là lạ cả. Bạn khốn khổ bởi vì đây không phải bản chất thực sự của bạn. Đây không phải sự nở hoa của bản thể bạn.

Cho nên ông nói: "Tôi không viết được. Tôi đã quên hoàn toàn. Nếu anh viết được, tôi có thể nói vài điều; anh hãy viết nó ra." Rồi ông đơn giản nói: "Tâm trí hoàn toàn không phải tấm gương. Bụi có thể tích tụ vào đâu? Người nào biết thì sẽ biết."

Tâm trí không phải tấm gương. Bụi có thể tích tụ vào đâu? Một người biết được điều này thì đã biết, đã chứng ngộ, đã nhìn vào cốt lõi sâu nhất bản thể của mình.

Khi những lời này được viết lên cửa phòng sư phụ, sư phụ rất giận dữ. Hãy nghe cho kĩ – sư phụ rất giận dữ. Ông nói: "Đem Huệ Năng đến đây ngay lập tức, ta phải đánh hắn." Các học giả mừng rỡ lắm, họ nói: "Phải thế chứ. Mang gã đó đến đi."

Huệ Năng được mang tới, và sư phụ đưa ông vào trong rồi bảo: "Vậy là con đã có nó! Bây giờ con hãy trốn khỏi tu viện này đi. Đây là cà sa của ta, con là người truyền thừa của ta. Nhưng nếu ta nói cho mọi người, họ sẽ giết con. Việc chấp nhận một người giã gạo là người đứng đầu tu viện quá trái với bản ngã của họ. Con hãy trốn đi. Đó là lí do tại sao ta tức giận. Tha lỗi cho ta. Ta phải thế. Trốn khỏi tu viện này và đi càng xa càng tốt. Con là người truyền thừa của ta, nhưng những người này sẽ giết con."

Các học giả rất tham vọng và có tính chính trị rất cao. Hãy đi đến bất cứ trường đại học nào và bạn sẽ thấy. Đi đến bất cứ học viện nào và bạn sẽ thấy. Bạn sẽ không bao giờ thấy ở đâu người ta nói xấu sau lưng nhiều như ở trường đại học. Giáo sư nào cũng chống lại tất cả những người khác, giáo sư nào cũng tìm cách kéo những người khác xuống, giáo sư nào cũng nghĩ mình là người duy nhất đủ khả năng làm phó hiệu trưởng hoặc hiệu trưởng. Và tất cả đều là lũ ngốc.

Huệ Năng trốn đi. Trong vòng hai hay ba ngày, người ta cảm thấy có chuyện gì đó đã xảy ra. Huệ Năng đã mất tích, và cà sa của sư phụ cũng mất tích. Họ bắt đầu tìm kiếm ông. Học giả vĩ đại nhất, người đã viết bài đầu tiên, cũng tham gia tìm kiếm. Huệ Năng bị bắt trong một khu rừng, và khi bị bắt, ông nói: "Anh có thể lấy chiếc cà sa này. Tôi hoàn toàn không quan tâm đến nó, nó chẳng để làm gì cả. Tôi đã giã gạo rất vui vẻ. Giờ đây tôi phải cố gắng trốn chạy mà chẳng có lí do gì. Anh lấy chiếc cà sa này đi."

Ông bỏ chiếc áo trên mặt đất, học giả cố gắng cầm nó lên nhưng nó quá nặng. Anh ta không thể nhấc nó lên được.

Anh ta ngã lăn ra đất, mồ hôi đầm đìa, và nói với Huệ Năng: "Thứ lỗi cho tôi. Tôi đến vì chiếc áo, nhưng chiếc áo không sẵn sàng đi cùng tôi. Tôi không đủ khả năng. Và tôi biết rằng tôi không đủ khả năng bởi vì tất cả những gì tôi biết toàn ngôn từ là ngôn từ. Thứ lỗi cho tôi... và hãy dạy cho tôi điều gì đó."

Huệ Năng nói: "Vấn đề của anh chính là dạy, anh đã dạy bản thân anh quá nhiều. Bây giờ hãy quên đi điều được dạy, quên đi điều được học. Bây giờ hãy vứt bỏ tất cả những gì anh biết. Tri thức là rào cản đối với việc biết."

Đó là lí do tại sao sư phụ nói: "...và chỉ có Huệ Năng là chẳng hiểu bất cứ điều gì về nó." Nếu bạn không có bất kì sự thấu hiểu bằng trí óc nào, sẽ xuất hiện một sự thấu hiểu vĩ đại. Nó không phải của tâm trí, mà của toàn bộ bản thể bạn. Sự thấu hiểu đó cho bạn

nguyên lí đầu tiên, hương vị đầu tiên của Đạo.

Tôi từng nghe:

> *Một người chủ ngựa giàu có qua đời và để lại gia sản kếch xù cho một trường đại học. Tuy nhiên, trong di chúc có điều khoản là trường phải trao bằng Tiến sĩ Thần học cho con ngựa yêu thích của ông. Bởi vì trường đại học khắc khoải về việc được nhận món tiền – nó thực sự là một số tiền lớn – hiệu trưởng đã định ngày cho con vật nhận bằng.*
>
> *Sự kiện khác thường này có sự tham gia của báo giới, và một trong số các phóng viên đã hỏi hiệu trưởng: "Ông phản ứng như thế nào với việc kì lạ này?"*
>
> *"À," hiệu trưởng trả lời, "tôi đã từng trao nhiều bằng cấp. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận đây là lần đầu tiên tôi trao bằng cho một con ngựa đích thực."*
>
> *Tất cả những lần khác đều là lừa, chứ không phải ngựa đích thực.*

Tâm trí không thể có chút liên lạc nào với thực tại. Sống trong tâm trí là sống như một kẻ ngốc. Sống với tâm trí, trong tâm trí, theo tâm trí, là sống một cuộc sống ngớ ngẩn. Khoảnh khắc bạn nới lỏng một chút khỏi tâm trí, bạn hân hoan. Khoảnh khắc bạn nới lỏng một chút khỏi tâm trí, bạn vui sướng. Bạn nới lỏng một chút khỏi tâm trí, và Thượng Đế xuất hiện.

Đột nhiên các cánh cửa mở ra. Chúng chưa bao giờ bị đóng, chỉ có tâm trí của bạn chắn đường.

Tâm trí có thể cho bạn nguyên lí thứ hai. Nguyên lí đầu tiên chỉ có thể đến thông qua vô trí. Thiền định nghĩa là trạng thái vô trí. Thiền định không có nghĩa là "nghĩ về". Thiền định nghĩa là hoàn toàn không nghĩ gì cả. Đương nhiên, nó không có nghĩa là rơi vào giấc ngủ. Nó nghĩa là rơi vào tỉnh thức. Nó nghĩa là suy nghĩ phải tan biến, chỉ có ý thức thuần khiết nên ở đó, một sự hiện diện, một sự hiện diện chói lọi: Bạn thấy; có sự rõ ràng, minh bạch.

Ý nghĩ không cho phép bạn thấy, hoặc ngay cả khi chúng cho phép, chúng bóp méo. Hoặc chúng diễn dịch. Chúng không bao giờ cho phép thực tại đến với bạn một cách nguyên chất. Chúng trang trí nó, chúng thay đổi nó, chúng tô màu nó. Chúng biến nó thành thứ bạn dễ tiêu hóa. Chúng làm nó phù hợp với bạn. Và bạn là giả, bạn là chiếc mặt nạ, cho nên khi thực tại bị cắt để phù hợp

với bạn, nó trở thành không thật.

Đó là lí do tại sao Thiền sư nói với đệ tử: "Nếu ta nói cho con nguyên lí đầu tiên, nó sẽ trở thành nguyên lí thứ hai. Con đang hỏi câu hỏi từ cái đầu." Nó là một câu hỏi trí óc: "Nguyên lí thứ nhất là gì?" Nếu Thiền sư trả lời, cái đầu sẽ lấy câu trả lời, chăng đầy triết lí chung quanh nó, và khiến nó trở thành nguyên lí thứ hai.

Cái thật, cái đúng không thể truyền tải bằng lời. Nó có thể được truyền tải – phải, nó có thể được truyền tải – nhưng cách để truyền tải nó thì khác. Nó giống như bệnh sởi: Bạn lây nhiễm chúng. Không ai có thể trao chúng cho bạn, nhưng bạn có thể lây nhiễm chúng. Không thể dạy chân lý nhưng có thể lây nhiễm chân lý.

Nhìn tôi đi. Tôi đang mắc sởi. Bây giờ, nếu bạn không kháng cự, bạn sẽ lây nhiễm nó, vậy hãy giảm kháng cự của bạn xuống. Nếu bạn kháng cự, bạn có thể sẽ không lây nhiễm nó. Nếu bạn thực sự ngoan cố và cứng đầu, bạn đóng hoàn toàn bản thể của mình, nếu bạn không dễ bị tổn thương, bạn sẽ không lây nhiễm nó. Nhưng tôi không thể trao nó cho bạn. Bạn có thể lây nhiễm nó hoặc không lây nhiễm nó nhưng tôi không thể trao nó cho bạn.

Không thể trao nó nhưng có thể lấy nó, và đó là toàn bộ nghệ thuật ở cùng với bậc thầy: học cách làm sao để lấy. Bởi vì ông ấy sẽ không cho. Ông ấy không thể cho. Ông ấy khiến nó trở nên sẵn có. Bậc thầy là chất xúc tác, ông ấy là sự hiện diện. Xung quanh ông có điều gì đó có thể xảy ra. Bạn phải dễ tổn thương, có một thái độ buông bỏ, một thái độ tiếp nhận; bạn sẽ phải nữ tính.

Huệ Khả, một Thiền sư khác, đi phương Bắc thuyết giáo, và trong số những người đến nghe ông nói có Đạo Hoằng, một thầy giáo có tiếng, một tác giả tên tuổi và là một học giả về triết lí Phật giáo.

Nhưng giáo huấn của Huệ Khả không giống giáo huấn của bất cứ trường phái Phật giáo nào khác, và Đạo Hoằng đã rất bối rối...

Giáo huấn của ông ngớ ngẩn, gần như báng bổ, bởi vì Huệ Khả từng nói: "Hãy giết cha mẹ mình." Một phát biểu đẹp đẽ – nhưng đừng hiểu theo nghĩa đen. Cha mẹ ở bên trong bạn. Bạn có thể hỏi những người nghiên cứu về phân tích tương giao[1]. Cha mẹ ở bên trong bạn. Người mẹ, người cha – sự áp đặt của họ ở bên trong bạn. Họ kiểm soát bạn từ bên trong. Cho nên khi Huệ Khả nói: "Hãy giết cha mẹ mình đi, lúc đó hãy đến với ta", ông đã thốt ra một tri kiến vĩ đại.

Đó chính là điều Jesus đã nói. Người Thiên Chúa giáo vẫn chưa thể giải thích nó. Ông nói: "Trừ khi con căm ghét mẹ con, trừ khi con căm ghét cha con, còn không thì con không thể đến với ta." Căm ghét ư? Và lời này tới từ người đã nói: "Thượng Đế là tình yêu" sao?

---

[1] Phương pháp trị liệu thoát thai từ quá trình thực hành của Eric Berne. Berne khẳng định trong mỗi con người có sự hiện diện của ba trạng thái cái Tôi, mà ông gọi tên là "cái Tôi Cha Mẹ" (P – Parent), "cái Tôi Người Lớn" (A – Adult) và "cái Tôi Trẻ Em" (C – Child). Mỗi trạng thái cái Tôi P, A và C đều có những khuôn mẫu riêng về điệu bộ, thể thức và lời nói. Mỗi trạng thái cái Tôi có khả năng đảm trách việc chi phối tâm trí con người ở từng thời khoảng nhất định.

Huệ Khả cũng từng nói: "Nếu bạn gặp Đức Phật trên đường, giết ngài ngay lập tức!" Bởi vì khi bạn bắt đầu thiền bạn sẽ gặp cha mẹ bạn, bạn sẽ gặp tất cả những người có quan hệ với bạn. Bạn sẽ phải giết họ, bạn sẽ phải tách ra khỏi họ, bạn sẽ phải học cách một mình. Và cuối cùng bạn sẽ gặp Đức Phật, sư phụ của bạn, và bạn phải giết cả sư phụ nữa.

Nói ra những điều này thật nguy hiểm, và cả cái cách ông nói cũng vậy. Học giả Đạo Hoằng rất giận dữ. Ông ta nói: "Người này sẽ phá hủy tất cả tôn giáo." Đó chính là điều người ta nói về tôi.

Ông ta quyết định phá hủy thứ giáo lí báng bổ này và phái vài môn đệ xuất sắc nhất của mình đến tranh luận với Huệ Khả...

Huệ Khả là người truyền thừa của Bồ Đề Đạt Ma, và tất nhiên ông là truyền nhân xứng đáng của một bậc thầy vĩ đại. Ông là một đệ tử vĩ đại. Huệ Khả bị ông Đạo Hoằng này tấn công bằng nhiều cách. Đạo Hoằng từng gửi các đệ tử tới tranh luận nhằm đánh bại Huệ Khả. Đạo Hoằng chờ đợi họ sẽ trở về với chiến thắng oanh liệt trước kẻ đáng ghét xâm phạm quyền lợi người khác, nhưng họ đã không quay về...

Không một người nào quay trở về. Bất cứ ai đến gặp Huệ Khả đều biến mất. Những người này là những người nguy hiểm. Nên tránh xa họ hoàn toàn nếu thực sự muốn tránh xa họ. Còn nếu bạn tới gặp họ, dù là với tâm lý thù địch, bạn vẫn có thể rơi vào tình yêu với họ. Và những người này giống như những con rồng; một khi bạn ở gần họ, họ sẽ hút bạn vào.

Đạo Hoằng gửi đi những phái viên khác, và những người khác nữa, nhưng không ai quay về để báo cáo chiến thắng ông mong đợi. Chỉ sau đó một khoảng thời gian, ông ta mới gặp lại vài sứ giả

và nói với họ: "Ta đã mở mắt các anh ra với Đạo, sao các anh lại trở thành những phái viên lật lọng như vậy?"

Một trong số họ nói thay cho những người còn lại: "Con mắt nguyên bản vốn đã hoàn hảo, nhưng giáo huấn của ông đã làm cho chúng tôi trở thành mù dở."

"Con mắt nguyên bản vốn đã hoàn hảo." Mỗi đứa trẻ được sinh ra đều có con mắt nguyên bản – nó hoàn hảo – con mắt ngây thơ đó. Nó hoàn hảo! Nó không cần cải thiện! Và nỗ lực của tất cả bậc thầy suốt nhiều thời đại đều là một; bất kể xã hội làm gì, họ phải hoàn tác. Bất kể xã hội đặt gì vào tâm trí bạn, họ phải lấy đi. Họ phải giải thoát bạn khỏi sự thôi miên, họ phải giải thoát bạn khỏi sự áp đặt. Họ phải giúp bạn tiếp cận tuổi thơ của mình một lần nữa.

Nhưng hãy nhớ rằng, tôn giáo không phải là dạy, nó cũng không phải là học. Bạn có thể lây nhiễm nó. Phải, nó giống như bệnh sởi. Và bạn phải có tâm trạng để lây nhiễm nó. Tâm trạng đó chính là ngụ ý của việc là một đệ tử. Một đệ tử làm một cử chỉ, một đại thủ ấn, một *mahamudra* thể hiện rằng: "Con đã sẵn sàng, thưa thầy", "Con đang mở", "Con sẽ không kháng cự. Nếu thầy sắp sửa giết chết con, con sẵn sàng. Bất kể thầy sắp sửa làm gì với con, con sẵn sàng – con hoàn toàn sẵn sàng". Đó là tất cả những gì một đệ tử phải làm. Còn sư phụ không phải làm gì cả, ông chỉ phải ở đó.

Bậc thầy ở đó – người đã chứng ngộ, người đã biết bản chất của mình – sự hiện diện của ông và sự sẵn sàng của đệ tử cũng ở đó, một cái gì đó bắt lửa, một cái gì đó cứ thế xảy ra. Đó là nguyên lí đầu tiên. Nó không thể được hỏi, nó không thể được trả lời. Cái có thể được hỏi và có thể được trả lời sẽ là nguyên lí thứ hai; nó sẽ là một bản sao, một tiếng vọng.

Đương nhiên, các tu sĩ sẽ không thích tôn giáo có một ý nghĩa mang tính nổi dậy như thế. Họ sẽ không thích người ta thức tỉnh. Cả các chính trị gia cũng sẽ không thích.

Chính trị gia và tu sĩ đại diện cho âm mưu cổ xưa chống lại sự ngây thơ của nhân loại. Họ làm biến chất. Công việc của họ trông cậy vào việc này: việc bạn vẫn không ý thức, bạn vẫn không nhận biết. Bởi vì khoảnh khắc bạn nhận biết, bạn tự do – thoát khỏi mọi chính trị và thoát khỏi mọi tôn giáo. Bạn có tôn giáo, nhưng nằm ngoài mọi tôn giáo. Bạn không thể nói rằng bạn là một người Hồi giáo, bạn không thể nói rằng bạn là một người Hindu.

Gọi hành giả Thiền là Phật tử là sai. Nó cũng sai như gọi người Sufi

là người Hồi giáo, cũng sai như gọi người Hasidim[1] là người Do Thái giáo. Những con người thực đơn giản là những con người thực. Thiền, Sufi hay Hasidim, không có Phật giáo, Hồi giáo hay Do Thái giáo.

Nhưng tu sĩ sẽ không thích thế. Nó sẽ phá hủy công việc của ông ta. Nó sẽ tháo dỡ cửa hiệu của ông ta, toàn bộ thị trường của ông ta.

---

[1] *Một nhánh của Do Thái giáo.*

Hai người bồi bàn đang đứng ở một cái bàn có một khách hàng rất giàu có đã ngủ gục. Một người nói: "Tôi đã đánh thức ông ta hai lần rồi. Bây giờ tôi sẽ đánh thức ông ta lần thứ ba."

"Sao anh không tống cổ ông ta ra ngoài?" Người bồi bàn kia hỏi.

Người bồi bàn đầu tiên nói: "Tôi đâu có ngu. Một điều tốt đang xảy ra với tôi. Mỗi lần tôi đánh thức ông ta dậy, ông ta lại thanh toán hóa đơn."

Nếu nhân loại vẫn ngủ, nếu nhân loại vẫn không ý thức và bị thôi miên, thì chính trị gia vẫn có thể duy trì quyền lực và tu sĩ có thể tiếp tục lợi dụng bạn. Nếu nhân loại thức tỉnh thì sẽ không cần có các tu sĩ và chính trị gia. Sẽ không cần có quốc gia hay bang nào, sẽ không cần có nhà thờ nào, Vatican nào, giáo hoàng nào. Nhu cầu sẽ biến mất. Ý thức con người sẽ có một phẩm chất hoàn toàn khác biệt.

Phẩm chất ấy cần được sinh ra. Trong cuộc cách mạng ý thức con người, chúng ta đã đi tới một điểm mà ý thức mới này cần thiết vô cùng – ý thức mới này giúp con người tự do thoát khỏi chính trị và tôn giáo.

Cho phép tôi nhắc đi nhắc lại với bạn rằng sẽ chỉ có một thế giới tôn giáo duy nhất: tự do khỏi các tôn giáo nhưng vẫn ở trong tôn giáo, tự do khỏi các nhà thờ và giáo lí nhưng vẫn ở trong nguyên lí đầu tiên, tự do khỏi tất cả các loại nguyên lí thứ hai.

Khi bạn hạnh phúc, bạn bắt đầu biến mất.

Một cô gái nói với bạn của mình rằng cô vừa mới đính hôn với một lái buôn.

“Anh ấy đẹp trai không?” Người bạn hỏi.

“Nhìn xem, anh ấy sẽ không bao giờ nổi bật trong đám đông.”

“Anh ấy có tiền không?” Người bạn tiếp tục. “Anh ấy mà có thì cũng sẽ không tiêu.”

“Anh ấy có tật xấu nào không?”

“À, anh ấy uống nhiều khủng khiếp,” cô dâu tương lai nói.

“Tớ không hiểu nổi cậu,” người bạn nói. “Nếu cậu không kể được điểm gì tốt về anh ấy, vậy sao lại đi cưới anh ấy?”

“Anh ấy đi suốt, và tớ sẽ không bao giờ phải gặp anh ấy.” Cô trả lời.

Đây là điểm tốt duy nhất của nó – và đây là điểm tốt của Thượng Đế của các tu sĩ: Bạn sẽ không bao giờ gặp ông ta. Đó là lí do tại sao bạn tiếp tục đi theo tu sĩ. Để tránh Thượng Đế, bạn theo tu sĩ. Để tránh Thượng Đế, bạn đọc Kinh Thánh. Để tránh Thượng Đế, bạn

tụng kinh Veda. Để tránh Thượng Đế, bạn trở thành học giả, nhà tư tưởng. Để tránh Thượng Đế, bạn làm mọi thứ có thể.

Nhưng tại sao bạn lại muốn tránh Thượng Đế? Tại sao ngay từ đầu bạn đã muốn tránh Thượng Đế. Có những lí do. Ý niệm Thượng Đế tạo ra sự sợ hãi khủng khiếp bởi vì Thượng Đế nghĩa là cái chết đối với bản ngã của bạn. Bạn sẽ không tồn tại nếu Thượng Đế ở đó.

Nhà huyền môn vĩ đại người Ấn Độ Kabir đã nói: "Hãy nhìn vào sự trớ trêu của nó. Khi tôi hiện hữu, Thượng Đế không hiện hữu; giờ đây Thượng Đế hiện hữu, tôi thì không. Dù sao đi nữa, cuộc gặp đã không xảy ra." Bởi vì để có cuộc gặp thì cần có hai bên. "Khi tôi hiện hữu, Thượng Đế không hiện hữu; giờ đây Thượng Đế hiện hữu, tôi thì không."

Bạn sợ sẽ phải đánh mất chính mình. Bạn sợ cái chết, đó là lí do tại sao bạn sợ Thượng Đế. Đó là lí do tại sao bạn sợ tình yêu, đó là lí do tại sao bạn sợ tất cả những thứ vĩ đại.

Bạn quá gắn bó với bản ngã giả tạo này, cái chẳng đem lại điều gì ngoài khốn khổ và đau đớn. Nhưng ít nhất, nó cho bạn cảm giác rằng bạn hiện hữu. Hãy quan sát. Suy ngẫm về nó.

Nếu bạn muốn, bạn sẽ luôn rơi vào cái bẫy của tu sĩ. Trên thực tế, bạn không hiện hữu. Toàn bộ ý niệm này là sai lầm. Làm sao bạn có thể hiện hữu? Sóng tồn tại, nhưng không tách rời khỏi đại dương. Cho nên chúng ta tồn tại nhưng không tách rời khỏi đại dương ý thức. Đó chính là Thượng Đế. Lá tồn tại, nhưng không tách rời khỏi cây. Mọi thứ tồn tại, nhưng chẳng có gì tồn tại tách biệt.

Không người nào là một hòn đảo và không bộ phận nào có thể tồn tại độc lập. Chúng ta tồn tại trong sự tương liên sâu xa. Chúng ta là thành viên của người khác, của lẫn nhau. Chúng ta thâm nhập lẫn nhau. Toàn thể hiện hữu là một sự thâm nhập vĩ đại. Cây thâm nhập vào bạn, bạn thâm nhập vào cây. Những ngôi sao thâm nhập vào bạn, bạn thâm nhập vào những ngôi sao. Bạn thâm nhập vào mặt đất, mặt đất thâm nhập vào bạn. Mọi thứ đều được thâm nhập.

Thượng Đế là cái toàn bộ này. Bạn không thể tồn tại riêng rẽ. Nếu bạn muốn tồn tại riêng rẽ thì bạn là chính trị gia. Tất cả chính trị chẳng là gì ngoài cái bóng của bản ngã. Khi đó bạn sẽ sống trong khốn khổ và điên khùng.

Nhưng nếu bạn nhìn, nếu bạn quan sát một cách sâu sắc, bạn sẽ

ngạc nhiên. Bạn không hiện hữu! Không phải là bạn tan rã! Chỉ đơn giản là bạn không hiện hữu. Nó chỉ là một quan niệm sai lầm mà bạn đem theo, quan niệm bạn hiện hữu. Bất cứ khoảnh khắc im lặng nào, bạn sẽ đột nhiên thấy tính không bên trong bạn, cái không bên trong bạn. Đức Phật gọi cái không này là *anatta*, vô ngã, *shunya*, hư vô. Nếu bạn nhìn vào bên trong, bạn sẽ không tìm thấy chính mình. Đó là lí do tại sao người ta không nhìn vào bên trong, họ sợ hãi.

Một lần, tôi đang đi cùng Mulla Nasruddin trên một chuyến tàu. Người thu vé đến và Nasruddin cuống cuồng. Anh ta tìm trong va li, anh ta lật tung mọi thứ, anh ta tìm trên giường, lục tung mọi thứ, anh ta tìm trong các túi của mình, anh ta vã mồ hôi mà vẫn không thể tìm thấy vé. Tôi thấy anh ta đã không tìm trong một chiếc túi, cho nên tôi bảo anh ta: "Nasruddin, anh chưa tìm trong cái túi kia." Anh ta nói: "Đừng nhắc đến nó." Tôi nói: "Sao thế? Vé có thể ở trong đó." Anh ta nói: "Đừng nhắc đến nó. Nếu tôi tìm trong đó mà vẫn không thấy vé thì tôi sẽ chết mất. Tôi sẽ chết luôn. Tôi không thể tìm trong túi đó! Nếu vé không ở đấy thì tôi xong. Hi vọng là nó có thể ở đấy."

Đó là lí do mọi người không nhìn vào trong: Họ hi vọng mình có thể ở đó. Ngày mà bạn nhìn vào, bạn không có đó. Ngày mà bạn nhìn vào, đột nhiên có sự trống rỗng mênh mông... và nó là phúc lạc, là cái đẹp, là sự yên bình to lớn. Bạn không có ở đó, cho nên không có tiếng ồn.

Đó là điều Huệ Năng ngụ ý khi nói: "Không có tấm gương tâm trí. Bụi có thể tích tụ vào đâu? Biết điều này là biết tất cả."

Hãy nhìn vào trong. Mọi người nghĩ: "Chúng ta xấu", nhưng chúng ta không hiện hữu, vậy làm thế nào cái xấu tích tụ được? Mọi người nghĩ: "Chúng ta tốt", nhưng làm sao có thể được? Bạn không có đó, làm sao bạn có thể tốt? Mọi người nghĩ: "Chúng ta đạo đức và vô đạo đức và thế này và thế kia", nhưng mọi thứ treo trên ý niệm về "tôi". Để tốt thì trước hết cần "tôi", để đức hạnh thì trước hết cần "tôi". Để là tội nhân hay thánh nhân thì trước hết cần "tôi". Không có "tôi" bạn sẽ không có cái gì để treo cái gì đó lên. Bạn sẽ treo lòng tốt của bạn, tội lỗi của bạn hay sự thần thánh của bạn vào đâu?

Đó là lí do tại sao Thiền nhấn mạnh không ai là tội nhân và không ai là thánh nhân, không có gì tốt và không có gì xấu. Tất cả phân biệt là do bản ngã tạo ra. Bản ngã tạo ra phân biệt để nó có thể tồn tại. Khi bạn nhìn vào bên trong, không có thánh nhân lẫn tội

nhân, không có tốt lẫn xấu, không có sự sống lẫn cái chết. Mọi phân biệt biến mất.

Trong cái không đó, con người trở thành một với Thượng Đế. Con người là một với Thượng Đế – con người đã như vậy ngay từ ban đầu. Cho nên bạn sợ là nếu bạn biết Thượng Đế, bạn sẽ phải tan biến; cho nên bạn không nhìn vào trong bản thể của mình. Bạn sợ là nếu bạn nhìn vào chính mình, bạn có thể trở nên hạnh phúc.

Người ta nói rằng họ muốn trở nên hạnh phúc, nhưng tôi hiếm khi bắt gặp một người thực sự muốn hạnh phúc. Mọi người bám vào khốn khổ của họ. Lại trò chơi ấy. Với khốn khổ, bạn có gì đó để làm. Với khốn khổ, có việc làm nào đó. Với khốn khổ, bạn có thể tránh xa chính mình, bạn bận rộn. Với niềm vui, chẳng có gì để mà bận rộn, chẳng có nơi nào để đi. Với niềm vui, một lần nữa bạn tan rã và biến mất. Trong khốn khổ, bạn ở đó – bạn ở đó rất nhiều. Khốn khổ cho bạn một kinh nghiệm vững chắc rằng bạn hiện hữu. Khi bạn hạnh phúc, bạn bắt đầu biến mất. Khi bạn thực sự hạnh phúc, bạn không hiện hữu, một lần nữa bạn không hiện hữu. Trong trạng thái phúc lạc, một lần nữa bạn biến mất.

Bạn nói về cõi trời, nhưng bạn tiếp tục tạo ra địa ngục bởi vì chỉ trong địa ngục bạn mới có thể tồn tại. Bạn không thể tồn tại ở cõi trời. Người ta nói rằng George Bernard Shaw[1] đã nói: "Nếu tôi không phải người đầu tiên ở cõi trời thì tôi sẽ không muốn lên cõi trời. Tôi muốn được ở địa ngục, nhưng tôi muốn là người đầu tiên; tôi không muốn là người thứ hai." Địa ngục ổn thôi, nhưng bản ngã nói: "Phải là thứ nhất, là người dẫn đầu." Địa ngục là ổn nếu bản ngã vẫn còn, cõi trời không ổn nếu bản ngã chưa bị vứt bỏ.

Bạn muốn ở cõi trời cùng bản ngã của mình. Bạn đang yêu cầu điều không thể. Điều đó không thể xảy ra.

Tôn giáo tồn tại trên Trái Đất là giả, nó là ảo tưởng, nó chỉ là cái tên, nhưng nó thỏa mãn nhu cầu của bạn. Nó thỏa mãn nhu cầu nào đó, nhu cầu bạn muốn giả vờ mình có tôn giáo. Bạn không muốn trở thành người có tôn giáo nhưng bạn muốn giả vờ. Bạn muốn giả vờ theo cách mà thậm chí chính bản thân bạn không thể nhận ra là mình giả vờ.

---

[1] *Nhà soạn kịch, nhà văn vĩ đại người Anh gốc Ireland.*

Bạn muốn giả vờ theo cách mà bạn không bao giờ bắt gặp sự giả vờ của mình, do đó một cấu trúc vĩ đại được tạo ra. Và cấu trúc vĩ

đại đó là nhà thờ. Hãy tránh xa cấu trúc đó nếu bạn thực sự muốn có tôn giáo. Và nếu bạn không có tôn giáo, bạn không hiện hữu!

Bây giờ để tôi kể cho bạn nghe nghịch lí này: Bạn chỉ hiện hữu khi bạn không hiện hữu, bởi vì bạn chỉ hiện hữu khi bản ngã biến mất và bạn là Thượng Đế. Đó là nguyên lí đầu tiên. Tôi đang không nói nó cho bạn và bạn đang không nghe nó từ tôi.

Chuyện là:

Chiếc xe bất ngờ bị hỏng ở nơi đồng không mông quạnh. Anh trườn xuống bên dưới để xem nó hỏng ở đâu. Cô trườn xuống bên dưới để cầm đèn pin cho anh.

Dưới đó khá ấm áp và sau một lúc, họ quên mất việc sửa xe. Đột nhiên một giọng nói cất lên: "Hai người nghĩ mình đang làm gì vậy?"

Nhìn lên, họ thấy viên cảnh sát địa phương.

"Sao ạ? Chúng tôi đang... ừm... sửa trục sau của xe," chàng trai trẻ lắp bắp,

"À, trong lúc các vị ở dưới đó, các vị nên xem cả phanh nữa," viên cảnh sát đáp. "Xe của các vị đã ở dưới chân đồi được nửa giờ rồi."

Đây là điều đã xảy ra với các nhà thờ. Jesus không có ở đó, Đức Phật không có ở đó. Người ta đang làm một việc khác dưới cái tên của Jesus, dưới cái tên của Đức Phật, và họ nghĩ Đức Phật ở đó. Bạn không bao giờ có thể gặp Jesus ở nhà thờ, bạn không bao giờ có thể gặp một vị Phật ở đền chùa. Nhưng bạn đi đến nhà thờ, bạn đi đến đền chùa... và bạn nghĩ bạn đi đến gặp Đức Phật và Jesus.

Bạn là người giả vờ vĩ đại. Bạn muốn giả vờ. Bạn muốn được kính trọng. Bạn muốn thể hiện cho mọi người thấy rằng: "Chúng tôi là những người có tôn giáo." Và chúng ta đã tạo ra một tôn giáo Chủ Nhật, Chủ Nhật nào bạn cũng đi. Sáu ngày cho thế giới, một ngày – không phải cả ngày, chỉ một hoặc hai giờ – cho Thượng Đế. Chỉ để đề phòng ngộ nhỡ có vấn đề gì đó hoặc có thể Thượng Đế thực sự hiện hữu hoặc có thể có người thoát khỏi cái chết. Tất cả đều là những cái "có thể". Và cái "có thể" không bao giờ thay đổi cuộc đời của ai, chỉ có cái chắc chắn thay đổi cuộc đời của ai đó.

Do vậy, tôi xin nhấn mạnh là, nếu bạn không thể tìm thấy một bậc thầy đang sống, hãy tiếp tục tìm kiếm và tìm kiếm. Luôn luôn có những bậc thầy đang sống ở nơi này hay nơi khác, mặt đất không bao giờ thiếu vắng họ. Nhưng đừng bao giờ đi đến những nơi bạn

trông đợi theo thói thường. Họ không có ở đó đâu. Jesus không ở trong giáo đường Do Thái. Đức Phật không ở trong đền thờ Hindu, ông sinh ra là một người Hindu nhưng ông không ở trong đền thờ Hindu nào. Jesus là người Do Thái nhưng ông không ở trong giáo đường Do Thái nào cả. Và luôn luôn như vậy. Đừng tiếp tục sùng bái những ý niệm. Hãy tìm một thực tại đang sống.

Khoảnh khắc bạn tìm thấy một thực tại đang sống, hãy tiếp nhận, hãy cởi mở. Và bạn sẽ có nguyên lí đầu tiên, điều không thể được nói, nhưng bạn có thể nhận được nó.

Phần bảy
ĐỐI THOẠI THIỀN

Tất cả những giai thoại và đối thoại Thiền này nói đi nói lại cùng một điều. Nhưng chúng nói về nó một cách rất đẹp đẽ. Từ những quan điểm khác nhau, từ những điệu bộ khác nhau, chúng chỉ đến cùng một mặt trăng... hi vọng rằng, nếu đêm qua bạn đã không thấy nó, thì hôm nay có thể từ một góc độ khác, biết đâu...

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ CHỨNG NGỘ

Những câu chuyện này thuộc về một thế giới, một thời đại mà con người đơn giản. Họ không láu cá hay phức tạp, họ ngây thơ. Cho nên tồn tại khả năng thức tỉnh ngay lập tức. Thiền đã trở nên càng lúc càng khó hơn vì một lí do đơn giản là con người đã trở nên càng lúc càng phức tạp hơn. Ngày nay, gần như không thể mường tượng được làm sao chứng ngộ có thể xảy ra ngay tức thì, làm sao một người có thể được biến đổi hoàn toàn trong một tia chớp duy nhất. Người có kiến thức chỉ có thể hiểu được con đường đi dần dần, toàn thể giáo dục của người đó là một quá trình đi dần dần.

So với các truyền thống huyền môn khác, Thiền đặc biệt theo nhiều phương diện. Nhưng cái nổi bật, độc nhất vô nhị, là những mẩu đối thoại, nhỏ, kì lạ trong Thiền: Nếu chỉ đọc chúng thì bạn không thể hiểu làm cách nào những mẩu đối thoại nhỏ có thể mang chứng ngộ đến cho ai đó.

Thứ hai, Thiền bản thân nó không đưa ra sự giảng giải. Đây là một

trong những lí do tại sao một truyền thống chứng ngộ sinh động lại không chiếm lĩnh thế giới. Tôi muốn bạn hiểu những mẩu đối thoại nhỏ dường như vô nghĩa này. Trong một tình huống nào đó, nếu chúng được đưa đến bởi các phương thức Thiền khác, chúng có thể mang lại thức tỉnh. Những mẩu đối thoại này được ghi nhớ suốt nhiều thế kỉ, và những người trên con đường Thiền thích chúng vô cùng.

Tuy nhiên, đối với những người ngoại đạo, chúng vẫn là điều huyền bí bởi vì người ta không bao giờ kể ngữ cảnh, không bao giờ thảo luận sự thức tỉnh xảy ra trong tham chiếu nào.

Phía sau những mẩu đối thoại nhỏ này là một kỉ luật thiền định và thấu hiểu trong thời gian dài – có khi mất rất nhiều năm. Nhưng thế giới bên ngoài chỉ biết đến cuộc đối thoại. Bạn không biết những người đang thảo luận với nhau là ai, họ không phải người bình thường. Chỉ có thể thức tỉnh nếu họ có một nền tảng khiến cho những mẩu đối thoại – tự chúng chẳng là gì – trở nên vô cùng quan trọng. Nhưng khi bạn đọc chúng, bạn không thể tin nổi làm thế nào mà những cuộc đối thoại này có thể làm cho ai đó chứng ngộ – bởi vì bạn đọc chúng và bạn không chứng ngộ!

Có điều gì đó đang còn thiếu trong phối cảnh của bạn. Tôi sẽ nỗ lực cho bạn ngữ cảnh toàn vẹn và giải thích không chỉ những lời trong cuộc đối thoại mà cả những cá nhân tham gia vào những mẩu đối thoại nhỏ này. Chỉ thế thì bạn mới thấy chúng không phải những điều nhỏ bé, chúng chính là tinh túy. Những người tham gia đã đạt tới điểm tối thượng, những cuộc đối thoại này chỉ là một cú đẩy nhẹ. Họ đã gần như sẵn sàng... Có thể nói rằng ngay cả khi không có những cuộc đối thoại này thì họ cũng sẽ chứng ngộ, có lẽ một tuần sau đó. Những cuộc đối thoại này cắt bớt khoảng thời gian để bản thể của họ chứng ngộ không nhiều hơn một tuần.

Giờ đây, Thiền đã trở nên hợp thời trên khắp thế giới. Người ta viết quá nhiều điều về nó. Nhưng chưa có ai tôi gặp cho đến giờ... và tôi đã thấy hầu như mọi điều về Thiền do những người không có chút chứng ngộ nào nhưng bị ấn tượng bởi vẻ đẹp của những người theo Thiền viết ra. Họ nhặt nhạnh những điều phi lí, gần như vô nghĩa, và họ không có khả năng cho bạn phông nền.

Hãy nhớ rằng, mọi thứ phụ thuộc vào phông nền: nhiều năm ròng chuẩn bị, nhiều năm ròng chờ đợi và khao khát, nhiều năm ròng kiên nhẫn và hành thiền im lặng. Cuộc đối thoại đến vào lúc đỉnh điểm, ở chính chỗ cuối cùng. Nếu bạn có thể thấu hiểu toàn bộ

quá trình thì bạn sẽ hiểu rõ hơn làm thế nào cuộc đối thoại có thể mang chứng ngộ đến cho ai đó.

Trừ phi người ta biết toàn bộ quá trình, nếu không Thiền sẽ vẫn chỉ là trò giải trí cho thế giới. Cái là sự chứng ngộ đối với hành giả Thiền rơi xuống thành một trạng thái giải trí. Những cuộc đối thoại này không phải toàn bộ quá trình. Nó giống như tảng băng trôi: Một mảnh nhỏ trồi lên trên mặt biển – một phần mười tảng băng – và chín phần mười nằm bên dưới. Trừ khi bạn thấu hiểu chín phần mười đó, nếu không thì một phần mười kia sẽ không cho bạn tri kiến nào.

Cuộc đối thoại đầu tiên:

Xưa tôn giả Nghiêm Dương hỏi Triệu Châu: "Không mang theo một vật nào thì ra sao?"

Châu nói: "Đặt nó xuống."

Nghiêm Dương nói: "Khi một vật cũng không mang thì đặt cái gì xuống?"

Châu nói: "Nếu không thể đặt nó xuống thì hãy vác nó lên."

Nghe xong những lời này, Nghiêm Dương đạt đại ngộ.

Bây giờ, nếu chỉ nghe giai thoại nhỏ này, bạn không thể hình dung làm sao nó có thể mang tới đại ngộ.

Đầu tiên, trong ngữ cảnh của cách tiếp cận Thiền – trong mắt Đức Phật và Bồ Đề Đạt Ma – thế giới chẳng là gì ngoài tính không. Và khi họ dùng từ *không*, họ có ý nghĩa riêng của họ; nó không phải ý nghĩa thông thường bạn có thể tra trong từ điển. Nếu bạn dỡ bỏ mọi thứ khỏi phòng – tất thảy đồ đạc, những bức ảnh treo trên tường, đèn treo, mọi thứ – và không để lại gì, ai đó sẽ nói: "Căn phòng này trống không". Đây là nghĩa thông thường của từ. Nhưng từ quan điểm của Đức Phật, căn phòng này không có đồ vật nhưng lại đầy không gian. Trên thực tế, khi đồ vật ở đó, chúng cản trở không gian. Chính từ *phòng* có nghĩa là "không gian". Cho nên bây giờ nó tràn ngập không gian, không có gì cản trở, không có gì ngăn chặn và làm tắc nghẽn không gian.

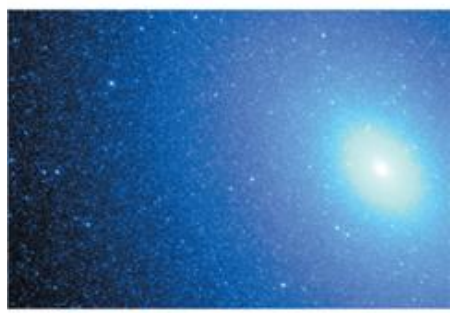

Không gian không phải một thứ tiêu cực như hàm ý của từ *không*. Mọi thứ trên thế giới đều bước ra từ không gian và mọi thứ đều tan biến vào không gian. Không gian dường như là hồ chứa tất cả...

Các nhà khoa học đã khám phá ra hố đen trong không gian. Nó là câu chuyện đáng kinh ngạc nhất mà khoa học phải kể. Bản thân các nhà khoa học cũng cảm thấy rối trí, nhưng họ có thể làm gì? Họ đã bắt gặp một vài nơi trong không gian mà bất cứ ngôi sao nào, kể cả ngôi sao lớn nhất, đi vào thì đều không thể nhìn thấy nó nữa: Nó đã trở thành cái không thuần khiết. Lực kéo của những nơi này khủng khiếp tới mức cái gì đến gần chúng cũng ngay lập tức bị kéo vào trong hố đen và biến mất khỏi thế giới. Mỗi ngày đều có nhiều ngôi sao tan biến vào trong các hố đen, đó là ý niệm căn bản.

Nhưng rồi, chắc chắn, các nhà khoa học bắt đầu nghĩ: Nếu có hố đen thì hẳn phải có cả hố trắng nữa. Nếu mọi thứ tiếp tục biến mất vào trong hố đen thì một ngày kia mọi thứ sẽ tan biến hết. Nhưng mỗi ngày đều có những ngôi sao mới được sinh ra – chúng tới từ đâu? Một giả định, một giả thuyết, là cho dù chúng tới từ nơi nào, nơi đó được gọi là hố trắng.

Theo tôi hiểu thì hố đen và hố trắng chỉ là hai mặt của cùng một hiện tượng, chúng không tách rời. Nó chỉ như một cánh cửa: Bạn có thể đi vào, bạn có thể đi ra. Ở một mặt của cánh cửa có chữ "Đẩy vào" và ở mặt kia là chữ "Kéo ra".

Hố đen có tính phá hủy, nó là cái chết. Không chỉ bạn trở nên mệt mỏi và già yếu mà giờ đây họ nói rằng thậm chí cả kim loại cũng trở nên mệt mỏi; thậm chí cả máy móc, làm việc 24 giờ một ngày là quá nhiều. Bạn đang tạo ra quá nhiều căng thẳng cho kim loại. Nó cần được nghỉ ngơi chút ít để hồi phục; nếu không, sớm thôi nó cũng sẽ không vận hành được nữa. Ngay cả máy móc cũng trở nên già yếu giống như con người.

Các ngôi sao cũng trở nên già yếu y như mọi thứ khác. Khi một ngôi sao hay một hành tinh trở nên quá già và không thể tự duy trì được nữa, nó biến mất vào hố đen. Cái chết của nó đã đến. Đó là sự phá hủy. Chức năng của hố đen là làm tan rã tất cả các thành phần của hành tinh hay ngôi sao – trả chúng về hình thái nguyên gốc.

Hình thái nguyên gốc là điện, năng lượng, cho nên vật chất tan ra thành năng lượng. Không thể nhìn thấy năng lượng, bạn không thể thấy nó. Bạn đã bao giờ nhìn thấy điện chưa? Bạn đã nhìn thấy sản phẩm phụ của điện, như bóng đèn, nhưng bạn chưa bao giờ nhìn thấy điện. Khi nó chạy qua một dây điện, bạn có nhìn thấy gì không? Và nếu bóng đèn bị tháo đi, điện vẫn ở đó nhưng bạn có thấy nó không?

Không thể nhìn thấy năng lượng. Năng lượng là vô hình, cho nên khi một ngôi sao hoặc một hành tinh khổng lồ trở lại cội nguồn nguyên thủy, nó trở thành năng lượng thuần khiết. Đó là lí do tại sao bạn không thể thấy nó, nó đã tan biến. Có lẽ đã đến lúc cần có một kì nghỉ dài. Và một khi đã nghỉ ngơi xong thì những thành phần căn bản có thể một lần nữa liên hợp cùng nhau, một lần nữa hình thành một thân thể mới và bước ra vũ trụ từ phía bên kia của hố đen – tức là hố trắng.

Điều này thật trọng đại. Nó nghĩa là vũ trụ đang không ngừng làm mới chính mình giống như cách mọi cá nhân sinh ra, già đi, qua đời và rồi ở nơi nào đó khác lại được sinh ra trong một hình dạng mới, tươi tắn, trẻ trung. Đây là quá trình cải lão hoàn đồng.

Bản thân hiện hữu ngập tràn không gian. Với chúng ta thì không gian trông như trống không, nhưng nó không trống không, nó là tiềm năng cho mọi thứ xảy ra. Mọi thứ đi ra từ nó – làm sao bạn có thể bảo nó là trống không được? Làm sao bạn có thể bảo tử cung người mẹ là trống không được? Nó có tiềm năng sinh ra sự sống. Nó có vẻ trống không bởi vì tiềm năng của nó vẫn chưa chuyển hóa thành hiện thực.

Đức Phật là người đầu tiên dùng từ tính không với hàm nghĩa là sự rộng rãi, không gian vô hạn. Mọi thứ chỉ là một hình dạng, còn cái tạo ra hình dạng thì vô hình. Chỉ có hình dạng là hữu hình, năng lượng làm ra nó là vô hình.

Môn sinh Thiền không ngừng thiền định về tính không của hiện hữu, về sự rộng rãi của hiện hữu. Tất cả hình dạng đều trống không, không hình dạng nào có cái tôi. Chỉ hiện hữu mới có cái tôi. Tất cả những thứ khác chỉ là những giấc mơ kéo dài một số năm – và trong sự vĩnh cửu của thời gian, "một số năm" không phải là cái gì nhiều để mà khoe khoang; chúng hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì. Thiền nhân cứ tiếp tục không ngừng nhận ra bản chất và hương vị của cái không.

Một ngày kia anh ta hiểu ra rằng mọi sự vật hiện tượng xuất hiện thì sẽ biến mất – hôm nay nó tồn tại, ngày mai nó có thể ra đi – chẳng có gì là vĩnh cửu. Và nếu thứ gì đó không phải là vĩnh cửu thì nó không phải là thật.

Nếu bạn thấm sâu vào thiền định này, toàn bộ cuộc sống của bạn sẽ thay đổi. Cơn giận tới và bạn biết rằng nó chỉ là một hình dạng của năng lượng, bạn không chú ý đến người làm bạn giận dữ. Thiền nhân dành toàn bộ chú ý cho cơn giận. Hình dạng biến mất

và năng lượng chứa đựng trong hình dạng bị thiền nhân hấp thụ.

Khi mọi thứ tiếp tục tan biến – nỗi buồn, căng thẳng, bất hạnh, khốn khổ – bạn tiếp tục trở nên càng lúc càng mạnh hơn, bởi vì mọi thứ đang trở lại dạng năng lượng. Ở trạng thái này, hãy cố gắng thấu hiểu giai thoại.

Cuộc đối thoại thứ hai:

Thầy Thủy Lão hỏi Mã Tổ: "Ý nghĩa thực sự của việc tới từ phương Tây là gì?"

Mã Tổ bèn đánh ngã ông bằng một cú đá vào ngực: Thủy Lão đạt đại ngộ. Ông ngồi dậy, vỗ tay, cười lớn và nói: "Thật phi thường! Thật kì diệu! Ngay tức thì, chỉ bằng đỉnh sợi tóc, ta đã thấu hiểu cội nguồn gốc rễ trăm ngàn trạng thái của sự tập trung cùng vô số ý nghĩa tinh tế." Rồi ông vái lạy và lui ra.

Sau này, ông nói với tăng chúng: "Từ lúc bị Mã Tổ đạp cho một đạp đến nay, ta cứ cười mãi không thôi."

Cơn mưa đột ngột trút xuống sau những ngày khô hạn kéo dài có thể đem lại niềm vui sướng tột cùng... không chỉ đối với mặt đất vốn đang khao khát, chờ đợi nó, mà còn với cây cối và tất cả mọi người. Những kinh nghiệm nhỏ bé ấy có thể giải phóng trong bạn kinh nghiệm tối thượng... vẻ đẹp của chúng, sự huy hoàng, không thể trông đợi, không thể đoán trước. Đột nhiên bạn bị bao vây bởi sự bình an lớn lao, sự im lặng – nhưng không trống không, mà đầy những bài ca và vũ điệu, toàn thể hiện hữu hân hoan.

Khi một người đi sâu hơn trên con đường, khi một người giải phóng bản thân khỏi nhà tù tâm trí của chính người đó, những kinh nghiệm bình thường bắt đầu có những màu sắc phi thường. Một bông hoa bình thường khi được ngắm nhìn trong im lặng có thể trở thành một kinh nghiệm tuyệt diệu. Thật kì diệu làm sao khi một bông hoa bé nhỏ có thể tồn tại với những màu sắc đẹp đẽ đến thế, với một chút hương thơm của riêng nó, một cá tính của riêng nó. Triết gia vĩ đại nhất không thể thăm dò được ý nghĩa của bông hoa nhỏ bé nhất.

Nhưng nhà huyền môn không phải triết gia; ông ấy không bận tâm đến việc thăm dò ý nghĩa, đo lường ý nghĩa, hay việc suy nghĩ. Ông ấy chỉ tận hưởng chúng. Khi trời mưa, ông ấy nhảy múa, ông ấy nắm chặt tay cơn mưa. Khi cây cối hân hoan, tươi mới, ông ấy bắt đầu cảm thấy cùng sự tươi mới đó. Chỉ cần một điều thôi, và đó là tặng phẩm của câu chuyện nhỏ này... hãy giải

phóng.

Mẩu đối thoại nhỏ này nhằm truyền tải một điều đơn giản tới bạn: Bạn là nhà tù, bạn là tù nhân, và bạn là người đã giam cầm bạn. Bạn đang chơi một trò chơi với chính mình. Một phần của bạn vận hành như cai ngục, một phần khác vận hành như ngục tù, và cốt lõi sâu bên trong bạn bị hai phần này giày vò. Bạn trở thành tù nhân, chẳng có người nào khác biến bạn thành tù nhân.

Sẽ là một đại họa nếu ý thức con người bị người khác giam cầm. Thế thì tự do sẽ không nằm trong tay bạn, thế thì tự do sẽ nằm trong tay người khác. Thật kì diệu khi chính bạn là người đang giam cầm bản thể của mình; cho nên, việc giải phóng có thể xảy ra ngay tức khắc. Vấn đề chỉ là cần một chút thấu hiểu, một chút thông minh.

Nhiều trí thức trên thế giới, những người đã nhận thức về Thiền trong thế kỉ qua, ban đầu chỉ cười vào sự điên khùng của những người này, bởi vì nó chẳng có ý nghĩa gì với tâm trí lí luận của họ. Ai đó đánh bạn và bạn trở nên chứng ngộ... tâm trí không thể tin nổi. Dường như chẳng có lí do gì để một cú đánh nào đó có thể phá hủy tất cả sự ngu ngốc của bạn.

Thậm chí ngày nay, Thiền đang được nghiên cứu ở phương Tây trên một quy mô rộng lớn; nó trở thành một trong những hiện tượng phổ quát. Nhưng chính ý tưởng nghiên cứu nó lại chống lại nó, bạn không thể nghiên cứu Thiền. Bạn có thể có nó, nhưng không thể lấy nó từ ai đó khác. Và lí do đơn giản là bạn đã có nó rồi. Vấn đề chỉ là bạn hay quên. Sẽ có ích nếu có ai đó nhắc cho bạn. Có lẽ trong cuộc đời mỗi người đều có những khoảnh khắc bạn nhận ra bạn đã biết một cái tên nào đó, một người nào đó, một khuôn mặt nào đó. Trong tất cả các ngôn ngữ đều tồn tại cách diễn đạt điều mà mình biết nhưng không thể nhớ ra.

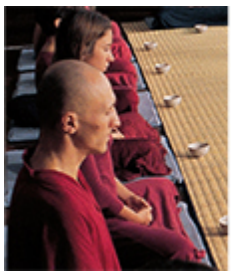

Thế thì ai đang ngăn cản bạn? Sao bạn không nói ra? Bạn biết rõ rằng nó ở đấy, nhưng nó cần sự giải phóng, và có lẽ một cú đánh có thể làm điều đó. Bạn chỉ quên thôi – có lẽ một cú đánh tốt sẽ giúp bạn quên đi việc nhớ ra nó, bởi vì nỗ lực nhớ ra một điều làm tâm trí bạn căng thẳng, và bạn càng cố nhớ, bạn càng trở nên căng thẳng.

Căng thẳng nghĩa là tâm trí bị thu hẹp. Nó trở nên hẹp đến nỗi không gì có thể đi qua nó. Một cú đánh tốt sẽ khiến tâm trí mở ra... bởi vì bạn đã quên rằng bạn đang cố nhớ ra điều gì đó, và đột nhiên điều bạn không thể nhớ ra không còn là bí mật nữa; giờ đây bạn biết nó hoàn toàn rõ ràng. Một điều giống như thế này đã xảy ra trong sự truyền đạt ở cấp độ cao hơn và sâu hơn.

Nhưng Thiền không phải để nghiên cứu. Không có cách nào biến nó thành chủ đề nghiên cứu ở các trường đại học, điều đó là ngu xuẩn.

Không có cách nào tìm được người có nó mà có thể trao nó cho bạn. Không phải những người có nó thì keo kiệt hoặc không hào phóng mà trái lại, họ là những người hào phóng nhất; nếu họ có thể trao nó cho bạn thì họ sẽ không bận tâm xem bạn muốn hay không, họ sẽ trao nó cho bạn.

Nhưng bản chất của kinh nghiệm này là nó không tới từ bên ngoài, nó xảy ra bên trong bạn. Những người đã trải nghiệm nó không ngừng tìm kiếm cách tạo ra một hoàn cảnh xung quanh bạn để có thể đánh thức điều đang ngủ say. Một khi bạn thấu hiểu nó, Thiền sẽ không còn có vẻ điên rồ nữa; nó sẽ không còn có vẻ phi lí nữa. Nó sẽ có vẻ siêu hợp lí – vượt quá khả năng của tâm trí.

Người Hindu giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo đã tạo ra một hoàn cảnh khó khăn cho hàng triệu người. Họ đã trao cho người ta ý niệm một đấng cứu thế sẽ giao nó cho bạn, một sứ giả sẽ giao nó cho bạn; tất cả những gì bạn phải làm là tin tưởng và chờ đợi. Jesus sẽ chuộc lỗi cho bạn, không thì Mohammed hoặc Krishna.

Điều tôi muốn chỉ ra thật rõ ràng là ý tưởng một người khác, không quan trọng là ai – Jesus, Moses, Krishna hay Mohammed – ý tưởng một người khác sẽ làm nó thay bạn là hoàn toàn sai. Nhưng ý tưởng này đã thắng thế và chấp nhận nó là một việc thật dễ dàng, để nó giam cầm là một việc thật đơn giản bởi vì người khác đang phải nhận trách nhiệm.

Trong thế giới này, người ta sẵn sàng trao trách nhiệm cho người khác. Họ nghĩ rằng bằng cách giao trách nhiệm đi họ được tự do, không còn gánh nặng. Họ hoàn toàn sai. Trách nhiệm chính là tự do, và khoảnh khắc bạn giao trách nhiệm cho người khác, bạn cũng giao luôn cả tự do của mình.

Giờ đây hai ngàn năm đã trôi qua và người Thiên Chúa giáo đang chờ đợi vị cứu tinh đến. Tôi nói cho bạn biết, ông ta không bao giờ đến đâu, vì một lí do đơn giản là ông ta không thể thực hiện điều mà ông ta đã hứa. Krishna đã hứa rằng ông ấy sẽ đến, nhưng thật kì lạ là không ai tự hỏi xem tại sao những người này không chuộc lỗi cho nhân loại khi họ còn ở đây. Việc gì phải trì hoãn tới tương lai, cho lần tiếp theo họ đến?

Con người hồi đó khốn khổ khác gì bây giờ, vô minh khác gì bây giờ, vậy lí do gì họ còn phải trì hoãn? Jesus lẽ ra có thể chuộc lỗi cho cả thế giới, Krishna lẽ ra có thể khai sáng cho tất cả mọi người. Nhưng nó là một trò chơi tinh vi: Họ nhận trách nhiệm và giúp cho bạn mãi là một tù nhân cho đến khi họ quay trở lại. Cứ cầu nguyện tiếp đi... một ngày kia ông ấy sẽ đến.

Điều này lấy đi không chỉ trách nhiệm mà còn cả tự do của bạn. Nó đã lấy đi tính cá nhân và sự độc nhất vô nhị của bạn.

Tôi yêu Đức Phật vì một lí do đơn giản là ông là người đầu tiên trong lịch sử dài của nhân loại đã từ chối nhận trách nhiệm chuộc lỗi cho ai đó. Ông dường như là người dũng cảm nhất – bởi vì rất dễ thu thập môn đồ nếu bạn nhận trách nhiệm. Nhưng thay vì nhận trách nhiệm, ông nói rằng không có cách nào để người khác chuộc lỗi cho bạn.

Hãy để nó chìm sâu vào trái tim bạn. Chỉ bạn có khả năng thức tỉnh, bởi vì chỉ bạn có khả năng ngủ. Không ai khác có thể ngủ thay bạn, vậy làm sao họ lại có thể thức dậy thay bạn được? Tất cả những ai hứa chuộc lỗi cho bạn đều hạ bạn xuống thành một cái gì đó thấp hơn con người. Jesus tự gọi mình là người chăn cừu rồi gọi mọi người là cừu và đôi khi tôi tự hỏi tại sao không một người nào đứng lên và nói: “Đây là điều rất xúc phạm.” Không phải con

người không cảm thấy điều đó, nhưng nó quá rẻ, và "thằng cha này đang nhận hết trách nhiệm, vậy là tốt – cho nên chúng ta không cần bận tâm về nó. Chúng ta có thể quanh quẩn trong những chuyện tầm phào của mình còn hắn sẽ lo cho tâm linh của chúng ta". Nó là một cơ hội tốt để tống khứ toàn bộ công việc. Có vẻ gây tổn thương khi nói vậy, nhưng tôi không thể nói gì đó không thật. Tất cả những người này cư xử như những nhà buôn, họ quan tâm đến việc có thêm nhiều thật là nhiều khách hàng.

Đức Phật dường như là người duy nhất không quan tâm đến việc có môn đồ, không quan tâm đến việc là người chăn cừu, không quan tâm đến việc hạ con người xuống thành con cừu. Trái lại, cả đời ông nhấn mạnh chỉ một điều: Bạn giống như tôi, sự khác biệt là rất nhỏ. Ngày trước tôi đã ngủ, hôm nay tôi đã thức dậy. Hôm nay bạn đang ngủ, ngày mai bạn có thể thức dậy – và nếu bạn thông minh, bạn có thể thức dậy ngay khoảnh khắc này.

Đức Phật, thay vì nói về những điều vô nghĩa mang tính giả thuyết, lại đương đầu trực tiếp với vấn đề mang tính hiện sinh: Vấn đề là sự giải phóng của bạn. Và vấn đề này đơn giản bởi vì sự giải phóng nằm chính trong tay bạn: Bạn chỉ quên mất mình là ai. Nếu nói cho bạn biết bạn là ai, bạn sẽ không hiểu, và việc này nguy hiểm ở chỗ nếu nói cho bạn biết bạn là ai, bạn có thể trở thành con vẹt. Ở Ấn Độ, bạn sẽ thấy cả đất nước đầy những vẹt. Mọi người đang nói về linh hồn, chứng ngộ, thức tỉnh, niết bàn. Tất cả bọn họ lặp lại những câu đẹp đẽ trong kinh sách. Đức Phật không muốn biến bạn thành con vẹt; cho nên, ông nói không có cách nào trao cho bạn chân lí vì lí do đơn giản là bạn có nó sẵn rồi.

Vì vậy, điều có thể làm được là bằng cách nào đó tạo ra những tình huống để đánh thức bạn dậy, và nếu cần thiết, cho bạn một cái tát thật đau vào đúng thời điểm. Không phải ai tát cũng được mà chỉ bậc thầy thôi – và chỉ đệ tử đã tu tập nhiều năm, hay có khi nhiều kiếp, đã đi tới một điểm nằm ngay trên ranh giới, nơi chỉ cần một cú đẩy nhẹ... là anh ta tới bờ bên kia. Cho nên có những kỉ luật trong Phật giáo, nhưng những kỉ luật đó sẽ không cho bạn chân lí. Chúng sẽ chỉ mang bạn đến một điểm mà từ đó một bậc thầy sáng suốt và giàu lòng trắc ẩn nào đó có thể tạo ra một phương sách giải phóng bạn.

Bạn đã bao giờ nhìn lũ chim non chưa? Chúng thấy cha mẹ mình bay khắp xung quanh, và chúng cũng vỗ cánh. Nhưng chúng sợ – hiển nhiên, bởi vì chúng chưa bao giờ bay – và chúng không thể tin rằng việc đi khỏi cái tổ ấm cúng của mình là an toàn.

Bầu trời rộng lớn và việc chưa bao giờ bay làm chúng sợ – mặc dù chúng có khả năng bay, chúng có đôi cánh, và chúng sẽ vui sướng bay giữa bầu trời dưới ánh mặt trời ấm áp.

Cuối cùng cha mẹ của lũ chim non đó đẩy chúng. Đó là phương sách – đó là phương sách Thiền. Nhưng cha mẹ phải đợi đến khi cánh của các con đủ cứng cáp, chúng làm nhiều điều mà tôi thấy dường như đích xác là những gì Thiền sư làm cho đệ tử. Chim mẹ sẽ bay phía trước các con, thể hiện rằng nếu mẹ bay được thì sao con lại không? Chim non đập cánh để thu lấy tự tin, để làm quen với thực tế là chúng cũng có đôi cánh – đúng thế!

Nhưng để thực hiện cú nhảy... Chúng tới tận rìa của tổ chim. Chúng cân nhắc lợi và hại. Có một khao khát mãnh liệt được thực hiện cú nhảy, nhưng cũng có cả nỗi sợ hãi bởi vì chúng đang đi vào cái không biết. Ai mà biết được – chúng có thể rơi xuống đất và ra đi. Chim mẹ sang một cây khác, và từ đó nó bắt đầu gọi con: Nào các con! Không cưỡng lại được. Lũ chim non cố gắng, nhưng ranh giới vô hình nào đó ngăn cản chúng.

Khi bố mẹ thấy các con đã hoàn toàn đủ khả năng và chỉ có nỗi sợ hãi đang ngăn cản chúng, một hôm, không báo trước, đột ngột – một cú đẩy Thiền!

Tất nhiên, ban đầu chúng đập cánh loạn xa, nhưng giờ đây chúng biết rằng dù đang không bay được một cách đúng nghĩa, nhưng chúng có thể giữ mình trên không trung. Thế rồi chim mẹ bắt đầu gọi chúng từ những cây khác. Đầu tiên chúng sang những cây ở gần, rồi chúng bắt đầu đi tới những cây ở xa hơn, và một ngày kia chúng vĩnh viễn đi vào vô tận; chúng không bao giờ quay lại. Khi đó, cả bầu trời trở thành của chúng.

Tôi đã luôn nghĩ rằng các phương sách truyền đạt của Thiền hẳn phải tới từ những nguồn cội này. Các Thiền viện nằm trong rừng, và bậc thầy thiên tài nào đó có lẽ đã nhìn thấy tình huống một con chim bị đẩy. Không có logic trong việc này, bạn không thể thuyết phục một con chim bằng trí tuệ, và một cú đẩy thì không hề lí trí. Về nguyên tắc, nó là sự chứng ngộ tức thì. Trong thực tiễn, con chim nhỏ phải phát triển đôi cánh khỏe mạnh, chờ đến đúng thời điểm, và phải dưới sự bảo vệ của đúng bậc thầy. Mọi sự hấp tấp có thể là tai hại.

Nếu ai đó được đánh thức trước thời điểm chín muồi, trước khi anh ta đủ trưởng thành, sự chứng ngộ đó có thể nguy hiểm. Anh ta có thể không sống sót nổi, nó có thể vượt quá sức chịu đựng của

anh ta. Anh ta vẫn chưa thể kiềm chế nó, hấp thụ nó, thưởng thức nó.

Giới trí thức trên khắp thế giới đã hỏi: "Nếu là tức thì, thế thì tại sao nó không xảy ra với chúng tôi? Thế thì tại sao ai đó phải hành thiền nhiều năm?" Họ đã không hiểu rằng về nguyên tắc, nó là tức thì. Khi nó xảy ra, nó xảy ra tức thì – nhưng trước khi điều đó xảy ra, cần một sự trưởng thành nhất định. Điều đó nghĩa là về bản chất, chứng ngộ là tức thì, nhưng sự chuẩn bị cho nó là dần dần.

Dần dần và tức thì không nhất thiết trái ngược với nhau, dần dần đó có thể là sự chuẩn bị cho tức thì. Cả hai có thể là một phần của một quá trình tổng hòa. Nó mất thời gian, những khoảng thời gian khác nhau cho những người khác nhau. Tùy theo tình yêu của họ, tùy theo sự tin cậy của họ, tùy theo khao khát của họ, tùy theo đam mê của họ, tùy theo sự sẵn sàng mạo hiểm tất cả của họ, mà yếu tố thời gian sẽ khác đi.

Khi một người đến gặp một bậc thầy, người đó có nhiều rác rưởi đến mức bậc thầy phải gỡ bỏ dần dần, bởi vì với ông nó là rác, nhưng với đệ tử nó là tri thức. Với bậc thầy nó là xiềng xích; với đệ tử, đấy là đồ trang sức. Cho nên mất thời gian... bậc thầy ném rác đi và đệ tử nhặt nó lại, giấu nó ở những chỗ sâu hơn để bậc thầy không thể với tới, cho đến khi đệ tử nhận ra rằng bậc thầy và đệ tử đứng ở cùng một nơi. Khi đó thì bất kể cái gì cũng sẽ có tác dụng, thậm chí là một cú đẩy nhẹ... Cho nên bạn phải tỉnh táo và nhận biết – không phải nhận biết cái gì đặc biệt hay đối tượng nào cả, mà chỉ tỉnh táo thôi, như thể có điều gì đó lớn lao sắp xảy đến và bạn không biết nó là gì. Như thể một vị khách vĩ đại sắp viếng thăm và bạn đang đứng chờ ở cửa. Bạn không biết ai đang đến... bạn không biết liệu ông ấy có đến hay không. Bạn không có sự xác nhận nào – nhưng hãy thật tỉnh táo, bạn đang đứng ở cửa. Một sự nhận biết thuần khiết...

Thầy Thủy Lão hỏi Mã Tổ: "Ý nghĩa thực sự của việc tới từ phương Tây là gì?" Đây là một cách đặt câu hỏi đặc biệt: "Ý nghĩa thực sự của việc Bồ Đề Đạt Ma tới từ phương Tây là gì?", bởi vì với Trung Hoa, Ấn Độ là phía Tây. "Có lí do đặc biệt gì để Bồ Đề Đạt Ma phải đến Trung Hoa?" Nói cách khác, câu hỏi là: "Ông đến để chuyển giao điều gì?" Ông mất ba năm để đi xa đến thế, và mất chín năm để chuyển giao nó. Nó là gì?

Mã Tổ bèn đánh ngã ông bằng một cú đá vào ngực: Thủy Lão đạt đại ngộ. Ông ngồi dậy, vỗ tay, cười lớn và nói: "Thật phi thường! Thật kì diệu! Ngay tức thì, chỉ bằng đỉnh sợi tóc, ta đã thấu hiểu cội nguồn

gốc rễ trăm ngàn trạng thái của sự tập trung cùng vô số ý nghĩa tinh tế." Rồi ông vái lạy và lui ra.

Sau này, ông nói với tăng chúng: "Từ lúc bị Mã Tổ đạp cho một đạp đến nay, ta cứ cười mãi không thôi."

Hãy nhớ rằng thầy Thủy Lão không phải một đệ tử bình thường; ông đã được thừa nhận là một bậc thầy lớn, tuy nhiên ông chỉ là một nhà giáo lớn. Nhưng sự khác biệt nhỏ đến mức chỉ những ai đã vượt khỏi bậc thầy và nhà giáo mới có thể biết được. Bản thân ông được biết đến như một bậc thầy... và ông không chỉ là một nhà giáo; ông đã dần dần đi ngày một gần hơn tới chỗ là một bậc thầy, nhưng ông cần một cú đẩy cuối cùng. Ông đang đập đôi cánh của mình... ông đang chờ đợi, nhưng ở rìa của việc bay lên bầu trời.

Bậc thầy ở đó không chỉ để dạy bạn những học thuyết, ông ấy ở đó để giải phóng bạn khỏi nhà tù mà tự bản thân bạn đã tạo ra.

Thầy Thủy Lão hỏi Mã Tổ... Mã Tổ là một trong những Thiền sư kì lạ nhất trong số những Thiền sư kì lạ. Thủy Lão đang hỏi một câu hỏi đơn giản: "Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa? Ông phải thực hiện sự chuyển giao đặc biệt gì?"

Mã Tổ bèn đánh ngã ông bằng một cú đá vào ngực: Thủy Lão đạt đại ngộ.

Giờ đây những tình tiết như thế này làm cho giới trí thức bối rối. Chuyện gì đã xảy ra? Mã Tổ cho ông ta thấy rằng Bồ Đề Đạt Ma đến để giết chết bản ngã của bạn, để giải phóng bạn khỏi nỗi sợ cái chết. Ông đạp vào ngực ông ta, khiến ông ta ngã xuống. Quá kì lạ và bất thình lình, không lường trước được. Ông ta hỏi một câu hỏi đơn giản, một câu hỏi thông thường; bất cứ người trí thức nào cũng có thể giải thích tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa – để truyền bá Phật giáo, truyền bá thông điệp của bậc thầy vĩ đại.

Không ai có thể nghĩ rằng Mã Tổ sẽ làm điều này với người hỏi đáng thương, nhưng nó dường như chỉ đột ngột và không đoán trước được với chúng ta; Mã Tổ hẳn có thể thấy sự chín muồi của người này, sự trưởng thành của người này... ông ấy chỉ cần một cú đẩy nhẹ, cho nên không nên bỏ lỡ khoảnh khắc này. Việc đá vào ngực ông ấy làm ông ấy ngã xuống có lẽ đã hoàn toàn dừng sự vận hành của tâm trí ông ấy, bởi vì nó đột ngột và quá kì lạ. Trong sự dừng lại đó của tâm trí là sự giải phóng. Đột nhiên con ngỗng đã ở

ngoài rồi! Thủy Lão đã chứng ngộ.

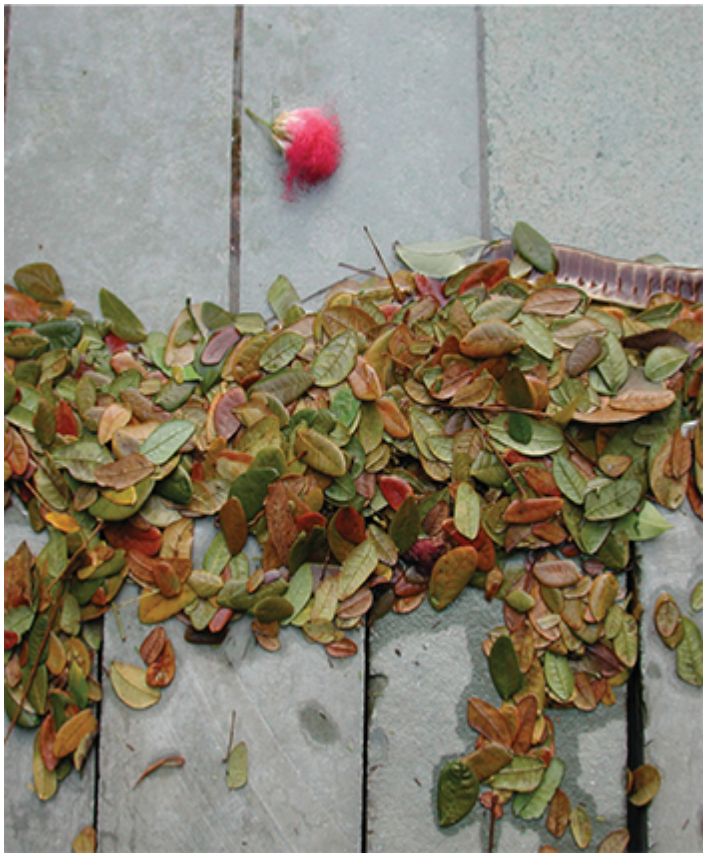

Ông ngồi dậy, vỗ tay, cười lớn và nói: "Thật phi thường! Thật kì diệu! Ngay tức thì, chỉ bằng đỉnh sợi tóc, ta đã thấu hiểu cội nguồn gốc rễ trăm ngàn trạng thái của sự tập trung cùng vô số ý nghĩa tinh tế." Rồi ông vái lạy – với sự kính trọng sâu sắc – và lui ra. Sau này, ông nói với tăng chúng – ông đã trở thành một bậc thầy lớn – "Từ lúc bị Mã Tổ đạp cho một đạp đến nay, ta cứ cười mãi không thôi."

Làm sao một người có thể cười mãi không thôi? Sự việc lớn lao này quá tức cười!

Giống như một con chó vào một sớm mùa đông nắng ấm ngồi im lặng nhìn cái đuôi của mình và thích thú với việc bắt nó. Con chó cố gắng bằng nhiều cách, và nó càng cố gắng thì càng bị thách thức, bởi vì cái đuôi nhảy ngay lập tức. Nó nhảy càng nhanh, cái đuôi nhảy càng nhanh – và khoảng cách vẫn nguyên như cũ. Đứng bên cạnh, bạn sẽ cười: "Con chó ngốc này! Cái đuôi là của nó, không cần phải bắt đuôi làm gì cả – và chẳng có cách nào..."

Sự chứng ngộ của bạn thuộc về bạn, không cần phải tìm hay kiếm. Bạn là nó. Nó không phải một thành tựu, nó chỉ là một sự nhận ra – cho nên có tiếng cười.

Một cách tự nhiên, những người không quen thuộc với truyền thống Thiền sẽ bị sốc bởi hành xử ấy. Nếu tôi đột nhiên gõ vào đầu ai đó ở đây ngay bây giờ, liệu bạn có hiểu không? Bạn sẽ nghĩ: "Người này điên rồi." Bạn sẽ nghĩ: "Chúng ta đều đã biết ông ta bị điên, giờ đây ông ta đã đi quá mọi giới hạn."

Nhưng những người không có sự cộng hưởng sâu sắc với Thiền sẽ không thể hiểu được – người Hindu giáo hay Hồi giáo hay Thiên chúa giáo hay Do Thái giáo – bởi vì chẳng có gì giống như thế trong toàn bộ lịch sử của họ. Lịch sử của họ chỉ là những bài thể dục trí óc.

Thiền mang tính hiện sinh tuyệt đối. Bậc thầy ở đó không chỉ để dạy bạn những học thuyết, ông ấy ở đó để giải phóng bạn khỏi nhà tù mà tự bản thân bạn đã làm ra. Bất kể phương thức nào, dù là tùy hứng, chỉ cần thích hợp thì ông ấy sẽ không lo lắng về việc người ta nghĩ gì về chúng; ông ấy sẽ sử dụng chúng.

Chẳng có bản thể nào giàu lòng trắc ẩn hơn các Thiền sư. Mã Tổ có lòng trắc ẩn lớn lao, nếu không thì ai quan tâm? – ông ấy chỉ cần trả lời câu hỏi và toàn thể câu chuyện sẽ trôi qua. Ông ấy đã quá nỗ lực, đánh người kia, khiến ông ta ngã xuống...

Và không chỉ Mã Tổ là người giàu lòng trắc ẩn: Thủy Lão cũng biết sự thấu hiểu phi thường. Nếu nó xảy ra cho ai đó chưa sẵn sàng, ông ta hẳn sẽ bắt đầu chiến đấu hoặc giận dữ và nói: "Thật lố bịch! Tôi đang đặt một câu hỏi mà ông lại đánh tôi." Nhưng ông nhận cú đánh theo cách Ma Ha Ca Diếp đã nhận bông hoa sen từ Đức Phật – đẹp hơn: "*Thật phi thường! Thật kì diệu!" – và với sự tôn kính lớn lao – ông vái lạy và lui ra.*

Không có câu hỏi nào khác... mọi thứ đã được giải quyết. Ông đã được đá văng khỏi tổ, giờ đây đôi cánh của ông mở ra giữa bầu

trời.

Phần tám
BÍ ẨN CỦA CÔNG ÁN

...công án con ngỗng ở trong chai. "Giả sử một người bỏ con ngỗng con vào trong một cái chai và nuôi nó cho đến khi nó lớn hoàn toàn thì làm sao người đó lấy được con ngỗng ra mà không giết nó hoặc làm vỡ chai?"

NHỮNG CÂU ĐỐ KHÔNG LỜI GIẢI

Chức năng của công án chính là làm cho tâm trí bạn mệt mỏi đến mức bỏ cuộc. Nếu có câu trả lời, tâm trí sẽ tìm ra. Chẳng quan trọng là bạn thông minh hay không thông minh – không loại thông minh nào có thể tìm ra câu trả lời.

Thiền không phải một tôn giáo, không phải một tín điều, không phải một tín ngưỡng; Thiền thậm chí không phải một cuộc tìm kiếm, một cuộc điều tra; nó là phi triết học. Nền tảng tiếp cận của Thiền là tất cả đều đã đúng như nó phải thế, không thiếu gì hết. Trong chính khoảnh khắc này mọi thứ là hoàn hảo. Đích đến không ở đâu khác; nó là ở đây, nó là bây giờ. Ngày mai không tồn tại. Chính khoảnh khắc này là thực tại duy nhất. Cho nên, trong Thiền không có phân biệt giữa phương thức và mục tiêu, biện pháp và mục đích.

Mọi triết lí và tôn giáo trên thế giới đều tạo ra nhị nguyên; dù họ có thể tiếp tục nói về phi nhị nguyên thế nào đi nữa, họ vẫn tạo ra một nhân cách bị phân tách.

Đó là tai họa lớn nhất xảy đến cho nhân loại: Tất cả những người thích làm điều tốt cho người khác đã tạo ra chứng tâm thần phân liệt ở con người. Khi bạn phân chia thực tại thành biện pháp và mục tiêu, bạn phân chia cả nhân loại; bởi vì đối với con người, thực tại gần nhất là chính họ.

Ý thức của một cá nhân trở nên bị phân tách. Anh ta sống ở đây nhưng không hẳn; anh ta luôn luôn ở kia, nơi nào đó khác. Anh ta luôn luôn tìm kiếm, luôn luôn truy vấn; không bao giờ sống, không bao giờ hiện hữu. Luôn luôn làm – trở nên giàu hơn, quyền lực hơn, tâm linh hơn, thiêng liêng hơn, thần thánh hơn – luôn luôn hơn và hơn nữa. Ham muốn thêm nữa không dứt này tạo ra căng thẳng, đau khổ; trong khi đó, anh ta đánh mất tất cả những gì mà hiện hữu tạo ra cho anh ta. Anh ta quan tâm đến cái xa xôi, tuy nhiên Thượng Đế lại ở ngay gần. Mắt anh ta tập trung vào những vì sao, nhưng Thượng Đế lại ở bên trong anh ta.

Để tôi kể cho bạn nghe câu chuyện về cách bắt đầu của một trong những công án Thiền nổi tiếng nhất:

Đại phu Lục Hoàn từng đề nghị Thiền sư kì lạ Nam Tuyền giải thích cho ông công án con ngỗng ở trong chai.

"Giả sử một người bỏ con ngỗng con vào trong một cái chai," Lục Hoàn nói, "và nuôi nó cho đến khi nó lớn hoàn toàn thì làm sao người đó lấy được con ngỗng ra mà không giết nó hoặc làm vỡ chai?"

Nam Tuyền vỗ tay thật lớn và hét: "Lục Hoàn!"

"Vâng, thưa thầy," đại phu nói với sự ngỡ ngàng.

"Nhìn xem," Nam Tuyền nói, "con ngỗng ở ngoài rồi!"

Mấu chốt chỉ là cách nhìn; mấu chốt chỉ là trở nên cảnh giác, tỉnh táo; mấu chốt chỉ là thức dậy. Con ngỗng ở trong chai nếu bạn ở trong mơ, con ngỗng không bao giờ ở trong chai nếu bạn thức. Và trong mơ không có cách nào lấy con ngỗng ra khỏi chai. Hoặc con ngỗng sẽ chết hoặc cái chai sẽ bị vỡ, và chọn một trong hai đều không được phép. Một con ngỗng lớn trong một cái chai nhỏ... Làm sao bạn lấy nó ra ngoài? Đây được gọi là một công án.

Công án không phải câu đố thông thường, nó không phải một câu đố bởi vì không thể giải đáp được nó. Một câu đố là thứ phải có khả năng giải đáp được, bạn chỉ phải tìm ra câu trả lời đúng. Bạn sẽ tìm ra nó – chỉ cần trí thông minh là có thể tìm ra câu trả lời cho câu đố, nhưng một câu đố thì không thể không có lời giải.

Công án không có lời giải; bạn không thể giải đáp được nó, bạn chỉ có thể hóa giải nó. Và con đường để hóa giải nó là thay đổi bình diện bản thể của bạn từ mơ sang tỉnh. Trong giấc mơ con ngỗng ở trong chai và không có cách nào mang nó ra khỏi chai mà không làm vỡ chai hoặc giết chết con ngỗng – trong giấc mơ. Cho nên, chừng nào còn là giấc mơ thì câu đố là bất khả thi; không thể làm gì được. Nhưng hãy nhớ rằng có một cách thoát ra mà không phải làm gì với câu đố. Bạn phải thức dậy. Chẳng phải làm gì với cái chai và cũng chẳng phải làm gì với con ngỗng. Bạn phải thức dậy. Có vài thứ phải làm với bạn. Đó là lí do Nam Tuyền không trả lời câu hỏi.

Lục Hoàn hỏi: "Giả sử một người bỏ con ngỗng con vào trong một cái chai và nuôi nó cho đến khi nó lớn hoàn toàn thì làm sao người đó lấy được con ngỗng ra mà không giết nó hoặc làm vỡ chai?"

Nam Tuyền không trả lời. Mặt khác, ông vỗ tay thật lớn và hét: "Lục Hoàn!"

Bây giờ, đây không phải câu trả lời cho câu hỏi – điều này hoàn toàn chẳng quan hệ gì đến câu hỏi – nó không liên quan, không tương thích. Nhưng nó giải đáp được câu đố; trên thực tế, nó hóa giải câu đố. Khoảnh khắc Nam Tuyền hét: "Lục Hoàn!", vị đại phu ngỡ ngàng nói: "Vâng, thưa thầy." Toàn bộ bình diện bản thể của ông được chuyển hóa bằng một chiến lược đơn giản.

Thiền sư không phải một nhà giáo; ông ấy không dạy bạn, ông ấy chỉ bày ra những phương thức đánh thức bạn dậy. Tiếng vỗ tay đó là một phương thức, tiếng vỗ tay đó mang Lục Hoàn vào trong hiện tại. Và nó quá bất ngờ... Khi bạn đang hỏi một công án tâm linh như thế, bạn không trông đợi bậc thầy trả lời bạn bằng một tiếng vỗ tay lớn rồi hét tên bạn.

Đột nhiên Lục Hoàn được mang ra khỏi quá khứ, ra khỏi tương lai. Đột nhiên trong một khoảnh khắc, ông quên luôn vấn đề. Cái chai ở đâu và con ngỗng ở đâu? Chỉ có bậc thầy, trong một dáng bộ lạ lùng, vỗ tay và hét tên Lục Hoàn. Đột nhiên vấn đề bị loại bỏ. Ông trượt ra khỏi vấn đề mà thậm chí không biết mình đã trượt ra khỏi nó. Ông trượt ra khỏi vấn đề như con rắn lột da. Trong tích tắc, thời gian ngừng lại. Trong tích tắc, đồng hồ ngừng chạy. Trong tích tắc, tâm trí dừng lại. Trong tích tắc, chẳng có gì hết. Bậc thầy, tiếng vỗ tay – và sự thức tỉnh đột ngột. Vào chính khoảnh khắc bậc thầy nói: "Nhìn đi! Nhìn xem đi, con ngỗng ở ngoài rồi!", nó được hóa giải.

Công án chỉ có thể được hóa giải chứ không thể được giải đáp. Một câu đố không thể được hóa giải nhưng có thể được giải đáp. Cho nên hãy nhớ rằng công án không phải một câu đố.

Khi những người đã quen với suy nghĩ liên tục, quen với lập luận logic, bắt đầu nghiên cứu Thiền, họ đã bước sai ngay từ đầu. Không thể nghiên cứu Thiền; phải sống theo nó, hấp thụ nó – nó là sự truyền đạt vượt khỏi ngôn từ, sự truyền đạt của nguồn sáng. Nguồn sáng là vô hình.

Khi bạn bước vào thế giới của Thiền, đó là vô trí. Thiền tương đương với vô trí. Nó không phải là sự tự do của tâm trí, nó là sự tự do khỏi tâm trí, và có rất nhiều khác biệt, khác biệt không thể nhầm lẫn. Tâm trí không tự do, bạn tự do khỏi tâm trí. Tâm trí không còn nữa, dù tự do hay không tự do; tâm trí đơn giản là ngừng lại. Bạn đã đi qua một cánh cửa mới vốn luôn luôn sẵn có cho bạn nhưng bạn chưa bao giờ gõ cửa – cánh cửa của bản thể, cánh cửa của vĩnh hằng.

Thiền, chính từ *thiền* xuất phát từ từ tiếng Phạn là *dhyana*. *Dhyana* nghĩa là "suy ngẫm" nhưng từ "suy ngẫm" không truyền tải đầy đủ ý nghĩa của nó. "Suy ngẫm" cho cảm tưởng rằng tâm trí đang làm gì đó: Tâm trí trầm ngâm, tập trung, quán tưởng, nhưng tâm trí ở đó. *Dhyana* nghĩa là trạng thái không có tâm trí – trên thực tế, không tập trung, không quán tưởng, không trầm ngâm – chỉ im lặng, một sự im lặng sâu sắc, uyên thâm mà ở đó tất cả suy nghĩ tan biến.

Không có gợn sóng trên mặt hồ ý thức; ý thức đang vận hành giống như tấm gương phản chiếu tất cả mọi thứ hiện hữu – những vì sao, cây cối, chim muông, con người, tất cả mọi thứ hiện hữu – chỉ phản chiếu mà không bóp méo, không diễn dịch, không mang vào định kiến nào.

Tâm trí của bạn là như thế: định kiến của bạn, ý thức hệ của bạn, tín điều của bạn, thói quen của bạn. Tâm trí không bao giờ có thể tự do. Tự do và tâm trí không bao giờ gặp nhau. Tâm trí nghĩa là ràng buộc, tâm trí là nhà tù. Trong tâm trí, bạn sống một cuộc sống bị đóng gói, bị bao vây bởi tất cả các loại ý nghĩ, học thuyết, hệ thống, triết lí, lịch sử nhân loại, tất cả các kiểu mê tín – Hindu giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Kỳ Na giáo, chính trị, xã hội, kinh tế, tôn giáo. Tâm trí bạn được làm bằng những viên gạch Kinh Thánh, kinh Koran, kinh Gita... Bạn có thể đã làm nhà tù của mình khác nhà tù của người khác, bạn có thể đã chọn một kiến trúc sư khác, nhưng nhà tù thì vẫn là nhà tù.

Kiến trúc sư có thể là Sigmund Freud, Albert Einstein – bạn có thể chọn: Nhà tù với đủ mọi hình dạng, kích thước và việc trang trí nội thất tùy thuộc vào bạn. Bạn có thể đem vào những bức tranh mĩ miều, bạn có thể trải thảm từ bức tường này qua bức tường kia, bạn có thể quét sơn theo những gì bạn thích và không thích. Bạn có thể có vài thay đổi ở đây và ở đó, một cửa sổ nằm bên trái hay bên phải, một tấm màn chất liệu này hay chất liệu kia. Nhưng nhà tù là nhà tù. Tâm trí giống như nhà tù và mọi người đang

sống trong tù. Trừ khi bạn thoát ra khỏi nhà tù, còn không thì bạn sẽ không bao giờ biết tự do là gì. Nhà tù của bạn có thể ấm cúng, thoải mái, tiện nghi; nó có thể được trang trí đẹp, dát vàng, khảm kim cương, và sẽ khó để rời bỏ nó. Bạn đã làm việc đầy chăm chỉ để tạo ra nó, sẽ không dễ dàng. Nhưng nhà tù là nhà tù, làm từ vàng hay từ bùn cũng không tạo ra khác biệt gì. Bạn sẽ không bao giờ biết cái vô hạn của tự do, bạn sẽ không bao giờ biết vẻ đẹp và sự tráng lệ của tự do, sự tráng lệ của bạn sẽ chết trong chai. Bạn sẽ không bao giờ biết rằng con ngỗng luôn luôn ở ngoài.

Phần chín
THIỀN Ở PHƯƠNG TÂY

Những người ở phương Tây từng viết về Thiền không biết được những hành giả Thiền đã nỗ lực như thế nào trước khi họ thư giãn. Phải làm rất nhiều thứ thì mới tới được một điểm có thể thư giãn. Và sự thư giãn đó không phải đến từ bạn – nó cứ thế xảy ra: Bởi vì toàn bộ năng lượng đã dịch chuyển, không có gì còn lại phía sau để mà hoạt động; chỉ có thể nghỉ ngơi.

MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI VỚI HIỆN HỮU

Người ta đang dịch sách Thiền, người ta đang bình luận sách Thiền, nhưng tất cả bình luận và bài nói của họ về Thiền đều là trí năng. Họ tìm kiếm thứ gì đó tươi mới, nhưng mặc dù họ tìm thấy ở Thiền những tri kiến mới mẻ, cách tiếp cận của họ vẫn là của phương Tây, cách tiếp cận của trí óc. Cách tiếp cận của họ vẫn theo kiểu Socrates, Aristotle1. Họ là những người đẹp đẽ, nhưng Thiền của họ chỉ là một hiện tượng của tâm trí; họ chưa trải nghiệm nó. Nó không phải chân lí của chính họ, họ đã vay mượn nó từ những nguồn khác.

Giới trí thức phương Tây đã quen thuộc với Thiền, thậm chí đã rơi vào tình yêu với Thiền, nhưng họ vẫn đang cố gắng tiếp cận Thiền từ tâm trí. Họ vẫn chưa thấu hiểu rằng Thiền chẳng liên quan gì đến tâm trí. Công việc lớn lao của nó là đưa bạn ra ngoài nhà tù tâm trí. Nó không phải triết học trí tuệ. Nó hoàn toàn không phải một triết lí. Nó cũng không phải tôn giáo, bởi vì nó không hư cấu, không lừa dối, không an ủi. Nó là tiếng gầm của sư tử. Điều vĩ đại nhất Thiền đã mang vào trong thế giới là sự tự do khỏi chính mình.

[1] *Những triết gia Hy Lạp cổ đại, những bậc thầy về trí óc.*

Tất cả các tôn giáo đã nói về việc vứt bỏ bản ngã của bạn. Nhưng nó là một hiện tượng kì quặc: Họ muốn bạn vứt bỏ bản ngã của mình, và bản ngã chỉ là cái bóng của Thượng Đế. Thượng Đế là bản ngã của vũ trụ, và bản ngã là cá tính của bạn. Giống như Thượng Đế là trung tâm của hiện hữu theo như các tôn giáo, bản ngã của bạn là trung tâm của tâm trí bạn, của cá tính bạn. Tất cả họ đều nói về vứt bỏ bản ngã, nhưng không thể vứt bỏ nó trừ khi vứt bỏ Thượng Đế. Bạn không thể vứt bỏ một cái bóng hay một phản chiếu trừ khi cái gốc bị phá hủy.

Cho nên các tôn giáo đã nói liên tục trong nhiều thế kỉ rằng bạn nên tống khứ bản ngã – nhưng họ đưa ra những lí do sai. Họ đã yêu cầu bạn vứt bỏ bản ngã của mình để bạn có thể đầu hàng trước Thượng Đế, đầu hàng trước tu sĩ, đầu hàng trước bất kì kiểu vô nghĩa nào, bất kì kiểu học thuyết, mê tín, hệ thống niềm tin nào.

Thiền vượt khỏi bản ngã và vượt khỏi cái tôi. Ngoại trừ Thiền, không tôn giáo nào đi tới điểm vượt khỏi cái tôi, vượt khỏi linh hồn bạn, vượt khỏi tính cá nhân của bạn. Thiền về bản chất là tự do khỏi chính mình. Bạn đã nghe về những tự do khác, nhưng tự do khỏi chính mình là tự do tối thượng – không tồn tại, và cho phép hiện hữu biểu hiện chính nó trong tất cả sự ngẫu hứng và cao quý. Nhưng đó là hiện hữu – không phải bạn, không phải tôi. Chính cuộc sống tự nó nhảy múa – không phải bạn, không phải tôi.

Chỉ có Thiền trong 25 thế kỉ qua đã tinh chế những phương thức và phương pháp làm cho bạn nhận thức rằng bạn không hiện hữu, bạn chỉ là ngẫu nhiên, chỉ là một ý niệm.

Khi bạn vượt khỏi tâm trí, ngay cả ý niệm "tôi" cũng biến mất. Khi "tôi" cũng tan biến và bạn bắt đầu cảm thấy sự gắn bó sâu sắc trong hiện hữu, không ranh giới, chỉ khi đó Thiền mới nở hoa trong bạn.

Trên thực tế, đó là trạng thái, không gian của ý thức đã thức tỉnh. Nhưng nó không có "tôi" ở trung tâm.

Tôi sẽ làm rõ cho bạn. Socrates nói: "Hãy biết chính mình." Đức Phật nói: "Hãy biết – chỉ biết thôi, còn bạn sẽ không tìm thấy chính mình." Bước vào trong nhận thức của bạn, và bạn càng đi sâu hơn, cái tôi của bạn càng tan chảy. Có lẽ đó là lí do tại sao không tôn giáo nào ngoài Thiền từng thực hiện thiền định – bởi vì việc thiền định sẽ phá hủy Thượng Đế, phá hủy bản ngã, phá hủy cái tôi. Nó sẽ để bạn lại trong cái không tuyệt đối. Chỉ có tâm trí khiến cho bạn sợ cái không. Tôi nhận được câu hỏi này hầu như mỗi ngày: "Tại sao chúng ta lại sợ cái không?" Bạn sợ bởi vì bạn không biết cái không. Bạn chỉ sợ bởi vì bạn hiểu một cách trí óc.

"Mấu chốt là gì? Nếu trong thiền định bạn phải biến mất, thì tốt hơn là cứ ở trong tâm trí." Ít nhất thì bạn hiện hữu – có thể hão huyền, có thể chỉ là một ý niệm, nhưng ít nhất bạn hiện hữu. Sao phải làm toàn bộ những việc không cần nỗ lực này chỉ để tan biến vào cái không?

Tâm trí khiến bạn không sẵn sàng vượt khỏi ranh giới của nó, bởi vì vượt khỏi ranh giới của tâm trí bạn sẽ không tồn tại nữa. Đó sẽ là cái chết tối thượng.

Tâm trí sợ hãi, và nó dường như logic, hiển nhiên. Mấu chốt là gì? Tại sao một người nên làm cái điều mà trong đó anh ta biến mất?

Người ta nói đi nói lại với Đức Phật: "Ông là một gã kì lạ. Chúng tôi tới để nhận ra cái tôi của mình, nhưng thiền định của ông lại tước bỏ cái tôi của chúng tôi."

Socrates là một thiên tài, nhưng bị giới hạn trong tâm trí: "Hãy biết chính mình." Chẳng có cái mình nào để biết. Đó là thông điệp Thiền dành cho thế giới. Chẳng có gì để biết. Bạn chỉ phải là một với cái toàn thể. Chẳng cần phải sợ hãi...

Nghĩ một lát xem: Khi bạn chưa được sinh ra, có lo âu, lo lắng, hối lỗi nào không? Khi bạn không ở đó, chẳng có vấn đề gì. Bạn là vấn đề, khởi đầu của vấn đề, và khi bạn lớn lên, ngày càng nhiều vấn đề... Trước khi bạn chào đời, có vấn đề nào không?

Các Thiền sư liên tục hỏi những người mới đến: "Bạn ở đâu trước khi cha bạn được sinh ra?" Một câu hỏi ngớ ngẩn, nhưng ý nghĩa bao la. Họ đang hỏi bạn: "Nếu bạn không hiện hữu, chẳng có vấn đề nào cả. Vậy thì lo lắng cái gì?" Nếu cái chết của bạn trở thành cái chết tối thượng và tất cả ranh giới biến mất, bạn sẽ không ở đó, nhưng hiện hữu sẽ ở đó. Vũ điệu sẽ ở đó, nhưng vũ công sẽ không ở đó. Bài ca sẽ ở đó, nhưng ca sĩ sẽ không ở đó.

Chỉ có thể trải nghiệm điều này bằng cách rơi sâu hơn, xa hơn tâm trí, đến chính độ sâu của bản thể bạn, chính cội nguồn của sự sống mà từ đó sự sống của bạn đang tuôn chảy ra. Đột nhiên bạn nhận ra hình ảnh của bản thân mình chỉ là ngẫu nhiên. Bạn không có hình ảnh, bạn là vô hạn. Bạn đang sống trong lồng. Khoảnh khắc bạn nhận ra nguồn cội của mình là vô hạn, cái lồng biến mất và bạn có thể mở đôi cánh bay vào bầu trời xanh rồi tan biến. Sự tan biến này là tự do khỏi chính mình. Nhưng điều này không thể xảy ra thông qua trí óc, nó chỉ có thể xảy ra thông qua thiền định.

Hàng trăm cuốn sách đẹp đẽ đã xuất hiện ở phương Tây kể từ khi con người lạ lùng, D. T. Suzuki, giới thiệu Thiền cho phương Tây. Ông đã làm một việc tiên phong, nhưng ông không phải Thiền sư hay thậm chí một hành giả Thiền. Ông là một học giả lớn, và tác động của ông lan đến giới trí thức ở tất cả các quốc gia. Ngay lập tức ông có được sức hấp dẫn to lớn.

Vào khoảnh khắc D. T. Suzuki xuất hiện ở phương Tây, ông là người đầu tiên nói về Thiền ở các trường đại học và cao đẳng phương Tây, và công việc của ông vô cùng hấp dẫn những người trí tuệ, bởi vì họ đã mất niềm tin vào những tôn giáo có tổ chức.

D. T. Suzuki xuất hiện ở phương Tây cùng một cách tiếp cận mới với hiện hữu. Ông hấp dẫn mọi người vì ông là người học rộng, hết sức uyên bác, và ông đã mang cho tâm trí phương Tây một khái niệm mới về tôn giáo. Nhưng nó vẫn là một khái niệm, vẫn là một lí lẽ của tâm trí; nó không bao giờ đi sâu hơn thế.

Điều tương tự đã xuất hiện ở Trung Hoa. Trước khi Bồ Đề Đạt Ma đến ở Trung Hoa, Trung Hoa đã được cải đạo sang Phật giáo. Bồ Đề Đạt Ma đi đến đó 14 thế kỉ trước, nhưng triết lí và tôn giáo của Đức Phật đã tới Trung Hoa hai ngàn năm trước, sáu trăm năm trước khi Bồ Đề Đạt Ma đến đó. Trong sáu trăm năm đó, các học giả đã cải đạo cả nước Trung Hoa sang Phật giáo.

Vào những ngày đó, thật dễ dàng để cải đạo cả quốc gia. Bạn chỉ

cần cải đạo hoàng đế, và thế rồi toàn bộ triều đình của ông ta được cải đạo, rồi toàn bộ quân đội của ông ta được cải đạo, rồi toàn thể bộ máy của ông ta được cải đạo. Và khi hoàng đế cùng toàn thể bộ máy, quân đội và tất cả những người được xem là thông thái của triều đình được cải đạo, số đông đơn giản làm theo.

Số đông chưa bao giờ tự mình quyết định chuyện gì. Họ chỉ theo sau những người tự tuyên bố là vĩ đại, quyền lực, trí tuệ, giàu sang. Nếu những người này được cải đạo, số đông đơn giản làm theo.

Cho nên trong sáu trăm năm đó, hàng ngàn học giả Phật giáo tới Trung Hoa và cải đạo Trung Hoa – các hoàng đế, quan lại. Nhưng nó vẫn chưa phải thông điệp thực sự của Đức Phật. Mặc dù Trung Hoa đã theo Phật giáo, Đức Phật vẫn chưa xuất hiện. Bồ Đề Đạt Ma được sư phụ ông, một phụ nữ, cử đến. Bà nói: "Các học giả đã chuẩn bị con đường, giờ con hãy đi đi. Rất cần con ở đó." Bồ Đề Đạt Ma là vị Phật đầu tiên vào Trung Hoa, và ông mang đến một tầm nhìn hoàn toàn khác, không phải của tâm trí mà của vô trí. Trong sáu trăm năm ở Trung Hoa, Phật giáo chỉ là một bài tập trí óc, một bài thể dục bổ ích. Nhưng khi Bồ Đề Đạt Ma vào Trung Hoa, ông thay đổi toàn bộ ý niệm về Thiền. Mọi người đang nói về Thiền như thể nó là một triết lí khác, nhưng không phải; như thể nó là một tôn giáo khác, nhưng không phải. Nó là cuộc nổi dậy chống lại tâm trí, và tất cả các tôn giáo cùng triết lí của bạn đều là một phần của tâm trí.

Đây là cuộc nổi dậy duy nhất chống lại tâm trí, chống lại cái tôi, cuộc nổi dậy duy nhất nhằm rút lại tất cả những giới hạn đã giam cầm bạn và thực hiện cú nhảy lượng tử vào cái không. Nhưng cái không này rất sống động. Nó là cuộc sống, nó là hiện hữu. Nó không phải giả thuyết. Và khi bạn thực hiện cú nhảy, trải nghiệm đầu tiên là bạn đang biến mất. Trải nghiệm cuối cùng là bạn đã trở thành cái toàn thể.

Tại sao có quá nhiều trí thức phương Tây bị thu hút vào một cuộc kiểm tra của Thiền? Họ đang cảm thấy một khoảng chân không to lớn và họ muốn lấp đầy nó. Bạn không thể sống với một khoảng chân không. Chân không là trống không, và từ sự trống không đó, cuộc sống trở nên buồn bã, nghiêm trọng.

Người đương đại đứng ở một vị trí kì lạ: Cái cũ đã sụp đổ, nó là sự lừa gạt, nhưng cái mới vẫn chưa đến. Cho nên có một khoảng trống, một khoảng hở, và giới trí thức phương Tây đang cố gắng tìm ra cái gì đó không dối trá, cái sẽ không chỉ cho bạn an ủi mà

còn chuyển hóa bạn, cái sẽ là một cuộc cách mạng sâu sắc trong bản thể bạn.

Thiền chắc chắn là cách tiếp cận đúng đắn đối với hiện hữu, đối với chân lí tối thượng. Không cần tin vào điều gì, không cần là môn đồ hay tín đồ, bạn bước vào bên trong chính mình và vào trong cái không bao la của cái toàn thể. Nó chính là cái không mà bạn đã đến từ đó và sẽ lại đi tới đó.

Thiền nghĩa là đơn độc tới mức không có gì để hành thiền. Không đối tượng, chỉ một mình chủ thể tồn tại – ý thức không gợn một bóng mây, một bầu trời thanh khiết.

Khi cội nguồn và đích đến trở thành một, bạn sẽ có một lễ hội lớn. Trong lễ hội đó bạn không hiện hữu, nhưng tất cả hiện hữu sẽ tham gia. Cây cối sẽ làm mưa hoa, chim chóc sẽ hát những bài ca, và đại dương sẽ cùng hân hoan với sông suối.

Toàn thể hiện hữu trở thành nhà của bạn vào khoảnh khắc trái tim bạn tan chảy vào trái tim vũ trụ. Đó là nơi Thiền xảy ra. Trong sự tan chảy vào vũ trụ ấy, bạn trở lại nguồn cội tươi mới, vĩnh hằng, bất biến với thời gian và vô cùng bao la. Chỉ cần duy nhất một điều, đó là sự tự do khỏi chính mình. Đây là tinh túy của Thiền. Bạn đã từng nghe nhiều sự tự do: tự do chính trị, tự do tâm lý, tự do kinh tế – có nhiều loại tự do. Sự tự do tối thượng là Thiền, tự do khỏi chính mình. Không thể chấp nhận điều này như một niềm tin, phải trải nghiệm nó. Chỉ khi đó bạn mới biết. Nó là một vị. Bất kỳ ai cũng có thể miêu tả đường là ngọt, nhưng nếu bạn chưa bao giờ nếm đường thì bạn sẽ nghe từ ngọt mà không hiểu nó là gì. Cách duy nhất là có ai đó bỏ một món đồ ngọt vào miệng bạn.

Chức năng của bậc thầy trong Thiền là nhét cái không vào trong kinh nghiệm của bạn, hay nói cách khác, mang bạn đến cái không của riêng mình. Bậc thầy bày ra các phương thức và khi chúng trở nên cũ kĩ, thành thông lệ, thì ông sẽ vứt bỏ chúng, tìm những phương thức mới, những cách thức mới.

Đã 25 thế kỉ từ khi Đức Phật trao bông hoa sen cho Ma Ha Ca Diếp, không cần một lời nào, và bảo với tăng đoàn của mình: "Cái gì có thể nói ta đã nói cho các vị. Cái ta không thể nói – mặc dù ta muốn nhưng đơn giản là không thể – ta đang chuyển giao cho Ma Ha Ca Diếp." Bông hoa sen đó là một biểu tượng: Trừ phi bạn mở ra giống như bông hoa sen trong ánh mặt trời buổi sớm khi những giọt sương đang sáng lấp lánh như những viên ngọc trên lá sen... Nó là sự chuyển giao nguồn sáng trong im lặng. Không có gì được nói ra.

Ma Ha Ca Diếp lần đầu tiên lại gần Đức Phật, nhận bông sen, chạm

chân Đức Phật, quay trở lại ngồi im lặng dưới gốc cây của mình. Ma Ha Ca Diếp là Tổ đầu tiên của Thiền. Cho nên huyết thống Thiền, gia đình Thiền là một nhánh, một nhánh im lặng của Phật giáo. Họ yêu Đức Phật, bởi vì Thiền thực sự khởi nguồn trong sự biến mất của ông. Ông chuyển giao nó cho Ma Ha Ca Diếp, và từ đó trách nhiệm của Ma Ha Ca Diếp là tiếp tục tìm kiếm những người ông có thể chuyển giao.

Cho nên kể từ khoảnh khắc đó, 25 thế kỉ trước, nó đã được chuyển giao mà không cần cách thức độc đoán nào, không cần ngôn ngữ nào, từ bậc thầy sang đệ tử; từ người đã về nhà sang người vẫn đang lang thang không thể tìm thấy đường.

Bậc thầy thực hiện chức năng của một người bạn. Ông nắm tay bạn và đưa bạn vào con đường đúng, giúp bạn mở mắt, giúp bạn có khả năng vượt khỏi tâm trí. Đó là khi con mắt thứ ba của bạn mở ra, khi bạn bắt đầu nhìn vào bên trong. Một khi bạn nhìn vào bên trong, công việc của bậc thầy kết thúc. Giờ đây nó tùy thuộc ở bạn.

Bạn có thể du hành qua khoảng trống nhỏ bé giữa tâm trí và vô trí trong một khoảnh khắc duy nhất đầy mãnh liệt và gấp rút phi thường. Hoặc bạn có thể du hành chậm rãi, ngập ngừng, dừng lại, sợ rằng đang đánh mất tâm trí, đang đánh mất tính cá nhân, rằng tất cả ranh giới đang tan biến. Bạn đang làm gì? Trong tích tắc bạn có thể nghĩ: “Điều này có thể mang tới sự sụp đổ. Tôi có thể không quay về lại tâm trí mình được nữa. Và ai biết được cái gì sắp xảy ra phía trước? Mọi thứ đang tan biến...”

Nếu bạn quá để tâm đến những thứ đang tan biến, bạn sẽ dừng lại vì sợ hãi. Bậc thầy giúp bạn tập trung tâm trí vào những thứ đang xảy ra, không phải những thứ đang biến mất. Ông ấy buộc bạn nhìn vào phúc lạc, vào sự im lặng đang giáng xuống bạn. Nhìn vào bình an, nhìn vào vui sướng, nhìn vào cực lạc. Ông liên tục nhấn mạnh vào cái đang xảy ra, không phải cái đang ra đi – lo âu, tuyệt vọng, hối hận, thống khổ; ông thậm chí không cho phép bạn lưu ý đến chúng. Cái gì đang tan biến thì không đáng giữ. Hãy liên tục nhìn vào điều đang xuất hiện từ cái không.

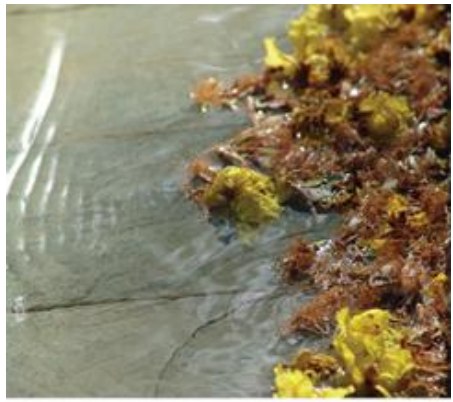

Thế là bạn thu hết can đảm, trở nên liều lĩnh hơn. Bạn biết sẽ không có gì sai. Mỗi xê xích bạn dịch chuyển lại có điều gì đó lớn lao hơn đang xảy đến. Cuối cùng, khi bạn bước vào cội nguồn bản thể bạn, trung tâm bản thể bạn, vũ trụ rơi vào trong bạn, như thể

cả đại dương rơi vào trong một giọt sương.

Ngay khi bạn trải nghiệm chân phúc này, cực lạc này, cơn say thần thánh này, ai quan tâm về tính cá nhân nữa? Ai quan tâm về cái tôi nữa? Cái tôi đã cho bạn điều gì ngoại trừ lo âu, ngoại trừ địa ngục? Và cái không này quá thuần khiết, không có ranh giới. Lần đầu tiên bạn tìm thấy cái vô cùng, cái vĩnh hằng, và tất cả những điều huyền bí của hiện hữu đột nhiên mở cửa ra với bạn. Và chúng tiếp tục mở ra... hết cánh cửa này đến cánh cửa khác...

Không có kết thúc cho hành trình này, nó là cuộc hành hương vô tận. Bạn luôn luôn đến và đến nữa, nhưng bạn không bao giờ đến nơi. Mỗi khoảnh khắc bạn đều đang đi sâu hơn vào trong phúc lạc, vào trong cực lạc, vào trong chân lí, nhưng không có dừng lại hẳn.

Không có kết thúc cho hành trình này, nó là cuộc hành hương vô tận. Bạn luôn luôn đến và đến nữa, nhưng bạn không bao giờ đến nơi.

Một Tuyên ngôn Thiền là tuyệt đối cần thiết, bởi vì những tôn giáo cũ đang sụp đổ. Trước khi chúng sụp đổ và nhân loại hoàn toàn trở nên điên rồ, Thiền phải được truyền bá khắp Trái Đất. Trước khi ngôi nhà cũ sụp xuống, bạn phải tạo ra ngôi nhà mới.

Và lần này đừng phạm phải lỗi lầm cũ. Bạn đã sống trong một ngôi nhà không tồn tại; cho nên, bạn phải chịu mưa gió, mùa đông, mặt trời, bởi vì ngôi nhà là tưởng tượng. Lần này hãy bước vào trong ngôi nhà nguyên thủy của bạn, đừng vào bất cứ ngôi đền nhân tạo nào, tôn giáo nhân tạo nào. Bước vào trong sự tồn tại của riêng bạn. Tại sao phải tiếp tục là một bản sao?

Lần này thật quý giá. Bạn được sinh ra vào một thời khắc may mắn, khi cái cũ đã mất giá trị, mất sự chứng thực, khi cái cũ chỉ đang lượn lờ xung quanh bạn bởi vì bạn không đủ dũng cảm để thoát khỏi nhà tù. Mặt khác, các cửa đều mở – trên thực tế, chẳng có cánh cửa nào, bởi vì ngôi nhà bạn đang sống hoàn toàn là tưởng tượng. Thần linh của bạn là tưởng tượng, tu sĩ của bạn là tưởng tượng, kinh sách thiêng liêng của bạn là tưởng tượng. Lần này, đừng có phạm phải lỗi lầm cũ. Lần này nhân loại phải thực hiện bước nhảy lượng tử từ sự dối trá thối nát cũ kĩ đến chân lí tươi mới vĩnh hằng.

Đây là Tuyên ngôn Thiền. D. T. Suzuki nói: “Thiền phải được nắm bắt bằng đôi tay trần không đeo găng.” Phát biểu của ông đẹp đẽ

một cách đầy lí trí. Bạn nên nắm bắt Thiền bằng đôi tay trần, trơ trụi, không đeo găng. Ông muốn nói rằng bạn nên bước vào trong thế giới của Thiền mà không có đức tin nào, không có sự bảo vệ nào, không có sự an toàn nào, không có đôi găng nào. Bạn nên bước vào trong Thiền với những đôi tay trần, với sự trần trụi.

Nhưng phát biểu của ông vẫn thuộc về trí tuệ. Ông không phải một Thiền sư hay thậm chí một hành giả Thiền. Nếu ông là một Thiền sư, ông hẳn không thể nói như vậy. Một Thiền sư không thể nói rằng Thiền phải được nắm bắt. Mấu chốt không phải là nắm bắt Thiền. Đây là ngôn ngữ cũ của tâm trí, của "chinh phục tự nhiên". Giờ đây nó trở thành chinh phục Thiền.

Thiền là thực tại của bạn. Bạn sẽ nắm bắt ai đây? Bạn sẽ chinh phục ai đây. Bạn là Thiền.

Và ông ấy muốn nói gì bằng từ "với đôi tay trần"? Đôi tay sẽ không với tới đó, dù trần hay đeo găng. Đôi tay tượng trưng cho chuyển động ra ngoài, chúng luôn luôn chỉ ra bên ngoài. Tất cả giác quan của bạn mở ra phía ngoài, chúng đều hướng ngoại. Tai bạn nghe âm thanh đến từ bên ngoài, mắt bạn nhìn màu sắc, ánh sáng đến từ bên ngoài, tay bạn liên tục cầm nắm – nó là bên ngoài bạn. Không giác quan nào của bạn có thể với tới cái bên trong. Với cái bên trong có một sự nhạy cảm khác, con mắt thứ ba. Không có đôi tay.

Ngay giữa hai lông mày, ở chính giữa, là nơi có thể nhìn vào bên trong. Khi bạn đang nhắm mắt, cố gắng nhìn vào trong, tập trung về phía trung tâm của mình, bạn đang liên tục đánh vào con mắt thứ ba. Bởi vì nó đã không được mở trong nhiều thế kỉ, nó đã quên mất làm thế nào để mở.

Không có đôi tay, và không có vấn đề chinh phục. Nó là bản chất của bạn. Chính ý niệm Thiền phải được nắm bắt tạo ra nhị nguyên: Bạn là người sẽ nắm bắt Thiền, và Thiền là thứ gì đó không phải bạn. Nó tạo ra nhị nguyên. Đó là cái giúp tôi biết rõ một người đang trí thức hóa hay thực sự đã có trải nghiệm.

Tâm trí là nhị nguyên; nó luôn luôn chia mọi thứ thành hai cực đối nghịch: kẻ chinh phục và người bị chinh phục, người quan sát và vật bị quan sát, đối tượng và chủ thể, ngày và đêm. Nó tách rời mọi thứ vốn không tách rời. Ngày không tách rời khỏi đêm, cũng như sinh không tách rời khỏi tử. Chúng là một năng lượng. Nhưng tâm trí liên tục chia rẽ mọi thứ thành các cực, các đối lập. Không có gì đối lập trong hiện hữu, mọi mâu thuẫn chỉ ở bề ngoài.

Sâu bên dưới, tất cả các mâu thuẫn cùng gặp gỡ nhau.

Vì vậy, khi có người nói: "Hãy nắm bắt, hãy chinh phục", anh ta vẫn đang nói thứ ngôn ngữ của tâm trí và vẫn đầy bạo lực. Ngôn từ đã thể hiện điều này.

Thiền không là đối tượng cũng không là chủ thể. Nó là một trải nghiệm siêu việt. Siêu việt lên mọi dạng nhị nguyên: Người quan sát và vật bị quan sát trở thành một, người biết và cái biết trở thành một. Cho nên không có vấn đề chinh phục hay nắm bắt, nó là vấn đề buông lỏng vào trong chính mình.

Nó không phải một trận đánh hay một cuộc chiến, nó là sự nghỉ ngơi thuần khiết, chìm sâu vào trong sự thư thái của bạn. Và khi bạn chìm ngày một sâu hơn, bạn thấy mình đang tan chảy. Khoảnh khắc bạn trở thành một với hiện hữu, bạn đã đi tới bản chất của mình. Nó chỉ có thể xảy ra thông qua buông lỏng, thông qua nghỉ ngơi.

Thiền là cách tiếp cận mang tính hiện sinh duy nhất trên thế giới.

LỜI BẠT

Thiền giống như bức điện tín. Bạn đã bao giờ để ý rằng khi bạn viết một bức thư, nó trở nên ngày một dài hơn chưa? Bắt đầu bức thư thì dễ nhưng thật khó để kết thúc nó. Khi bạn gửi một bức điện tín, chỉ mười từ, nó là một thông điệp cô đọng. Bức thư dài mười trang của bạn sẽ không có hiệu quả giống như mười từ của bức điện tín. Ý nghĩa càng cô đọng, càng gây ấn tượng. Ý nghĩa càng dàn trải, càng ít gây ấn tượng.

Thiền tin vào những điều cốt yếu. Nó không có những thứ vô nghĩa xung quanh; không lễ nghi, thứ mà tất cả các tôn giáo khác đã lạc trong đó; không tụng niệm, không mật chú, không kinh sách – chỉ có những giai thoại nhỏ. Nếu bạn có sự nhận biết đúng, chúng sẽ đánh thẳng vào trái tim bạn. Nó là một giáo huấn cô đọng và kết tinh, nhưng một người phải được chuẩn bị cho nó. Sự chuẩn bị duy nhất là nhận thức thiền định.

Bạn không thể dạy Thiền ở các trường đại học vì một lí do đơn

giản là sinh viên không có nhận thức thiền định, và không có cuốn sách nói về Thiền nào có thể làm cho những điều trông có vẻ ngớ ngẩn trở thành có ý nghĩa.

Bạn sẽ ngạc nhiên với việc ở nhiều trường đại học Thiền, họ đang dạy Thiền thông qua những cuốn sách của tôi, bởi vì sách của tôi ít nhất nỗ lực làm cho điều ngớ ngẩn trở thành có vẻ hợp lý.

Tôi cố gắng cung cấp một ngữ cảnh và một nền tảng thích hợp cho những ai không được sinh ra trong truyền thống Thiền. Bản thân những cuốn sách Thiền thì rời rạc. Chúng là những bức điện tín – khẩn cấp, tức thì, không cho sự giải thích nào mà chỉ đơn giản cho tinh chất, hương thơm của hàng ngàn bông hoa. Bạn phải tỉnh táo và thiền định thì mới hấp thụ được chúng.

Nếu bạn có thể hấp thụ chúng thì trong nền văn học thế giới chẳng có gì quan trọng hơn những giai thoại Thiền. Trong mọi thứ, chúng là độc nhất vô nhị. Chúng là những bức tranh nhỏ, và chỉ cần xem chúng cũng đủ để bạn sẽ rơi vào trong một sự bình an vô cùng.

Có những tác phẩm thi ca vĩ đại, nhưng không có tác phẩm nào quan trọng bằng những bài thơ haiku[1] nhỏ bé của Thiền. Tôi luôn yêu mến Basho, một trong những bậc thầy thơ haiku. Thơ haiku của ông nói nhiều điều hơn cả những kinh sách thiêng liêng một nghìn trang – chúng toàn là những dòng văn tẻ nhạt. Một bài thơ haiku của Basho là:

Cái ao xưa cũ...

---

[1] Một thể loại thơ độc đáo của Nhật Bản, mỗi bài chỉ giới hạn trong đúng 17 âm tiết.

Khi nghe thơ haiku, bạn phải mường tượng ra nó. Nó nhỏ bé đến nỗi vấn đề không phải là hiểu, vấn đề là bước vào trong nó. Cái ao xưa cũ... Hãy trải nghiệm cảm giác về một cái ao cũ, mường tượng ra nó.

Cái ao xưa cũ

Con ếch nhảy vào

Bõm.

Và bài thơ haiku kết thúc.

Nhưng Basho đã nói quá nhiều: cái ao xưa cũ, cây cối xưa cũ, những hòn đá xưa cũ xung quanh nó... hẳn phải tĩnh lặng... và một con ếch nhảy vào. Trong khoảnh khắc tĩnh lặng bị khuấy động, bõm. Một lần nữa tĩnh lặng được phục hồi... có khi còn sâu hơn lúc trước. Ông ấy muốn nói gì qua bài thơ haiku này? Ông ấy đang nói, thế giới xưa cũ này... và sự tồn tại của bạn chỉ là một tiếng bõm, một âm thanh ngắn ngủi trong tĩnh lặng. Rồi bạn ra đi, và sự tĩnh lặng sâu thêm. Bằng cách này, ông ấy làm cho toàn bộ thế giới thành phù du, mộng tưởng – chẳng có gì vững chãi trong nó, chỉ có sự tĩnh lặng ngập tràn.

Sự tĩnh lặng ngập tràn chính là bản thể của bạn. Nó cũng chính là bản thể của toàn bộ vũ trụ.